***N5-001. はじめまして: Lần đầu tiên gặp mặt***

| アリス ： はじめまして、 アリスです。 どうぞよろしく。 | Alice: Rất vui được gặp bạn, tôi là Alice. Hân hạnh được biết bạn. |
| --- | --- |
| やまぐち ： あっ。はじめまして。やまぐちです。どうぞよろしく。アリスさんはどちらからですか。 | Yamaguchi: Ồ. Rất vui được gặp bạn. Đây là Yamaguchi. Hân hạnh được biết bạn. Bạn đến từ đâu, Alice? |
| アリス ： わたしは カナダから きました。 | Alice: Tôi đến từ Canada. |
| やまぐち ： ああ、 そうですか。 ひとりで きましたか。 | Yamaguchi: Ồ, vậy sao? Bạn đã đến một mình? |
| アリス ： いいえ、 かぞくと きました。 | Alice: Không, gia đình tôi ở đây. |
| やまぐち ： アリスさん、 おしごとは？ | Yamaguchi: Alice, bạn làm gì? |
| アリス ： わたしは テレコミュニケーションの かいしゃの エンジニアです。 | Alice: Tôi là kỹ sư của một công ty viễn thông. |
| やまぐち ： そうですか。 | Yamaguchi: Thế à? |
| アリス ： やまぐちさんは？ | Alice: Còn ông Yamaguchi thì sao? |
| やまぐち ： わたしは にほんごの きょうしです。 | Yamaguchi: Tôi là giáo viên tiếng Nhật. |
| アリス ： そうですか。 どこの がっこうですか。 | Alice: Vậy à? Trường bạn dạy ở đâu? |
| やまぐち ： めぐろです。 | Yamaguchi: Meguro. |
| アリス ： がっこうの なまえは？ | Alice: Tên trường của bạn là gì? |
| やまぐち ： ＭＬＣです。 | Yamaguchi: MLC. |
| アリス ： ああ、 そうですか。 | Alice: Ồ, thật sao? |

***N5-002. おはようございます: Chào buổi sáng***

| Ａ ： あっ、 おはようございます。 | A: Ồ, chào buổi sáng. |
| --- | --- |
| うえだ ： おはようございます。 | Ueda: Chào buổi sáng. |
| Ａ ： きょうは いいてんきですね。 | A: Hôm nay thời tiết tốt. |
| うえだ ： そうですね。 いいてんきですね。 | Ueda: Vâng. Đó là một thời tiết tốt. |
| Ａ ： きのう、 うえださんは どこに いきましたか。 | A: Ueda đã đi đâu ngày hôm qua? |
| うえだ ： きのうは しんじゅくに いきました。 | Ueda: Hôm qua tôi đã đến Shinjuku. |
| Ａ ： あっ。 そうですか。 わたしもしんじゅくに いきました。 うえださんは ひとりで いきましたか。 | A: Ồ. Là vậy sao. Tôi cũng đã đến Shinjuku. Ueda đi một mình sao? |
| うえだ ： いいえ、 ともだちと。 | Ueda: Không, với bạn tôi. |
| Ａ ： あっ、 そうですか。 わたしは ひとりで いきました。 | A: Ồ, thế à? Tôi đã đi một mình. |
| うえだ ： そうですか。 | Ueda: Vậy à? |

***N5-003. おつかれさまでした　（お疲れ様でした）: Các em đã vất vả***

| せんせい ： おつかれさまでした。 | Giáo viên: Cảm ơn bạn đã làm việc chăm chỉ. |
| --- | --- |
| せいと ： ありがとうございました。 | Học sinh: Cảm ơn bạn. |
| せんせい ： はい、 これ。 | Giáo viên: Vâng, cái này. |
| せいと ： これは、 なんですか。 | Học sinh: Đây là cái gì? |
| せんせい ： しゅくだいです。 | Giáo viên: しゅくだい. |
| せいと ： しゅくだいって なんですか。 | Học sinh: しゅくだい là gì? |
| せんせい ： しゅくだいは Homework です。 | Giáo viên: しゅくだい là bài tập về nhà. |
| せいと:ああ、 そうですか。 わかりました。 がんばります。 | Học sinh: Ồ, vậy à?Tôi hiểu rồi. Tôi sẽ cố hết sức. |
| せんせい ： がんばってください。 | Giáo viên: Hãy cố gắng hết sức. |

***N5-004. せんせい、しつもんがあります　（先生、質問があります）: Thầy ơi, Em có câu hỏi ạ***

| せいと ： すみません。 せんせい、 しつもんが あります。 | Học sinh: Tôi xin lỗi. Thưa thầy, em có một câu hỏi. |
| --- | --- |
| せんせい ： はい、 なんですか。 | Giáo viên: Vâng, nó là gì? |
| せいと ： ”It’s hot today, isn’t it?”は にほんごで なんですか。 | Học sinh: "It’s hot today, isn’t it?" trong tiếng Nhật là gì? |
| せんせい:うん、 「きょうは あついですね」です。 | Giáo viên: Ừ, きょうは あついですね. |
| せいと ： ふ〜ん。 じゃ、 ”Yes. That’s right.” はなんですか。 | Học sinh: Hừm. Vậy ``Yes. That’s right.'' là gì? |
| せんせい ： 「そうですね」です。 | Giáo viên: "そうですね" |
| せいと ： わかりました。 ありがとうございました。 きょうは あついですね。 せんせい。 | Học sinh: Hiểu rồi. Cảm ơn rất nhiều. Hôm nay trời nóng, thầy giáo. |
| せんせい ： ああ。 そうですね。 | Thầy giáo: Ồ. Đúng rồi. |

***N5-005. いま　なんじですか？　（今何時ですか？）: Bây giờ là mấy giờ?***

| Ａ ： すみません。 あおやまさん、 いま、 なんじですか。 | A: Xin lỗi. Aoyama-san, bây giờ là mấy giờ rồi? |
| --- | --- |
| あおやま ： えっと、 いま、 ３じですよ。 | Aoyama: Chà, bây giờ là 3 giờ. |
| Ａ ： きょうの かいぎは なんじからですか。 | A: Buổi họp hôm nay bắt đầu từ mấy giờ? |
| あおやま ： ３じはんからです。 | Aoyama: Bắt đầu từ 3 giờ. |
| Ａ ： そうですか。 あおやまさんも かいぎに いきますか。 | A: Thế à? Aoyama cũng đi họp chứ? |
| あおやま ： はい、 いきますよ。 | Aoyama: Vâng, tôi sẽ đi. |
| Ａ ： あっ。 そうですか。 じゃ、 またあとで。 | A: Ồ. Thế à. Hẹn gặp lại. |
| あおやま ： はい、 じゃ、 またあとで。 | Aoyama: Vâng, hẹn gặp lại sau. |

***N5-006. せんせい、しつもんがあります　（先生、質問があります）: Cô ơi, Em có câu hỏi ạ***

| せいと ： せんせい、 しつもんが あります。 | Học sinh: Thưa thầy, em có một câu hỏi. |
| --- | --- |
| せんせい ： はい、 なんですか。 | Giáo viên: Vâng, nó là gì? |
| せいと ： ”That’s good. Isn’t it?”は にほんごで なんですか。 | Học sinh: "That’s good. Isn’t it?" trong tiếng Nhật là gì? |
| せんせい ： 「いいですね」です。 | Giáo viên: "いいですね" |
| せいと:じゃ、 ”Yes. That’s good.” は なんですか。 | Học sinh: Vậy ``Yes. That’s good.'' là gì? |
| せんせい ： それも 「いいですね」です。 | Giáo viên: いいですね. |
| せいと ： わかりました。 ありがとうございました。 | Học sinh: Hiểu rồi. Cảm ơn rất nhiều. |
| せんせい ： は〜い。 | Giáo viên: Vâng. |

***N5-007. きょうはなんようびですか？　（今日は何曜日ですか？）: Hôm nay là thứ mấy***

| Ａ ： すいません。 きょうは なんようびですか。 | A: Xin lỗi. Hôm nay là thứ mấy. |
| --- | --- |
| Ｂ ： きょうは すいようびです。 | B: Hôm nay là thứ 4. |
| Ａ :すいようびですか。 なんにちですか。 | A: Thứ 4 à? Ngày bao nhiêu? |
| Ｂ ： はつかです。 | B: Ngày 20. |
| Ａ ： ああ。 はつかですか。 らいしゅうの すいようびは なんにちですか。 | A: Vâng. Ngày 20 hả? Thứ 4 tuần sau là ngày bao nhiêu? |
| Ｂ :らいしゅうの すいようびは 27 にちですよ。 | B: Thứ 4 tuần sau là ngày 27. |
| Ａ ： ああ、 そうですか。 ありがとうございます。 | A: Ồ, thế à? Cảm ơn rất nhiều. |

***N5-008. せんせい、しつもんがあります　（先生、質問があります）: Cô ơi, Em có câu hỏi ạ***

| せいと ： せんせい、 しつもんが あります。 | Học sinh: Thưa thầy, em có một câu hỏi. |
| --- | --- |
| せんせい ： はい、 なんですか。 | Thầy giáo: Vâng, nó là gì? |
| せいと ： 「そうですか」って なんですか。 | Học sinh: "そうですか" là gì? |
| せんせい ： 「そうですか」は ’Oh、 You are.’ ‘Oh、 it is.’です。 | Giáo viên: “そうですか” là ‘Oh、 You are.’ ‘Oh、 it is.’ |
| せいと:ああ、 わかりました。 ありがとうございました。 | Học sinh: Ồ, tôi hiểu rồi. Cảm ơn rất nhiều. |
| せんせい ： は〜い。 | Giáo viên: Vâng. |

***N5-009. おつかれさまでした　（お疲れ様でした）: Các em đã vất vả rồi***

| せんせい ： おつかれさまでした。 | Giáo viên: Cảm ơn bạn đã làm việc chăm chỉ. |
| --- | --- |
| せいと ： ありがとうございました。 | Học sinh: Cảm ơn bạn. |
| せんせい:きょうは これから どこに いきますか。 | Giáo viên: Hôm nay bạn đi đâu vậy? |
| せいと ： しんじゅくの デパートに いきます。 | Học sinh: Tôi sẽ đến cửa hàng bách hóa ở Shinjuku. |
| せんせい ： そうですか。 じゃ、 きをつけて。 | Giáo viên: Vậy à? Vậy thì, hãy cẩn thận. |
| せいと ： はい、 ありがとうございます。 またあした。 | Học sinh: Vâng, cảm ơn. hẹn gặp bạn vào ngày mai. |
| せんせい ： はい、 またあした。 | Giáo viên: Vâng, hẹn gặp lại vào ngày mai. |

***N5-010. ランチタイム: Giờ ăn trưa***

| レストランの ひと ： いらっしゃいませ。 | Nhân viên nhà hàng: Chào mừng quý khách. |
| --- | --- |
| Ｂ ： すみません。 ランチタイムは なんじまでですか。 | B: Xin lỗi. Thời gian ăn trưa đến mấy giờ? |
| レストランの ひと ： ランチタイムは ２じまでです。 | Nhân viên nhà hàng: Giờ ăn trưa đến 2 giờ chiều. |
| Ｂ ： いま、 １じ５０ぷんですね。 だいじょうぶですか。 | B: Bây giờ là 1 giờ 50 chiều nhỉ. Có ổn không. |
| レストランの ひと ： そうですね。 ちょっと・・・。 すみません。 | Nhân viên nhà hàng: Đúng thế. Một chút···. xin lỗi. |
| Ｂ ： そうですか。 じゃ、 ディナータイムは なんじからですか。 | B: Thế à? Vậy giờ ăn tối bắt đầu từ mấy giờ? |
| レストランの ひと ： あっ。 え〜、 ５じからです。 | Nhân viên nhà hàng: Oh. Ơ, là từ 5 giờ. |
| B: なんじまでですか。 | B: Đến mấy giờ? |
| レストランの ひと:え〜、 １１じまでです。 | Nhân viên nhà hàng: Đến 11 giờ đêm. |
| Ｂ ： あっ、 わかりました。 ありがとうございます。 | B: À, tôi hiểu rồi. Cảm ơn rất nhiều. |
| レストランの ひと:あっ、 よろしくおねがいします。 | Nhân viên nhà hàng: À, cảm ơn rất nhiều. |

***N5-011. ちょっといいですか？: Cho tôi nhờ chút được không ạ?***

| おきゃく ： すみません。 ちょっと、 いいですか。 | Khách hàng: Xin lỗi. Tôi có thể nhờ một chút không. |
| --- | --- |
| てんいん ： はい、 どうぞ。 | Nhân viên: Vâng, xin mời. |
| おきゃく ： このとけいを みせてください。 | Khách hàng: Vui lòng cho tôi xem chiếc đồng hồ này.. |
| てんいん ： はい。 どれですか。 | Nhân viên: Vâng. Cái nào. |
| おきゃく ： これです。 これ。 | Khách hàng: Cái này. Cái này. |
| てんいん ： あっ。 これですね。 はい、 どうぞ。 | Nhân viên: À. Cái này nhỉ. Xin mời. |
| おきゃく ： えっと、 これはいくらですか。 | Khách hàng: Chà, cái này bao nhiêu vậy? |
| てんいん ： え～、 こちらは １まん８せんえんです。 | Nhân viên: Cái này là 1 man 8 sen. |
| おきゃく ： そうですか～。 これは どこの とけいですか。 | Khách hàng: Vậy à? Đồng hồ này từ đâu? |
| てんいん ： これは イタリアのです。 | Nhân viên: Cái này từ Ý. |
| おきゃ ： あ～。 そうですか。 あっ、 それから、 これも みせてください。 | Khách hàng: À~. Là vậy sao. Ồ, và làm ơn cho tôi xem cái này nữa. |
| てんいん ： あっ。 どうぞ、 どうぞ。 | Nhân viên: À. Xin mời. |
| おきゃく ： これは いくらですか。 | Khách hàng: Cái này bao nhiêu tiền? |
| てんいん ： こちらは ３まん８せんえんです。 あっ、 いえ、 いえ、 すみません。 ３まんえんです。 | Nhân viên: Cái này là 3 man 8 sen. Ồ, không, không, tôi xin lỗi. 3 man. |
| おきゃく ： ３まんえん。 これは どこの とけいですか。 | Khách hàng: 3 man. Cái này từ đâu? |
| てんいん ： これも イタリアのです。 | Nhân viên: Đây cũng là từ Ý. |
| おきゃく ： これも イタリアのですか。 ディスカウント、 だいじょうぶですか。 | Khách hàng: Cái này cũng của Ý à? Giảm giá, có ổn không? |
| てんいん ： ディスカウントですか。 ん～、 ちょっと、 だめですね。 | Nhân viên: Giảm giá? Hmm, không được đâu. |
| おきゃく ： そうですか。 ん～、 じゃ、 これをください | Khách hàng: Vậy à? Hmm, lấy cho tôi cái này. |
| てんいん ： はい、 ありがとうございます。 こちらは １まん８せんえんです。 | Nhân viên: Vâng, cảm ơn bạn. Đây là 1 man 8 sen. |
| おきゃく ： はい、 カード、 だいじょうぶですか。 | Khách hàng: Vâng, thẻ, có ổn không? |
| てんいん ： はい、だいじょうぶですよ。 | Nhân viên: Vâng, không sao đâu. |
| おきゃく ： そうですか。 じゃ、 これ。 | Khách hàng: Thế à. Thì đây. |
| てんいん ： あっ。 ＶＩＳＡカードですね。 だいじょうぶですよ。 | Nhân viên: À. Đó là thẻ VISA nhỉ. Không sao đâu. |

***N5-012. しごと　（仕事）: Công việc***

| Ａ ： はしもとさん、 しごとは なんじから なんじまでですか。 | A: Ông Hashimoto, công việc của ông khi nào bắt đầu khi nào kết thúc? |
| --- | --- |
| はしもと ： わたしは、 あさ８じから ゆうがた５じはんまでです。 | Hashimoto: Tôi làm từ 8 giờ sáng đến 5 giờ chiều. |
| Ａ ： そうですか。 なんようびから なんようびまでですか。 | A: Vậy à? Từ thứ mấy đến thứ mấy? |
| はしもと ： げつようびから きんようびまでです。 どようびと にちようびは やすみです。 | Hashimoto: Từ thứ 2 đến thứ 6. Thứ bảy và chủ nhật được nghỉ. |
| Ａ ： そうですか。 | A: Vậy à? |

***N5-013. ネクタイ: Cà vạt***

| かねだ ： そのネクタイは いくらでしたか。 | Kaneda: Cái cà vạt đó bao nhiêu tiền? |
| --- | --- |
| Ｂ ： これは ２４００えんでした。 | B: Đây là 2400 yên. |
| かねだ ： あっ。 そうですか。 | Kaneda: À. Thế à. |
| Ｂ ： かねださんのは？ | B: Còn của Kaneda thì sao? |
| かねだ ： わたしのは ２０００えんでした。 | Kaneda: Của tôi là 2000 yên. |
| Ｂ ： そうですか。 | B: Thế à? |

***N5-014. おはようございます：　Chào buổi sáng***

| せいと ： あっ。 せんせい、 おはようございます。 | Học sinh: À. Chào buổi sáng, giáo viên. |
| --- | --- |
| せんせい ： おはようございます。 | Giáo viên: Chào buổi sáng. |
| せいと ： せんしゅうの もくようび、 マイケルさん、 きましたか。 | Học sinh: Thứ 5 tuần trước ông Michael có đến đây không? |
| せんせい ： いいえ、 せんしゅうの もくようびは きませんでしたよ。 | Giáo viên: Không, thứ 5 tuần trước đã không đến. |
| せいと ： そうですか。 きょうはきますか。 | Học sinh: Vậy à? Hôm nay có đến không? |
| せんせい ： きょうは、 たぶん、 きます。 | Giáo viên: Hôm nay có lẽ sẽ đến. |
| せいと ： あっ。 そうですか。 | Học sinh: À. Vậy à. |

***N5-015. コピー: Phô tô***

| Ａ ：すみません。 コピーを おねがいします。 | A: Xin lỗi. Tôi muốn bạn photo. |
| --- | --- |
| Ｂ ：えっと、 なんまいですか。 | B: Chà, mấy bản? |
| Ａ ：３まいおねがいします。 あっ。 それから、 これも おねがいします。 | A: 3 bản, làm ơn. Ah. Ngoài ra, cái này cũng. |
| Ｂ ：はい。 | B: Vâng. |
| Ａ ：これは ５まいおねがいします。 | A: Cái này 5 bản. |
| Ｂ ：わかりました。 | B: Tôi hiểu rồi. |

***N5-016. しゅうまつ　（週末）: Cuối Tuần***

| Ａ ： おつかれさまでした。 しゅうまつは どこに いきますか。 | Đáp: Cảm ơn bạn. Bạn đi đâu? |
| --- | --- |
| Ｂ ： ちょっと、 はこねまで。 | B: Chờ chút. |
| Ａ ： ああ、 いいですね。 きをつけて いってらっしゃい。 | A: Ồ, tốt. Bảo trọng. |
| Ｂ ： はい、 ありがとうございます。 | B: Vâng, cảm ơn bạn. |
| Ａ ： じゃ、 またらいしゅう。 | A: Hẹn gặp lại sau. |
| Ｂ ： はい、 じゃ、 また。 | B: Vâng, hẹn gặp lại sau. |

***N5-017. しごと　（仕事）: Công việc***

| Ａ ： まえじまさん、 しごとは なんようびから なんようびまでですか。 | A: Maejima, công việc của bạn bắt đầu từ thứ mấy đến thứ mấy? |
| --- | --- |
| まえじま ： げつようびから どようびまでです。 | Maejima: Từ thứ 2 đến thứ 7. |
| Ａ ： そうですか。 どようびも しごとですか。 | A: Thế à? Thứ 7 cũng phải làm à? |
| まえじま ： ええ、 どようびは １０じから ３じまでです。 | Maejima: Vâng, Thứ 7 làm từ 10h đến 3h. |
| Ａ ： そうですか。 げつようびから きんようびは？ | A: Vậy à? Thứ 2 đến thứ 6 thế nào? |
| まえじま ： げつようびから きんようびは ９じから ５じまでです。 | Maejima: Thứ 2 đến thứ 6 thì từ 9h sáng đến 5h chiều. |
| Ａ ： ああ、 そうですか。 | A: Ồ, thế à? |

***N5-018. きょう　（今日）: Hôm nay***

| しまだ ： さくらいさ～ん。 | Shimada: Sakura. |
| --- | --- |
| さくらい ： は～い。 | Sakura: Vâng. |
| しまだ ： えっと、 きょうは かようびですよね。 | Shimada: Chà, hôm nay là thứ 3 phải không? |
| さくらい ： いいえ、 きょうは すいようびですよ。 | Sakurai: Không, hôm nay là thứ 4. |
| しまだ ： あっ、 そうですね。 きょうは すいようびですね。 ええっと、 ６月６日、 すいようびですね。 | Shimada: À, thế à. Hôm nay là thứ 4 nhỉ. Chà, ngày 6 tháng 6 là thứ 4 nhỉ. |
| さくらい ： いいえ、 きょうは ５日ですよ。 | Sakurai: Không, hôm nay là ngày 5. |
| しまだ ： ええっ。 そうですか。 | Shimada: Ừ. Thế à. |
| さくらい ： そうですよ。 だいじょうぶですか。 しまださん。 | Sakura: Đúng vậy. Bạn có ổn không. Shimada. |

***N5-019. いいてんきですね　（いい天気ですね）: Thời tiết đẹp nhỉ***

| Ａ ： おはようございます。 | A: Chào buổi sáng. |
| --- | --- |
| くろだ ： おはようございます。 | Kuroda: Chào buổi sáng. |
| Ａ ： きょうも いいてんきですね。 | A: Hôm nay thời tiết cũng tốt nhỉ. |
| くろだ ： そうですね。 いいてんきですね。 | Kuroda: Đúng thế. Thời tiết đẹp nhỉ. |
| Ａ ： くろださんは しゅうまつ どこに いきましたか。 | A: Kuroda đã đi đâu vào cuối tuần? |
| くろだ ： わたしは にっこうに いきました。 | Kuroda: Tôi đã đi tắm nắng. |
| Ａ ： そうですか。 わたしは かまくらに いきました。 | A: Thế à? Tôi đã đến Kamakura. |
| くろだ ： ああ、 そうですか。 | Kuroda: Ồ, vậy à? |

***N5-020. これをください: Cho tôi cái này***

| てんいん ： いらっしゃいませ。 | Nhân viên: Chào mừng quý khách. |
| --- | --- |
| おきゃく ： すみません。 これは いくらですか。 | Khách hàng: Xin lỗi. Cái này bao nhiêu tiền. |
| てんいん ： こちらは ８００えんです。 | Nhân viên: Cái đó là 800 yên. |
| おきゃく ： じゃ、 これを ３つください。 | Khách hàng: Vậy thì, lấy 3 cái này. |
| てんいん ： はい。 | Nhân viên: Vâng. |
| おきゃく ： それから、 これも ください。 | Khách hàng: Ngoài ra, hãy cho tôi cái này nữa. |
| てんいん ： これは ５００えんです。 | Nhân viên: Đấy là 500 yên. |
| おきゃく ： ん～、 じゃあ、 ふたつください。 | Khách hàng: Ừm, vậy thì lấy cho tôi 2 cái. |
| てんいん ： じゃあ、 ３４００えんですね。 | Nhân viên: Vậy là 3,400 yên phải không? |
| おきゃく ： はい、 じゃ、 これ、 ５０００えん。 | Khách hàng: Vâng, đây là 5000 yên. |
| てんいん ： はい、 ５０００えん。 じゃ、 １６００えんの おかえしです。 | Nhân viên : Vâng, 5000 yên. Vậy thì, tôi sẽ trả 1600 yên. |
| おきゃく ： ども。 | Khách hàng: Xin chào. |
| てんいん ： ありがとうございました。 | Nhân viên: Cảm ơn bạn. |

***N5-021. メニュー: Thực đơn***

| レストランの ひと ： いらっしゃいませ。 メニューを どうぞ。 | Nhân viên nhà hàng: Chào mừng quý khách. thực đơn xin mời. |
| --- | --- |
| おきゃく ： どうも。 えっと、 このステーキと、 このサラダを おねがいします。 | Khách hàng: Cảm ơn. Umm, món bít tết và salad này, làm ơn. |
| レストランの ひと ： このステーキと、 このサラダですね。 え～、 のみものは？ | Nhân viên nhà hàng: Bít tết này và salad này. Ơ, còn đồ uống thì sao ạ? |
| おきゃく ： のみものは、 え～、 アイスコーヒーを おねがいします。 | Khách hàng: Về đồ uống, umm, tôi muốn một ly cà phê đá. |
| レストランの ひと ： はい、 わかりました。 | Nhân viên nhà hàng: Vâng, tôi hiểu rồi. |

***N5-022. これから: Từ bây giờ***

| Ａ ： おはようございます。 | A: Chào buổi sáng. |
| --- | --- |
| Ｂ ： あっ、 おはようございます。 これから しごとですか。 | B: Ồ, chào buổi sáng. Bạn đang chuẩn bị đi làm à? |
| Ａ ： はい、 これから、 おおさかに いきます。 | A: Vâng, từ bây giờ tôi sẽ đến Osaka. |
| Ｂ ： そうですか。 いってらっしゃ～い。 | B: Thế à? Anh đi cẩn thận nhé. |
| Ａ ： はい、 いってきま～す。 | A: Anh đi rồi về nhé. |

***N5-023. いらっしゃい: Xin mời quý khách***

| やおや ： いらっしゃ～い。 | Yaoya: Xin chào quá khách. |
| --- | --- |
| おきゃく ： すみません。 このトマトは いくらですか。 | Khách hàng: Xin lỗi. Những quả cà chua này bao nhiêu tiền? |
| やおや ： えっと、 これは、 ５つ、 ２００えんです。 | Yaoya: À, cái này là 5 cái với giá 200 yên. |
| おきゃく ： ん～。 そうですか。 １つ、 いくらですか。 | Khách hàng: Hừm. Thế à. Bao nhiêu tiền 1 quả? |
| やおや ： ５０えんですよ。 | Yaoya: Là 50 yên. |
| おきゃく ： ん～、 じゃ、 これ、 ２つください。 | Khách hàng: Hmm, vậy thì, hai quả, làm ơn. |
| やおや ： はい、 １００えんね。 | Yaoya: Vâng, 100 yên. |
| おきゃく ： え～っと。 それから、 レモンは いくらですか。 | Khách hàng: Chà. Chanh giá bao nhiêu? |
| やおや ： レモンは ３つ１００えんです。 | Yaoya: Ba quả chanh là 100 yên. |
| おきゃく ： ひとつは だめですか。 | Khách hàng: 1 quả không được hả? |
| やおや ： あ～、 それはねえ・・・ | Yaoya: Ah~, cái đó ... |
| おきゃく ： ん～、 じゃ、 みっつください。 | Khách hàng: Hmmm, vậy thì, cho tôi ba quả. |
| やおや ： はい、 じゃ、 ２００えんね。 | Yaoya: Ừ, vậy thì 200 yên. |
| おきゃく ： はい、 じゃ、 これ。 | Khách hàng: Vâng, vậy thì cái này. |
| やおや ： はい、 どうも。 ありがとう。 | Yaoya: Vâng, cảm ơn bạn. cảm ơn. |
| おきゃく ： どうも。 | Khách hàng: Cảm ơn. |

***N5-024. まちがえました　（間違えました）: Tôi bị nhầm rồi***

| ロバート ： おはようございます。 | Robert: Chào buổi sáng. |
| --- | --- |
| ＭＬＣ ： あれ。 ロバートさん、 レッスンは １じはんからですよ。 | MLC: Ồ. Thầy Robert, bài học bắt đầu từ 1h30 đấy. |
| ロバート ： えっ。 いま、 なんじですか。 | Robert: Ơ. bây giờ là mấy giờ. |
| ＭＬＣ ： いま、 １２じはんです。 | MLC: Bây giờ là 12 giờ. |
| ロバート ： ああ。 まちがえました。 | Robert: Ồ. Tôi đã nhầm. |
| ロバート ： じゃ～。 ちょっと コーヒーショップに いきます。 | Robert: Được rồi. Tôi đang đi đến một quán cà phê. |
| ＭＬＣ ： はい、 じゃ、 またあとで。 | MLC: Vâng, hẹn gặp lại sau. |
| ＭＬＣ ： はい。 | MLC: Vâng. |

***N5-025. はい、MLCです: Vâng đây là trường MLC***

| ＭＬＣ ： はい、 ＭＬＣです。 | MLC: Vâng, MLC. |
| --- | --- |
| フランソワ ： もしもし、 フランソワです。 | François: Xin chào, tôi là François. |
| ＭＬＣ ： あっ。 フランソワさん。 こんばんは。 | MLC: À. Ông Francois. Chào buổi tối |
| フランソワ ： こんばんは。 すみません。 おおきせんせい おねがいします。 | Francois: Chào buổi tối. Xin lỗi. Giáo viên Oki làm ơn đi. |
| ＭＬＣ ： え～、 おおきせんせいは いま レッスンです。 | MLC: Ơ, bây giờ thầy Oki đang trong lớp học. |
| フランソワ ： そうですか。 レッスンは なんじまでですか。 | Francois: Thế à? Lớp học đến mấy giờ? |
| ＭＬＣ ： ８じまでです。 | MLC: Cho đến 8 giờ tối. |
| フランソワ ： わかりました。 じゃ、 だいじょうぶです。 しつれいします。 | François: Được rồi. Không sao cả. Xin lỗi đã làm phiền. |
| ＭＬＣ ： しつれいします。 | MLC: Xin lỗi đã làm phiền. |

***N5-026. みてください　（見てください）: Hãy xem đi***

| せんせい ： 35 ページを みてください。 | Giáo viên: Em hãy xem trang 35. |
| --- | --- |
| せいと ： すみません。 もういちど ゆっくり いってください。 | Học sinh: Tôi xin lỗi. Xin hãy nói chậm lại. |
| せんせい ： はい。 35 ページを みてください。 | Giáo viên: Vâng. Em hãy xem trang 35. |
| せいと ： あっ。 はい、 わかりました。 35 ページですね。 | Học sinh: À. Tôi hiểu rồi. Trang 35 đúng không nhỉ. |
| せんせい ： はい、 そうです。 35 ページです。 35 ページを みてください。 | Giáo viên: Vâng, đúng vậy. Trang 35. Hãy xem trang 35. |

***N5-027. パソコン: Máy Tính***

| はやし ： もりさんの パソコンは どこのですか。 | Hayashi: Máy tính của Mori là hãng gì? |
| --- | --- |
| もり ： ＮKＣのです。 | Mori: Của NKC. |
| はやし ： いくらでしたか。 | Hayashi: Bao nhiêu tiền vậy? |
| もり ： １４まん８せんえんでした。 はやしさんのは？ | Mori: 14 man 8 sen. Của Hayashi thì sao? |
| はやし ： わたしのは ＰＰＣです。 １７まんえんでした。 | Hayashi: Của tôi là PPC. 17 man. |
| もり ： ああ、 そうですか。 | Mori: Ồ, thế à? |

***N5-028. おつかれさまでした　（お疲れ様でした）: Các em vất vả rồi***

| せんせい ： おつかれさまでした。 | Giáo viên: Cảm ơn bạn đã làm việc chăm chỉ. |
| --- | --- |
| せいと ： ありがとうございました。 | Học sinh: Cảm ơn bạn. |
| せんせい ： えっと、 らいしゅうの レッスンは すいきんの ８じからですね。 | Giáo viên: Chà, bài học tuần sau bắt đầu 8h thứ 4, 6 nhỉ. |
| せいと ： えっ。 そうですか。 すいきんですか。 かあきんじゃありませんか？ | Học sinh: Chà. Thế à. suikin hả? Có phải là kakin không? |
| せんせい ： いいえ、 すいきんですよ・・・。 すいようびと きんようびです。 すいようび、 だいじょうぶですか。 | Giáo viên: Không, suikin... Là thứ 4 và thứ 6. Có ổn không? |
| せいと ： ああ、 はい、 だいじょうぶです。 | Học sinh: Ồ, vâng, không sao đâu. |
| せんせい ： はい、 じゃ、 またらいしゅう、 すいようび。 | Giáo viên: Vâng, hẹn gặp lại tuần sau. |
| せいと ： はい、 しつれいします。 | Seito: Vâng, xin thất lễ. |
| せんせい ： しつれいします。 | Sensei: Xin thất lễ. |

***N5-029. わたしのレッスン（私のレッスン）: Bài học của tôi***

| せいと ： こんばんは。 | Học sinh: Chào buổi tối. |
| --- | --- |
| ＭＬＣ ： こんばんは。 | MLC: Chào buổi tối. |
| せいと ： すみません。 わたしの レッスンは なんじからですか。 | Học sinh: Tôi xin lỗi. Khi nào bài học của tôi bắt đầu? |
| ＭＬＣ ： ６じ 20 ぷんからですよ。 | MLC: Từ 6:20 chiều. |
| せいと ： いま、 なんじですか。 | Học sinh: Bây giờ mấy giờ? |
| ＭＬＣ ： え～、 いま、 ６じ１０ぷんですよ。 ちょっと まってくださいね。 | MLC: Ơ, bây giờ là 6:10. Xin chờ một chút. |
| せいと ： はい、 だいじょうぶです。 | Học sinh: Ừ, không sao đâu. |

***N5-030. はじめまして: Lần đầu tiên gặp mặt***

| Ａ ： こんにちは、 ささきさん。 | A: Xin chào, Sasaki. |
| --- | --- |
| ささき ： こんにちは。 | Sasaki: Xin chào. |
| Ａ ： げんきですか。 | A: Bạn có khỏe không? |
| ささき ： げんきです。 | Sasaki: Tôi khoẻ. |
| Ａ ： あっ、 ささきさん、 こちらは わたなべさんです。 | A: À, Sasaki, đây là Watanabe. |
| ささき ： どうも、 はじめまして。 ささきです。 | Sasaki: Rất vui khi được gặp bạn. Tôi là Sasaki. |
| わたなべ ： はじめまして、 わたなべです。 どうぞよろしく。 | Watanabe: Rất vui được gặp bạn, tôi là Watanabe. Mong được giúp đỡ. |
| Ａ ： ささきさん、 わたなべさんは ＡＢＣソフトの エンジニアです。 | A: Ông Sasaki và ông Watanabe là kỹ sư tại ABCSoft. |
| ささき ： そうですか。 | Sasaki: Thế à? |
| Ａ ： わたなべさん、 ささきさんは ＭＬＣこうくうの スチュワーデスです。 | A: Ông Watanabe và ông Sasaki là tiếp viên của MLC. |
| わたなべ ： ああ、 そうですか。 よろしくおねがいします。 | Watanabe: Ồ, thế à? Mong được giúp đỡ. |
| ささき ： よろしくおねがいします。 きょうは これからどちらへ？ | Sasaki: Mong được giúp đỡ. Hôm nay chúng ta đi đâu? |
| Ａ ： これから、 しんじゅくの きのくにやに いきます。 | A: Tôi sẽ đến Kinokuniya ở Shinjuku. |
| ささき ： そうですか。 いってらっしゃい。 | Sasaki: Thế à? Anh đi cẩn thận nhé. |
| Ａ ： じゃ、 しつれいします。 | A: Vâng, tôi xin thất lễ. |
| わたなべ ： しつれいします。 | Watanabe: Tôi xin thất lễ. |
| ささき ： しつれいします。 | Sasaki: Tôi xin thất lễ. |

***N5-031. ようび（曜日）: Thứ trong tuần***

| せんせい ： ヘレンさん、 しつもんです。 Sunday は にほんごで なんですか。 | Giáo viên: Helen-san, tôi có câu hỏi. Sunday tiếng Nhật là gì? |
| --- | --- |
| ヘレン ： えっと。 げつ－か－すい－もく－きん－ど－にち。 ああ、 にちようびです。 | Helen: Chà. getsu-ka-sui-moku-kin-do-nichi. Ồ, là nichiyoubi. |
| せんせい ： そうです。 にちようびです。 じゃ、 もうひとつ。 Friday は にほんごで なんですか。 | Giáo viên: Thế à. nichiyoubi. Một điều nữa. Friday tiếng Nhật là gì? |
| ヘレン ： げつ－か－すい－もく－きん、 あっ、 きんようびです。 | Helen : getsu-ka-sui-moku-kin. Ồ, là kinyoubi. |
| せんせい ： そうで～す。 | Giáo viên: Đúng vậy. |

***N5-032. このほんはいくらですか？（この本は　幾らですか？）: Quyển sách này bao nhiêu tiền***

| せいと ： すみません。 せんせい。 このほんは いくらですか。 | Học sinh: Tôi xin lỗi. cô giáo. Cuốn sách này bao nhiêu tiền? |
| --- | --- |
| せんせい ： これは ３０４０えんです。 | Giáo viên: 3040 yên. |
| せいと ： そうですか。 このカードは いくらですか。 | Học sinh: Vậy à? thẻ này bao nhiêu tiền. |
| せんせい ： え～。 これは、 みっつ、 １００えんです。 | Giáo viên: Ơ~. 3 cái, 100 yên. |
| せいと ： じゃ、 これと これを ください。 | Học sinh: Chà, làm ơn cho tôi cái này và cái này. |
| せんせい ： え～。 ３１４０えんです。 | Giáo viên: Ơ~. 3140 yên. |
| せいと ： はい、 え～っと。 カードは だいじょうぶですか。 | Học sinh: Vâng, ừm. Thẻ có được không? |
| せんせい ： ごめんなさい。 カードは だめです。 | Giáo viên: Tôi xin lỗi. Thẻ không được. |
| せいと ： あっ、 そうですか。 ちょっと まってください。 あっ。 じゃ、 ５０００えん。 | Học sinh: À, thế à? chờ tôi một chút. Ah. chà, 5000 yên. |
| せんせい ： じゃ、 １８６０えんの おかえしです。 ありがとうございました。 | Giáo viên: Chà, trả lại 1860 yên. Cảm ơn rất nhiều. |
| せいと ： はい、 どうも。 | Học sinh: Vâng, cảm ơn. |

***N5-033. くるま（車）: Xe ô tô***

| いいじま ： あっ。 あれは はらださんの くるまですか。 | Iijima: Ồ. Đó có phải là xe của Harada không? |
| --- | --- |
| はらだ ： どれですか。 | Harada: Cái nào? |
| いいじま ： あれ。 あれ。 あのトヨタの。 | Iijima: Cái đó. cái đó. Toyota đó. |
| はらだ ： ああ、 ちがいます。 わたしのは ＢＭＷです。 いいじまさんのは。 | Harada: Ồ, không. Của tôi là BMW. Của ông Iijima cái nào. |
| いいじま ： わたしのは これです。 | Ijima: Đây là của tôi. |
| はらだ ： ああ。 これですか。 | Harada: Ồ. Có này hả. |

***N5-034. いけぶくろまで　（:池袋まで）: Đến Ikebukuro***

| Ａ ： すみません。 いけぶくろまで いくらですか。 | A: Xin lỗi. Đến Ikebukuro là bao nhiêu? |
| --- | --- |
| Ｂ ： いけぶくろまでは １５０えんですね。 | B: Đến Ikebukuro là 150 yên. |
| Ａ ： そうですか。 なんぷんぐらいですか。 | A: Vậy à? Khoảng bao nhiêu phút? |
| Ｂ ： １５ふんぐらいですよ。 | B: Khoảng 15 phút. |
| Ａ ： そうですか。 どうも。 | A: Vậy à? Cảm ơn. |
| Ｂ ： は～い。 | B: Vâng. |

***N5-035. せんせい、しつもんがあります　（先生、質問があります）: Cô ơi, Em có câu hỏi ạ***

| せいと ： せんせい、 しつもんがあります。 | Học sinh: Thưa thầy, em có một câu hỏi. |
| --- | --- |
| せんせい ： はい、 なんですか。 | Giáo viên: Vâng, nó là gì? |
| せいと ： ’The day after tomorrow’は にほんごで なんですか。 | Học sinh: 'The day after tomorrow' trong tiếng Nhật là gì? |
| せんせい ： あさって、 です。 | Giáo viên: asatte. |
| せいと ： そうですか。 じゃ、 Friday は にほんごで なんですか。 | Học sinh: Thế à? Vậy Friday tiếng Nhật là gì? |
| せんせい ： きんようびです。 | Giáo viên: kinyoubi. |
| せいと ： じゃ、 Saturday は？ | Học sinh: Thế Saturday thì sao? |
| せんせい ： どようびです。 | Giáo viên: doyoubi. |
| せいと ： そうですか。 じゃあ、 weekend は にほんごで なんですか。 | Học sinh: Vậy à? Vậy weekend trong tiếng Nhật là gì? |
| せんせい ： しゅうまつです。 | Giáo viên: Shuumatsu. |
| せいと ： わかりました。 ありがとうございました。 | Học sinh: Tôi hiểu rồi. Cảm ơn rất nhiều. |
| せんせい ： はい。 | Giáo viên: Vâng. |

***N5-036. しゅくだい　（宿題）: Bài tập về nhà***

| せんせい ： おつかれさまでした。 | Giáo viên: Cảm ơn bạn đã làm việc chăm chỉ. |
| --- | --- |
| せいと ： ありがとうございました。 | Học sinh: Cảm ơn bạn. |
| せんせい ： あっ、 ちょっとまってください。 これ、 しゅくだいです。 | Giáo viên: À, xin đợi một chút. Đây là bài tập về nhà. |
| せいと ： あっ、 わかりました。 | Học sinh: À, tôi hiểu rồi. |
| せんせい ： がんばってください。 | Giáo viên: Xin hãy cố gắng hết sức. |
| せいと ： は～い。 あっ、 せんせい、 すみません。 らいしゅうの かようびの レッスン、 わたしは きません。 | Học sinh: Vâng. Oh, giáo viên, tôi xin lỗi. Tôi sẽ không thể tham dự bài học thứ 3 tuần sau. |
| せんせい ： あっ、 そうですか。 じゃ、 これも、 しゅくだいです。 | Giáo viên: À, thế à? Chà, đây cũng là bài tập về nhà. |
| せいと ： えっ、 そうですか。 | Học sinh: Ồ, vậy à? |
| せんせい ： がんばってくださいね。 | Giáo viên: Xin hãy cố gắng hết sức. |
| せいと ： はい。 ありがとうございます。 がんばりま～す。 | Học sinh: Vâng. Cảm ơn rất nhiều. Tôi sẽ làm hết sức mình. |

***N5-037. いってきます: Tôi đi nhé***

| Ａ ： じゃ、 いってきます。 | A: Vâng, tôi đang đi. |
| --- | --- |
| Ｂ ： あっ、 どこに いきますか。 | B: Ồ, bạn đang đi đâu vậy? |
| Ａ ： ちょっと、 コンビニに。 | A: Này, cửa hàng tiện lợi. |
| Ｂ ： そうですか。 じゃ、 いってらっしゃ～い。 | B: Thế à? Anh chị đi cẩn thận nhé. |

***N5-038. しょうかい（紹介）: Giới thiệu***

| せんせい ： おはようございます。 | Giáo viên: Chào buổi sáng. |
| --- | --- |
| ぜんいん ： おはようございます。 | Cả lớp: Chào buổi sáng. |
| せんせい ： じゃ、 きょうは キャシーさんを しょうかいします。 | Giáo viên: Chà, hôm nay tôi sẽ giới thiệu Kathy. |
| キャシー ： キャシーです。 アメリカから きました。 どうぞ、 よろしくおねがいします。 | Cathy: Tôi là Cathy. Tôi đến từ Hoa Kỳ. Mong nhận được sự giúp đỡ của mọi người. |
| ぜんいん ： よろしくおねがいします。 | Cả lớp: Mong nhận được sự giúp đỡ của bạn. |
| マイケル ： わたしは マイケルです。 イギリスからです。 よろしくおねがいします。 | Michael: Tôi là Michael. Tôi đến từ nước Anh. Mong nhận được sự giúp đỡ của mọi người. |
| キャシー ： よろしくおねがいします。 | Cathy: Mong nhận được sự giúp đỡ của bạn. |
| カレン ： わたしは カレンです。 オーストラリアからです。 はじめまして。 | Karen: Tôi là Karen. Tôi đến từ Australia. Rất vui được gặp bạn. |
| キャシー ： はじめまして。 | Cathy: Rất vui được gặp bạn. |
| チェン ： わたしは チェンです。 ちゅうごくから きました。 どうぞよろしく。 | Chen: Tôi là Chen. Tôi đến từ Trung Quốc. Mong nhận được sự giúp đỡ. |
| キャシー ： どうぞよろしく。 | Cathy: Mong nhận được sự giúp đỡ. |

***N5-039. にほんごのレッスン（日本語のレッスン）: Bài học tiếng Nhật***

| Ａ ： あっ。 スーザンさん、 こんばんは。 | A: Ồ. Chào buổi tối, Susan. |
| --- | --- |
| スーザン ： こんばんは。 | Susan: Chào buổi tối. |
| Ａ ： きょうは さむいですね。 | A: Hôm nay trời lạnh nhỉ. |
| スーザン ： そうですね。 | Susan: Đúng thế. |
| Ａ ： これから どこに いきますか。 | A: Bây giờ, bạn sẽ đi đâu? |
| スーザン ： これから、 にほんごの レッスンです。 | Susan : Bây giờ, tôi đến lớp học tiếng Nhật. |
| Ａ ： あっ、 そうですか。 がんばってください。 | A: Ồ, thế à? Hãy cố gắng lên. |
| スーザン ： はい、 ありがとうございます。 がんばります。 | Susan: Vâng, cảm ơn bạn. Tôi sẽ cố hết sức. |

***N5-040. ニューとうきょうレストラン　（ニュー東京レストラン）: Nhà hàng New Tokyo***

| レストランの ひと ： はい、 ニューとうきょうレストランです。 | Nhân viên nhà hàng: Vâng, Nhà hàng New Tokyo. |
| --- | --- |
| Ｂ ： あっ、 えっと、 そちらは なんじから なんじまでですか。 | B: À, ừm, ở đó bắt đầu từ mấy giờ đến mấy giờ? |
| レストランの ひと ： こちらは、 ごぜん１０じから ごご１１じはんまでです。 | Nhân viên nhà hàng: Ở đây từ 10:00 sáng đến 11:00 tối. |
| Ｂ ： あっ。 そうですか。 え～と、 やすみは？ | B: Ồ. Là vậy sao. Ơ, Ngày nghỉ thì sao? |
| レストランの ひと ： やすみは げつようびです。 | Nhân viên nhà hàng: Ngày nghỉ là thứ 2. |
| Ｂ ： わかりました。 どうも。 | B: Tôi hiểu rồi. Cảm ơn. |
| レストランの ひと ： はい、 しつれいします。 | Nhân viên nhà hàng: Vâng, xin thất lễ. |

***N5-041. なつやすみ（夏休み）: Kỳ nghỉ hè***

| こいけ ： おがわさんの なつやすみは なんにちから なんにちまでですか。 | Koike: Kỳ nghỉ hè của Ogawa bắt đầu khi nào kết thúc khi nào? |
| --- | --- |
| おがわ ： ん～、 ことしは ８がつみっかから とおかまでです。 | Ogawa: Hmmm, năm nay bắt đầu từ mùng 3 đến mùng 10 tháng 8. |
| こいけ ： ああ、 そうですか。 どこに いきますか。 | Koike: Ồ, vậy à? Bạn sẽ đi đâu. |
| おがわ ： え～。 たぶん、 ほっかいどうに いきます。 | Ogawa: Ê~. Có lẽ tôi sẽ đi Hokkaido. |
| こいけ ： ああ、 そうですか。 いいですね。 | Koike: Ồ, thế à? Tốt nhỉ. |
| おがわ ： うん、 こいけさんは？ | Ogawa: ừ, còn Koike thì sao? |
| こいけ ： わたしの なつやすみは とおかから はつかまでです。 たぶん、 おきなわに いきます。 | Koike: Kỳ nghỉ hè của tôi là từ mùng 10 đến 20. Có lẽ, tôi sẽ đến Okinawa. |
| おがわ ： おきなわですか。 いいですねえ。 | Ogawa: Okinawa? Nó có vẻ tốt. |

***N5-042. たんじょうび（誕生日）: Ngày sinh nhật***

| せいと ： せんせい、 たんじょうびは いつですか。 | Học sinh: Cô giáo, khi nào là sinh nhật của cô giáo? |
| --- | --- |
| せんせい ： たんじょうびですか。 わたしの たんじょうびは ７がつみっかです。 | Cô giáo: Sinh nhật hả? Sinh nhật của tôi là ngày mùng 3 tháng 7. |
| せいと ： あっ。 そうですか。 わたしは ７がつふつかです。 | Học sinh: À. Thế à. Tôi là ngày mùng 2 tháng 7. |
| せんせい ： そうですか。 なんねんですか。 | Giáo viên: Thế à? Năm bao nhiêu? |
| せいと ： わたしは １９７５ねんです。 | Học sinh: Tôi sinh năm 1975. |
| せんせい ： そうですか。 わたしは １９７１ねんです。 | Giáo viên: Vậy à? Tôi sinh năm 1971. |

***N5-043. おげんきですか？（お元気ですか？）: Bạn có khỏe không?***

| こじま ： あっ、 スーザンさん、 こんにちは。 | Kojima: À, Susan, xin chào. |
| --- | --- |
| スーザン ： こんにちは。 | Susan: Xin chào. |
| こじま ： おげんきですか。 | Kojima: Bạn có khỏe không? |
| スーザン ： ええ、 げんきです。 こじまさんは？ | Susan : Vâng, tôi khoẻ. Kojima thì sao? |
| こじま ： はい、 げんきです。 スーザンさんは ふゆやすみ、 どこに いきましたか。 | Kojima: Vâng, tôi khoẻ. Susan đã đi đâu vào kỳ nghỉ đông không? |
| スーザン ： わたしは オーストラリアに かえりました。 | Susan: Tôi trở về Úc. |
| こじま ： ああ、 そうですか。 わたしは いずに いきました。 | Kojima: Ồ, thế à? Tôi đã đi Izu. |
| スーザン ： そうですか。 | Susan: Thế à? |

***N5-044. はい、MLCです: Vâng đây là trường MLC***

| ＭＬＣ ： はい、 ＭＬＣです。 | MLC: Vâng, Đây là trường MLC. |
| --- | --- |
| スザンヌ ： あっ。 スザンヌですが。 | Suzanne: Ồ. Tôi là Suzanne. |
| ＭＬＣ ： あっ。 こんにちは。 | MLC: Vâng. Xin chào. |
| スザンヌ ： こんにちは。 すみません。 まえだせんせい おねがいします。 | Suzanne: Xin chào. Xin lỗi. Cô giáo Maeda, làm ơn. |
| ＭＬＣ ： えっと。 まえだせんせいは うちに かえりました。 | MLC: Chà. Cô giáo Maeda đã về nhà. |
| スザンヌ ： そうですか。 まえだせんせいは あした、 なんじからですか。 | Suzanne: Thế à? Cô giáo Maeda ngày mai mấy giờ đến ạ? |
| ＭＬＣ ： あしたは １０じはんからです。 | MLC: Ngày mai từ 10 giờ. |
| スザンヌ ： わかりました。 | Suzanne: Tôi hiểu rồi. |

***N5-045. でんわ（電話）: Nghe điện thoại***

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |

えきのひと ： はい、 ＪＲめぐろえきです。

Ｂ ： あっ。 ＭＬＣでは ありませんか。

えきのひと ： あ。 ちがいますよ。

Ｂ ： あっ。 すみません。 でんわばんごうは 03 の 3493 の 3727 ですか。

えきのひと ： いいえ、 3728 です。

Ｂ ： ああ、 まちがえました。 どうも、 すみません。

えきのひと ： はい、 どうも。

N5-046. ただいま: Tôi đã về đây

Ａ ： ただいま～。

Ｂ ： あっ、 おかえりなさ～い。

Ａ ： あれっ。 まえださんは？

Ｂ ： まえださんは かえりましたよ。

Ａ ： あっ、 そうですか。 きむらさんは？

Ｂ ： ええっ、 そうですか。 じゃ、 わたしも かえります。 しつれいしま～す。

Ｂ ： は～い、 おつかれさまでした。

N5-047. きのう　（昨日）: Hôm qua

ジャネット ： あっ、 せんせい こんばんは。

せんせい ： あっ、 ジャネットさん、 こんばんは。 ジャネットさん、 きのう、 きませんでしたね。

ジャネット ： ええ、 きのうは かいぎでした。 ジミーさんは きのう、 きましたか。

せんせい ： いいえ、 ジミーさんも きませんでしたよ。

ジャネット ： ああ、 そうでしたか。 すみませんでした。

せんせい ： いえ。

N5-048. いらっしゃいませ: Xin mời quý khách

てんいん ： いらっしゃいませ。

おきゃく ： あの、 これ、 いくらですか。 この、 ティーシャツ。

てんいん ： こちらは ３２００えんです。

おきゃく ： あっ、 え～、 これも ３２００えんですか。

てんいん ： ええ、 これも ３２００えんです。

おきゃく ： じゃ、 これと これを ください。

てんいん ： はい、 ２まいですね。 ６４００えんです。

おきゃく ： じゃ、 ７０００えん。

てんいん ： はい、 ６００えんの おかえしです。 ありがとうございました。

おきゃく ： どうも。

N5-049. せんせい、こんにちは　（先生、こんにちは）: Em chào cô

ジュディー ： せんせい、 こんにちは。

せんせい ： ああ、 こんにちは、 ジュディーさん。 きのう、 レッスンに きませんでしたね。

ジュディー ： ええ、 すみません。 きのうは、 あの～、 びょういんに いきました。

せんせい ： あっ、 そうですか。 だいじょうぶですか。

ジュディー ： ええ、 いまは だいじょうぶです。

N5-050. でんわばんごう　（電話番号）: Hỏi số điện thoại

Ａ ： いのうえさん、 ちょっと、 すみません。 いのうえさんの でんわばんごうは なんばんですか。

いのうえ ： え～、 ちょっとまってください。 わたしの けいたい、 わたしの けいたい・・・。 あっ、 あっ、え～っと、 ０９０の

Ａ ： はい。

いのうえ ： ３８７９の。

Ａ ： ３８７９の。

いのうえ ： ８４３７です。

Ａ ： あっ。 すみません。 もういちど いってください。

いのうえ ： ８４３７です。

Ａ ： ８４３７ですね。 ありがとうございました。

いのうえ ： は～い。

N5-051. どこにありますか？：　Ở đâu

おきゃく ： すみません。 ちょっといいですか。

てんいん ： はい。

おきゃく ： あの、 コーヒーの クリームパウダーは どこに ありますか・・・。

てんいん ： はい、 こちらです。

おきゃく ： あっ。 どうも。 これですか。 これ？

てんいん ： あっ。 ええっと。 それは インスタントコーヒーですね。 コーヒークリームは そのうえに あります。

おきゃく ： ああ、 これですね。

てんいん ： はい。 それです。

おきゃく ： それから、 すみません。 （はい）アイスクリームは どこに ありますか。

てんいん ： はい、 アイスクリームは レジの まえです。 えっと、 レジは あちらです。

おきゃく ： あっ。 ありがとうございます。

てんいん ： いいえ。

N5-052. べんきょう？ （勉強？）：　Học

せんせい ： おはようございます。

クリス ： おはようございます。

せんせい ： クリスさん、 しゅくだいを しましたか。

クリス ： いいえ、 すみません。

せんせい ： だ～めですね～。 どうして しませんでしたか。

クリス ： きのう、 （はい）しごとが たくさん ありましたから。

せんせい ： あ、 そうですか。 （はい）きのうは なんじまで しごとを しましたか。

クリス ： きのうは 12 じまで しごとを しました。

せんせい ： 12 じまでですか。 （はい）なんじに いえに かえりましたか。

クリス ： えっと、 1 じに うちに かえりました。

せんせい ： タクシーで？

クリス ： ええ、 タクシーで かえりました。

せんせい ： そうですか。 じゃ、 この しゅくだいは きょう がんばってくださいね。

クリス ： はい、 がんばります。 （はい）きょうは うちで たくさん べんきょうします。

せんせい ： はい、 がんばってください。

クリス ： はい。

N5-053. しごと　（仕事）：　Công Việc

たけなか ： こんにちは。

キャシー ： こんにちは。

たけなか ： はじめまして。 たけなかです。

キャシー ： キャシーです。 はじめまして。

たけなか ： どうぞよろしく。

キャシー ： どうぞよろしく。

たけなか ： キャシーさん、 おしごとは なんですか。

キャシー ： えいごの きょうしです。

たけなか ： あっ、 そうですか。 えいごの せんせいですか。 わたしは にほんごの きょうしです。

キャシー ： そうですか。 にほんごの せんせいですか。

たけなか ： キャシーさんの がっこうは どこに ありますか。

キャシー ： しぶやに あります。 しぶやの えきの ちかくです。

たけなか ： へえ ー しごとは なんじから なんじまでですか。

キャシー ： しごとは あさの 10 じから よる 7 じまでです。

たけなか ： いちにちに なんレッスン おしえますか。

キャシー ： そうですね・・・。 ６レッスンから １０レッスンですね。

たけなか ： そうですか。 どようびと にちようびは おやすみですか。

キャシー ： いいえ、 どにちも しごとですよ。

たけなか ： じゃ、 おやすみは ありませんか。

キャシー ： いえ、 ありますよ。 わたしの やすみは げつようびと かようびです。

たけなか ： あ、 そうですか。

N5-054. タクシー：　Xe taxi

Ａ ： あっ、 くろさわさん。 どこに いきますか。

くろさわ ： ああ、 わたしは これから とうきょうえきに いきます。

Ａ ： あっ、 わたしも とうきょうえきに いきます。 （あー）なにで いきますか。

くろさわ ： タクシーで いきますけど、 （そうですか。 ） いっしょに いきますか。

Ａ ： はい、 おねがいします。

Ａ ： タクシー、 きませんね。

くろさわ ： そうですね。 あっ。 タクシーです。

Ａ ： ああ。

Ｃ ： はい、 どちらまで。

くろさわ ： とうきょうえきまで おねがいします。

Ｃ ： は～い。

N5-055. おかね　（お金）：　Tiền

せんせい ： おつかれさまでした。

ベティー ： ありがとうございました。

せんせい ： じゃ、 つぎの レッスンは らいしゅうの かようびですね。

ベティー ： は～い。

せんせい ： これは しゅくだいです。 ３まい あります。

ベティー ： ３まいですか。

せんせい ： はい、 がんばってくださいね。

ベティー ： はい、 がんばります。 ありがとうございました。

ＭＬＣ ： あっ。 おつかれさまでした。

ベティー ： ありがとうございました。 しつれいします。

ＭＬＣ ： あっ、 ベティーさん。 きょう、 レッスンの おかねが ありますか。

ベティー ： ああ、 はい、 あります。 きょう、 はらいます。 え～っと、 いくらですか。

ＭＬＣ ： ２まん８せんえんです。

ベティー ： えっ、 ２まん・・・

ＭＬＣ ： ２まん８せんえんです。

ベティー ： ああ、 はい、 はい、 え～っと。 ああ、 すみません。 きょうは ありません。 ぎんこうに いきませんでしたから。

ＭＬＣ ： そうですか。

ベティー ： はい こんど、 はらいます。 いいですか。

ＭＬＣ ： いいですよ。 こんどの レッスンは いつですか。

ベティー ： らいしゅうの かようびです。

ＭＬＣ ： えっと、 らいしゅうの かようびは １４かですね。 いいですよ。 もんだい ありませんよ。

ベティー ： すみません。

ＭＬＣ ： いいえ。

N5-056. こんにちは：　Xin chào

わたなべ ： こんにちは。

Ｂ ： あっ、 こんにちは。 わたなべさん。

わたなべ ： いいてんきですね。

Ｂ ： そうですね。

わたなべ ： これから、 おしごとですか。

Ｂ ： いいえ、 これから よこはまに いきます。

わたなべ ： ああ、 そうですか。

Ｂ ： はい。 よこはまで ともだちに あいます。

わたなべ ： ああ、 そうですか。 いいですね。

Ｂ ： わたなべさんは？

わたなべ ： わたしは これから おだいばに いきます。

Ｂ ： そうですか。 いいですね。

わたなべ ： じゃ、 しつれいします。

Ｂ ： はい、 しつれいします。 いってらっしゃい。

わたなべ ： は～い。

N5-057. わすれました　（忘れました）：　Em quên mất

ケン ： こんばんは。

せんせい ： ああ、 こんばんは。 ケンさん。 ・・・ケンさん、 げんきですか？

ケン ： ええ、 でも、 すこし つかれました。 きょうは たくさん かいぎを しましたから。

せんせい ： そうですか。 だいじょうぶですか。

ケン ： はい、 だいじょうぶです。

せんせい ： ケンさん、 しゅくだいも しましたか。

ケン ： はい、 しゅうまつに たくさん べんきょうしました。 はい、 これ、 しゅくだいです。

せんせい ： は～い。 ・・・ああ、 いいですね。 がんばりましたね。

ケン ： はい。

せんせい ： じゃ、 きょうは １３かからですね。

ケン ： はい。

せんせい ： きょうかしょの ９４ページを みてください。

ケン ： あれー？ すみません。 きょうかしょを わすれました。

せんせい ： ええ。 そうですか。

ケン ： ええ、 たぶん、 かいしゃに わすれました。 きょう、 かいしゃで ひるやすみに ちょっと べんきょうしましたから。

せんせい ： そうですか。 じゃ、 ちょっと まってください。 いま、 コピーしますからね。

ケン ： はい、 すみません。

N5-058. やすみ　（休み）：　Kỳ nghỉ

Ａ ： こんにちは。

ダイアナ ： こんにちは。

Ａ ： おひさしぶりです。

ダイアナ ： ・・・おひさしぶりって なんですか。

Ａ ： 「おひさしぶりです」は “Long time no see” です。

ダイアナ ： ああ、 そうですか。 おひさしぶりです。

Ａ ： ダイアナさんは ふゆやすみに どこに いきましたか。

ダイアナ ： わたしは くにに かえりました。

Ａ ： そうですか。 くには どちらですか。

ダイアナ ： イギリスです。

Ａ ： ああ、 そうですか。 イギリスの どちらですか。

ダイアナ ： イギリスの ロンドンです。

Ａ ： なりたから ロンドンまで ひこうきで なんじかんですか。

ダイアナ ： 13 じかんぐらいです。

Ａ ： そうですか。 13 じかんですか。 ひこうきの なかで なにを しましたか。

ダイアナ ： え～、 ほんを よみました。 それから・・・・、 えいがを みました。 （はい）それから、 たくさん ねました。

Ａ ： そうですか。 ロンドンで なにを しましたか。

ダイアナ ： ともだちに あいました。 （うん）それから、 レストランや パブに いきました。

Ａ ： そうですか。

ダイアナ ： それから、 ミュージカルも みました。 それから、 デパートで かいものも しました。 （うん）プレゼントを かいました。 どうぞ。

Ａ ： ああ、 ありがとうございます。 これ、 わたしにですか。

ダイアナ ： はい。 そうです。

Ａ ： これ、 なんですか。

ダイアナ ： イギリスの おかしです。

Ａ ： ああ、 ショートブレッドですね。 ありがとうございます。

ダイアナ ： いいえ、 どういたしまして。

N5-059. おてあらい　（お手洗い）：　Nhà vệ sinh

Ａ ： すみません。 おてあらい、 どこですか。

Ｂ ： あっ、 あちらです。

Ａ ： どうも。

N5-060. にくや　（肉や）：　Cửa hàng thịt

にくや ： いらっしゃいませ。

おきゃく ： すいません。

にくや ： はい。 いらっしゃいませ。

おきゃく ： この ビーフを ４００グラムください。

にくや ： はい、 えー この ぎゅうにくを ４００グラムですね。

おきゃく ： はい、 この ぎゅうにくを ４００グラム。 それから、 この ポークを ３００グラムください。

にくや ： はい、 ぶたにくね。 ３００ですね。

おきゃく ： ええ、 ぶたにく、 ３００です。 それから、 この チキンを ５００グラム。

にくや ： はい、 とりにく、 ５００ですね。

おきゃく ： はい、 とりにくを ５００。

にくや ： それから？

おきゃく ： あー、 それで いいです。

にくや ： はい、 ありがとうございます。 えっと、 ２４３０えんですね。

おきゃく ： は～い、 じゃ、 １まんえんで。

にくや ： はい、 じゃ、 ７５７０えんの おかえしですね。

おきゃく ： はい、 どうも。

にくや ： ありがとうございました。 また、 おねがいします。

N5-061. ホチキス：　Cái dập ghim

Ａ ： すみません。

Ｂ ： はい。

Ａ ： あの、 ステイプラーは どこですか。

Ｂ ： えっ？ ステイプラーって？

Ａ ： あの、 カシャカシャ・・・カシャカシャ・・・（ああー）カシャカシャ。

Ｂ ： ああ、 ホチキスですね。 ホチキス。 （ああ）あれは にほんごで ホチキスです。

Ａ ： ああ、 ホチキス。

Ｂ ： ええ、 あれは にほんごで ホチキスです。

Ａ ： ああ、 そうですか。

Ｂ ： ホチキスは、 そのみぎの（みぎ）、 うえから（うえ） ３ばんめの トレイですよ。

Ａ ： ３ばんめ？

Ｂ ： ええ、 そう、 うえから、 １ばんめ、 ２ばんめ、 ３ばんめ。

Ａ ： ああ、 １ばんめ、 ２ばんめ、 ３ばんめ。 これですね。

Ｂ ： そうそう、 そう、 そうです。

Ａ ： あれ？ ありませんよ。

Ｂ ： ええー、 そうですか？ じゃ、 そのしたは？ ４ばんめの トレイ。

Ａ ： ここですか？ ありませんね。

Ｂ ： あれ？ じゃ、 そのしたは。

Ａ ： ５ばんめですね。 （ええ）ありませんよ。

Ｂ ： あれっ？ そうですか。 じゃ、 ちょっと まってください。 んー、 わたしの ホチキスは（すみません）、えっと・・・どこ、 どこ・・・ あっ、 これ、 これ。 どうぞ。

Ｂ ： ごめんなさい。 どうもありがとうございます。

Ａ ： いいえ。

N5-062. レストラン：　Nhà hàng

やまのてレストラン ： はい、 やまのてレストランです。

たかはし ： あの、 たかはしですが、 （はい）きょう、 ７じに よやくしました。

やまのてレストラン ： はい、 しょうしょう おまちください。 はい、 たかはしさまですね。

たかはし ： はい、 えっと、 すみません。 （はい）そちらに ちゅうしゃじょうは ありますか。

やまのてレストラン ： はい、 この ビルの ちかに あります。

たかはし ： そうですか。 （はい）１じかん いくらですか。

やまのてレストラン ： １じかん ５００えんですが、 こちらに ディスカウントチケットが ありますから、 １じかん２００えんです。

たかはし ： ディスカウントチケットで １じかん ２００えんですね。 （はい）わかりました。

やまのてレストラン ： はい。

たかはし ： じゃ、 ７じにいきます。

やまのてレストラン ： はい。

たかはし ： しつれいします。

やまのてレストラン ： しつれいします。

N5-063. デパート：　Tiệm bách hóa

Ａ ： いのうえさんは きょう なにを かいますか。

いのうえ ： わたしは くつを かいます。

Ａ ： そうですか。 わたしは きょう かさを かいます。

いのうえ ： そうですか。 えっと、 かさは なんかいですか。

Ａ ： ちょっと わかりません。

いのうえ ： そうですか・・・。

Ａ ： あっ。 あそこに インフォメーションが ありますね。

いのうえ ： ああ、 そうですね。

Ｃ ： いらっしゃいませ。

Ａ ： すみません。 かさは なんかいですか。

Ｃ ： かさは ３かいです。

いのうえ ： すみません。 くつは？

Ｃ ： くつは ５かいです。

いのうえ ： あっ、 そうですか。 ありがとうございます。

Ａ ： じゃ、 わたしは ３かいに いきます。

いのうえ ： はい、 じゃ、 わたしは ５かいに いきます。

Ａ ： はい。

いのうえ ： じゃ、 またあとで。 （はい） あっ、 じゃ、 ２じにここで。

Ａ ： あっ、 そうですね。 じゃ、 ２じにここで。

いのうえ ： は～い。

Ａ ： は～い。 またあとで。

いのうえ ： は～い。

N5-064. じてんしゃで　きました　（自転車で来ました）：　Tôi đến bằng xe đạp

リンダ ： おはようございます。

せんせい ： あ、 おはようございます。

リンダ ： せんせい、 わたしは きょう、 じてんしゃで きました。

せんせい ： ええ、 そうですか。 （はい）リンダさんの うちから、 ここまで、 じてんしゃで なんぷんぐらいですか。

リンダ ： ２５ふんぐらいです。

せんせい ： ああ、 そうですか。 ・・・きょうは じてんしゃで かいしゃに いきますか。

リンダ ： いいえ、 きょうは やすみです。 どようびですから。

せんせい ： そうですか。 いいですね。 （はい）じゃ、 きょうは うちで たくさん にほんごの べんきょうしますね。

リンダ ： ええ・・・。 きょうは これから ともだちの うちに いきます。 じてんしゃで。

せんせい ： ああ、 にほんじんの ボーイフレンドの うちですか。

リンダ ： ええ・・・・

せんせい ： いいですね～。 じゃ、 ボーイフレンドと にほんごで はなしますね。 いい にほんごの べんきょうですね。

リンダ ： ええ・・・、 でも、 わたしの ボーイフレンドは いつも えいごを はなします。

せんせい ： そうですか。 それは だめですね。 でも、 だいじょうぶ。 リンダさんは にほんごで はなします。

だいじょうぶですか？

リンダ ： はい、 わかりました。 がんばります。

せんせい ： は～い、 がんばってくださいね。

N5-065. ひさしぶりですね　（久しぶりですね？）：　Lâu rồi không gặp

ＭＬＣ ： はい、 ＭＬＣです。

グレッグ ： もしもし、 グレッグです。

ＭＬＣ ： ああ、 グレッグさん。 ひさしぶりですね。 （はい）こんにちは。 げんきでしたか。

グレッグ ： ええ。 せんしゅう、 カナダから にほんに かえりました。

ＭＬＣ ： あー、 そうですか。 （はい）

グレッグ ： せんせいも げんきですか。 （はい）

ＭＬＣ ： げんきですよ。

グレッグ ： そうですか。 （はい）せんせい、 わたしの にほんごの レッスン、 また、 おねがいします。

ＭＬＣ ： はい、 わかりました。 だいじょうぶですよ。 スケジュールは？

グレッグ ： same スケジュールです。

ＭＬＣ ： same スケジュール？ あっ、 おなじ スケジュールですね。 おなじ スケジュール。

グレッグ ： はい。 おなじ スケジュールです。

ＭＬＣ ： じゃ、 すいようびと きんようびの ３じから ４じはんまでですね。

グレッグ ： はい、 そうです。

ＭＬＣ ： はい、 だいじょうぶですよ。 いつからですか？

グレッグ ： らいしゅうの きんようびから、 おねがいします。

ＭＬＣ ： はい、 じゃ、 らいしゅうの きんようび、 ３じに。

グレッグ ： はい、 らいしゅうの きんようび、 ３じに いきます。

ＭＬＣ ： はい、 じゃ、 しつれいします。

グレッグ ： しつれいします。

N5-066. ファクスばんごう　（ファクス番号）：　Số Fax

Ａ ： かわさきさん、 （はい）ちょっと すいません。 かわさきさん でんわばんごうは？

かわさき ： わたしの？ （はい） うちの？ かいしゃの？

Ａ ： うちの。

かわさき ： えー。 ３４９３。

Ａ ： ３４９３。

かわさき ： ３３２０。

Ａ ： ３３２０。 はい。 あ、 それから、 もうひとつ。 （はい） ＦＡＸありますか。

かわさき ： ありますよ。

Ａ ： ばんごうは？

かわさき ： おなじです。 おなじ。

Ａ ： えっ？ おなじ。

かわさき ： ええ、 おなじですよ。 でんわばんごうと おなじ。 ３４９３、 ３３２０です。

Ａ ： あ、 そうですか。 おなじですか。

かわさき ： そうです。 おなじです。 おなじ ばんごうです。

Ａ ： わかりました。 どうも。

かわさき ： いいえ。

N5-067. しぶや　（渋谷）：　Shibuya

くにもと ： しぶやは ひとが たくさん いますね。

さいとう ： そうですねえ。 くにもとさんは よく しぶやに きますか。

くにもと ： ええ、 ときどき。

さいとう ： そうですか。 わたしは あまり きません。

くにもと ： そうですか。 わたしは よく しぶやで かいものを します。

さいとう ： へえ～。

くにもと ： うん ＣＤや ほんを かいます。

さいとう ： ああ、 そうですか。

くにもと ： さいとうさんは どこで かいものを しますか。

さいとう ： わたしは いえの ちかくや、 ぎんざで。

くにもと ： ふーん。

N5-068. きょうかしょ （教科書）：　Sách giáo khoa

せいと ： せんせい、 （はい）ちょっとすみません。

せんせい ： はい、 なんですか。

せいと ： あの、 ＢＰ２は いくらですか。

せんせい ： えっと、 ３３６０えんですね。

せいと ： えー、 ３３６０えん、 （はい）それから、 このほんの ＣＤは ありますか。

せんせい ： はい、 ありますよ。 ＣＤは ７２４０えんです。

せいと ： ＣＤは １まいですか。

せんせい ： いいえ、 ２まい １セットです。

せいと ： ２まい １セット？

せんせい ： はい、 ２まいで 1 セットです。

せいと ： ああ、 （うん）２まいで 1 セットですね。

せんせい ： そうです、 ２まい １セットです。

せいと ： わかりました。 （はい）じゃ、 それもください。 （はい）それから、 （うん）この ほんの ビデオも ありますか。

せんせい ： はい、 ありますよ。 これです。

せいと ： ああ、 これですか。 （はい）ビデオは いっぽんですか。

せんせい ： いいえ、 これも、 ２ほん １セットで、 ９９７０えんです。

せいと ： そうですか。 たかいですね。 （たかいですね）・・・でも、 だいじょうぶです。 （はい）それも ください。

せんせい ： はい、 じゃ、 きょうかしょと ＣＤと ビデオで、 ２０５７０えんです。

せいと ： はい、 じゃ、 ２まんと １０００えんから おねがいします。

せんせい ： はい、 じゃ、 ４３０えんの おかえしです。

せいと ： はい、 どうも。

せんせい ： はい、 ありがとう。

N5-069. なにをしましたか？ （何をしましたか？）：　Bạn đã làm gì?

せんせい ： ボブさん、 きのうは なにを しましたか。

ボブ ： きのうは うちで テレビを みました。 （うん）

せんせい ： なんじかんぐらい みましたか。

ボブ ： （うーん）きのうは ５じかんぐらい みました。

せんせい ： えー、 そうですか。 きのうは なんじに ねましたか。

ボブ ： えーっと、 １じはんに ねました。 （うん）そして、 ７じはんに おきました。 （うん）６じかん ねましたよ。

せんせい ： そうですか。 じゃ、 きのうは にほんごの べんきょうを （えっ？ ） なんじかん しまたか。

ボブ ： すみません。 ぜんぜん、 しませんでした。

せんせい ： えーっ、 しゅくだいは？

ボブ ： すみませ～ん。

せんせい ： じゃあ、 らいしゅうの かようびに おねがいしますね。

ボブ ： はい、 きょうは うちで たくさん にほんごの べんきょうを します。 （はい）だいじょうぶです。

せんせい ： はい、 がんばってくださいね。

ボブ ： はい、 がんばります。

N5-070. ちずがありますか？ （地図がありますか？）：　Bạn có bản đồ không?

Ａ ： すみません。 ひらのさん。 ちょっと いいですか。

ひらの ： はい。

Ａ ： あの、 あした、 PER Software に いきますが、 PER Software の ちずが ありますか。

ひらの ： あ～、 ちずは ありませんけど、 いま、 ちずを かきますよ。

Ａ ： ああ、 そうですか。 おねがいします。

ひらの ： これは・・・えきです。 （はい）で・・・、 これは かいさつぐちです。

Ａ ： はい。

ひらの ： で・・・、 えきのまえに。

Ａ ： はい。

ひらの ： デパートが あります。

Ａ ： デパートの なまえは？

ひらの ： まるいです。 で、 まるいの となりに、 （はい）えっと、 みぎに ですね、 ほんやが あります。

Ａ ： はい、 なまえは？

ひらの ： えっっと、 ほんやの なまえは・・・。 ああ、 ちょっと、 わすれました。 すみません。

Ａ ： ああ、 だいじょうぶです。

ひらの ： それから、 ・・・・・。 ここに ゆうびんきょくが あります。

Ａ ： ゆうびんきょく。 はい。

ひらの ： で、 ここに こうえんが あります。

Ａ ： はい。

ひらの ： PER Software は この こうえんの となりの （はい）７かいの ビルの （はい）３かいから ５かいです。 （はい） うけつけは ３かいです。

Ａ ： え？ うけつけ？

ひらの ： ええ、 “reception” です。

Ａ ： ああ。

ひらの ： わかりましたか。

Ａ ： はい、 わかりました。 ３かいに いきます。 どうも、 ありがとうございました。 ひらの ： いいえ。

N5-071. くるま （車）：　Xe ô tô

ちば ： はらださんの くるまは どこですか。

はらだ ： あの、 あおい くるまの となりです。

ちば ： ああ、 あれですか。 （はい）あの くろいのですね。

はらだ ： ええ。

ちば ： これは、 どこの くるまですか。

はらだ ： ホンダです。

ちば ： ああ、 そうですか。

はらだ ： どうぞ。

ちば ： しつれいします。 あっ。 カーナビが ありますね。

はらだ ： ええ。

ちば ： いいですね。 （いえ）この くるまは いつ かいましたか。

はらだ ： ３かげつまえに かいました。

ちば ： そうですか。

はらだ ： ええ、 ちばさんも くるまを うんてんしますか。

ちば ： ええ、 よく うんてんしますよ。 しゅうまつに。

はらだ ： ちばさんの くるまは どこのですか。

ちば ： わたしのも ホンダのです。

はらだ ： ああ、 そうですか。

ちば ： でも、 わたしのはねえ、 ５ねんぐらいまえに かいましたから。

はらだ ： へえ。

N5-072. インタビュー (interview)：　Phỏng Vấn

ＭＬＣ ： こんにちは。

ブリトニー ： こんにちは。

ＭＬＣ ： えっと、 おなまえは？

ブリトニー ： ブリトニーです。

ＭＬＣ ： あっ。 ブリトニーさん。 （はい）１０じからの アポイントメントですね。

ブリトニー ： はい、 そうです。

ＭＬＣ ： じゃ、 こちらに どうぞ。

ブリトニー ： はい。 ありがとうございます。

ＭＬＣ ： すみませんが、 これ、 アンケート、 “questionnaire” です。 おねがいします。

ブリトニー ： はい。

ブリトニー ： すみません。

ＭＬＣ ： はい。 あっ。 ありがとうございます。 えっと、 いま、 プリントアウトしますね。 （はい）ちょっとまってください。

ブリトニー ： はい。

ＭＬＣ ： はい。 えーっと、 ブリトニーさんは イギリスで ３かげつ べんきょうしましたね。

ブリトニー ： はい。

ＭＬＣ ： これは いつですか。 ことしですか。

ブリトニー ： ええっと、 それは、 きょねんです。 （うん）きょねんの ９がつから １１がつまでです。

ＭＬＣ ： うん、 そうですか。 しゅうに なんかい べんきょうしましたか。

ブリトニー ： しゅうに ２かい べんきょうしました。

ＭＬＣ ： そうですか。 えーっと、 テキストは なにを つかいましたか。

ブリトニー ： テキストは・・・ちょっと まってください。 あ、 これです。

ＭＬＣ ： ああ、 これですか。 （ページをめくるおと）ああ、 たくさん べんきょうしましたね。

ブリトニー ： はい。

ＭＬＣ ： えーっと、 ひらがなと かたかなは だいじょうぶですね。

ブリトニー ： はい。 だいじょうぶです。 （うん）

ＭＬＣ ： かんじは？

ブリトニー ： すこし べんきょう しましたけど、 わすれました。

ＭＬＣ ： うん、 そうですか。 それから、 せんせいは にほんじんでしたか。

ブリトニー ： はい、 にほんじんの せんせいでした。

ＭＬＣ ： うん、 おとこの せんせいでしたか。 おんなの せんせいでしたか。

ブリトニー ： おんなの せんせいでした。

ＭＬＣ ： そうですか。

ブリトニー ： はい。

N5-073. だいじょうぶですか？　（大丈夫ですか？）：　Bạn không vấn đề gì chứ?

しまだ ： さくらいさ～ん。

さくらい ： は～い。

しまだ ： つぎの かいぎは らいしゅうの もくようび、 ３じからですよね。

さくらい ： ええ、 そうですよ。

しまだ ： えっと、 らいしゅうの もくようびは ８がつ ついたちですよね。

さくらい ： えっ。 ちがいますよ。

しまだ ： でも、 きょうは ７がつ・・・

さくらい ： いえ、 いま、 ８がつですよ。

しまだ ： えっ。 ８がつ？ きょうは ７がつ ２６にちですよね。

さくらい ： いえ、 ちがいますよ。 それはせんしゅうですよ。

しまだ ： あれ？ そうですか？

さくらい ： はい、 きょうは ８がつ ふつか、 きんようび。 だいじょうぶですか。 しまださん。

しまだ ： ああ、 そうですね。

N5-074. ようび　（曜日）：　Các thứ trong tuần

せんせい ： おつかれさまでした。

せいと ： ありがとうございました。

せんせい ： じゃ、 らいしゅうの レッスンは もくようびの １じからと （はい）どようびの ３じからですね。

せいと ： えっ。 ちょっと まってください。 げつ か すい もく、 はい、 もくようびの １じからと。 げつ か すい もく きん ど、 どようびの ３じから。

せんせい ： そうですね。 だいじょうぶですか。

せいと ： はい、 だいじょうぶです。 でも、 さらいしゅうは ほんこんから ともだちが きますから、 わたしは レッスンに きません。

せんせい ： ああ、 そうです。 わかりました。 じゃ、 さらいしゅうは キャンセルですね。 （はい）だいじょうぶです。

せいと ： はい、 よろしくおねがいします。

せんせい ： は～い。

N5-075. どこですか？：　Ở đâu

Ａ ： すいませーん。 ジョンさん。

ジョン ： はい。

Ａ ： ごみばこは どこですか。

ジョン ： え？ ごみばこって？

Ａ ： えーっと、 あの、 ごみばこは “trash box” です。

ジョン ： あ、 ごみばこ、 “trash box”。 ごみばこは このしたですよ。

Ａ ： あ？ ここですか。 はい、 えっと、 それから、 きんこは どこですか。

ジョン ： えっ？ きんこって？

Ａ ： きんこは “safe” です。 きんこは どこですか。

ジョン ： ああ、 きんこは えっと、 となりの へやです。 となりの へやに あります。

Ａ ： は～い、 わかりました。 えっと、 それから コンセントは どこですか。

ジョン ： えっ？ コンセント？

Ａ ： あっ。 コンセントは えいごじゃありませんね。

ジョン ： うん、 コンセントは えいごじゃありません。

Ａ ： えっと、 コンセントは えいごで outlet です。

ジョン ： ああ、 コンセントは いすの うしろです。

Ａ ： ああ、 ここですか。 わかりました。 ありがとうございます。

ジョン ： いえいえ、 どういたしまして。

N5-076. えいが　（映画）：　Phim

さくらい ： えっと。 えいがは なんじからですか。

Ｂ ： ３じからですよ。

さくらい ： えっと、 ３じ・・・。 いま、 なんじですか。

Ｂ ： いま、 ２じ４０ぷんですね。

さくらい ： じゃ、 ２０ぷん ありますね。

Ｂ ： そうですね。

さくらい ： わたし、 ポテトチップス、 かいます。

Ｂ ： うん、 いいですね。 あ、 わたしは のみものを かいます。

てんいん ： いらっしゃいませ。

さくらい ： すみません。 これ、 ください。

てんいん ： ポテトチップスですね。

さくらい ： はい。

てんいん ： ２５０えんです。

さくらい ： はい。

てんいん ： はい、 ５０えんの おかえしです。

Ｂ ： さくらいさん、 なにを のみますか。

さくらい ： えっ～と。 ジンジャエールを。

Ｂ ： はい。 ・・・・・ すみません。

てんいん ： はい。

Ｂ ： ジンジャエールを ２つ。

てんいん ： はい、 しょうしょう おまちください。 ・・・・・ はい、 ４２０えんです。

Ｂ ： はい。

てんいん ： ８０えんの おかえしです。 ありがとうございました。

Ｂ ： はい、 これ、 さくらいさんの。

さくらい ： ありがとう

N5-077. でんわがありました　（電話がありました）：　Bạn vừa có điện thoại đấy

だんせい ： ただいま。

じょせい ： あっ。 おかえりなさい。 おつかれさまでした。

だんせい ： あの、 でんわは ありましたか。

じょせい ： えっと、 ＡＴＢの たけなかさんから、 （はい）３０ぷんまえに でんわが ありました。

だんせい ： ああ、 そうですか。 （はい）メッセージありましたか。

じょせい ： いいえ、 なにも。

だんせい ： そうですか。 （ええ）じゃ、 あとで、 わたしから でんわします。

じょせい ： はい、 おねがいします。 あっ、 それから、 （はい）２じごろ、 ＳＴＬの よしださんが きましたよ。

だんせい ： へぇ、 そうですか。 （ええ）よしださんですか。 （はい）

じょせい ： あっ、 これ、 よしださんからです。

だんせい ： ああ、 ありがとうございます。

じょせい ： はい。

N5-078. いいです：　Được thôi, tốt thôi

Ａ ： ささきさん、 デザート、 たべますか。

ささき ： いいです。

Ａ ： えっ。

ささき ： いいです。 いいです。

Ａ ： えっ。 たべますか。 たべませんか。

ささき ： いいです。 いいです。 たべません。

Ａ ： ああ、 はい、 はい、 わかりました。 じゃ、 コーヒーは？

ささき ： ああ、 いいですね。

Ａ ： えっ、 のみませんか？

ささき ： いいえ、 のみますよ。 のみます。 「いいですね」は 「のみます」です。

Ａ ： ああ、 そうですか。

N5-079. ごみ：　Rác thải

Ａ ： おはようございま～す。

Ｂ ： あっ、 おはようございます。

Ａ ： すみません。 この “garbage” は どこですか。

Ｂ ： “garbage”？ ああ、 ごみですね。 ごみ。 ごみは そこです。

Ａ ： ああ、 そこですか。 ありがとうございます。

Ｂ ： ああ、 ちょ、 ちょっと まってください。 なかは なんですか。

Ａ ： なかは ビデオテープと・・・

Ｂ ： ああ、 それは きょうは だめですよ。 ビデオテープは もえないごみですから、

Ａ ： もえないごみ？

Ｂ ： うん、 もえないごみ。

Ａ ： ああ、 もえないごみ。

Ｂ ： うん、 ビデオテープは もえないごみですから、 きょうは だめです。 （ああ）もえないごみは かようびね。

Ａ ： わかりました。 もえないごみは かようびですね。

Ｂ ： うん。 それからね。 もえるごみは、

Ａ ： も、 もえるごみ？

Ｂ ： そうそう、 もえるごみ。 たとえば、 かみね。

Ａ ： ああ、 かみですね。 もえるごみは。

Ｂ ： うん、 そうです。 かみの ごみね。 もえるごみは げつようびと きんようび。

Ａ ： はい、 そうですか。 わかりました。 どうも。

Ｂ ： あっ、 ちょ、 ちょっと まってね。 ごみはね。 あさの ８じはんまでね。

Ａ ： ああ、 そうですか。 ８じはんまでですか。

Ｂ ： それからね。 まえのひの よるは だめですよ。

Ａ ： あっ。 わかりました。

Ｂ ： おねがいしますね。

Ａ ： は～い。

N5-080. レッスン：　Bài học

ＭＬＣ ： はい、 ＭＬＣです。

ジェニー ： もしもし、 えっと、 え～、 きょう レッスンに きません。

ＭＬＣ ： はい？ えっと、 おなまえは？

ジェニー ： あっ、 あ～、 ジェニーです。

ＭＬＣ ： ジェニーさん。 （はい）クラスは？

ジェニー ： あ～。

ＭＬＣ ： なんじからですか。

ジェニー ： え～、 ６じ２０ぷんからです。

ＭＬＣ ： ６じ２０ぷんから グループレッスンですね。 きょう？

ジェニー ： きょう、 レッスンに きません。

ＭＬＣ ： えっ？

ジェニー ： あっ、 ああ、 レッスンに いきません。

ＭＬＣ ： ああ、 わかりました。 じゃ、 せんせいに いいますね。 （はい）らいしゅうの かようびは だいじょうぶですか。

ジェニー ： はい、 だいじょうぶです。

ＭＬＣ ： じゃ、 らいしゅうのかようびに。

ジェニー ： はい、 しつれいします。

ＭＬＣ ： しつれいします。

N5-081. インボイス　（Invoice）：　Hóa đơn

Ａ ： おかださん、 （はい）きのう、 ＩＴＳソフトから インボイス、 きましたか。

おかだ ： きのうですか・・・。 （ええ）いいえ、 きませんでしたよ。

Ａ ： ああ、 そうですか。

おかだ ： でも、 メールが きましたよ。 （あっ）プリントアウトしますか。

Ａ ： あっ。 はい。 おねがいします。

おかだ ： じゃ、 ちょっと まってください。

Ａ ： あっ、 じゃあ、 ２まい おねがいします。

おかだ ： はい。 ・・・ あっ、 それから、 （はい）３０ぷんまえに （ええ）ＩＴＳソフトの いしださんから でんわがありましたよ。

Ａ ： ああ、 そうですか。 （ええ）じゃ、 いま、 わたしから でんわします。

おかだ ： はい、 おねがいします。 （はい）

N5-082. はじまして：　Lần đầu gặp mặt

アン ： はじめまして。 アンです。 どうぞよろしく。

たみや ： たみやです。 はじめまして。 どうぞよろしくおねがいします。 アンさんは どちらからですか。

アン ： わたしは カナダからです。

たみや ： ああ、 そうですか。 （はい）カナダの どちらからですか。

アン ： カナダの バンクーバーの ちかくです。

たみや ： ああ、 そうですか。 おしごとは？

アン ： わたしは えいごのきょうしです。

たみや ： へぇ、 がっこうは どこに ありますか。

アン ： わたしの がっこうは よよぎに あります。

たみや ： あ？ よよぎですか。 えきの ちかくですか。

アン ： ええ、 えきから ３ぷんぐらいです。 たみやさん、 おしごとは？

たみや ： わたしは にほんごの きょうしです。

アン ： ああ、 そうですか。 がっこうは どこに ありますか。

たみや ： めぐろです。 めぐろの ＭＬＣです。 えきから あるいて ２ふんぐらいです。 （ふうーん）

アン ： せいとさんは たくさん いますか。

たみや ： ええ、 たくさん いますよ。

アン ： せいとさんは、 みなさん どこからですか。

たみや ： そうですね。 ６０パーセントの ひとは アメリカ、 カナダ、 イギリス、 オーストラリアからですね。

（うん）４０パーセントの ひとは たくさんの くにからです。

アン ： へぇ。 ＭＬＣの レッスンは しゅくだいが ありますか。

たみや ： ええ、 ありますよ。 ときどき たくさんあります。 テストも ありますよ。

アン ： ふーん、 そうですか。 それは いいですね。 わたしも こんど、 ＭＬＣで にほんごを べんきょうします。

たみや ： あー、 そうですか。 いいですよ。 どうぞ。

アン ： すみません。 めいしが ありますか。

たみや ： あ、 はい、 ありますよ。 これ、 わたしの めいしです。 どうぞ。

アン ： あ、 ありがとうございます。

たみや ： これは web ページの アドレスです。 ここに たくさん インフォメーションが ありますから、 みてください。

アン ： はい。 じゃ、 うちでみます。

たみや ： あっ、 それから、 ホームページに ディスカウントの チケットも ありますよ。

アン ： ああ、 いいですね。 ありがとうございます。

N5-083. スポーツ：　Thể thao

ケント ： きむらさんは スポーツを しますか。

きむら ： はい、 わたしは すいえいを します。

ケント ： すみません。 すいえいって なんですか。

きむら ： “swimming” です。

ケント ： ああ、 そうですか。 （はい）よくすいえいを しますか。

きむら ： はい、 よくしますよ。 まいしゅうします。

ケント ： どこで、 しますか。

きむら ： めぐろの プールで します。

ケント ： ああ、 そうですか。 （はい）なんじかんぐらい およぎますか。

きむら ： ２じかんぐらい およぎます。

ケント ： へぇ～。 （ええ）なんキロぐらい およぎますか。

きむら ： たぶん、 １キロぐらいです。

ケント ： へぇ。

きむら ： ケントさんは？

ケント ： わたしは あまり すいえいを しません。

きむら ： そうですか。 どうしてですか。

ケント ： わたしは プールで いつも たくさん みずを のみます。

きむら ： へぇ、 そうですか。

ケント ： （はい）あぶないですから。

きむら ： そうですね。 じゃ、 スポーツは なにを しますか。

ケント ： テニスですね。 （あー）テニスを します。 まいしゅう。

きむら ： そうですか。

ケント ： わたしは にちようびの あさ ９じはんから １１じまで、 （ええ）1 じかんはん テニススクールで テニスを します。

きむら ： ああ、 そうですか

N5-084. ここにありますか：　Có ở đây

Ａ ： アマンダさん、 こんにちは。

アマンダ ： あっ。 こんにちは。

Ａ ： きょうも いいてんきですね。

アマンダ ： そうですね。 いいてんきですね。

Ａ ： アマンダさん、 ここに コーヒーが あります。

アマンダ ： あっ。 そうですか。 （はい）いただきます。

Ａ ： どうぞ。 それから、 ここに ハワイの チョコレートが あります。 たべますか。

アマンダ ： はい、 ありがとうございます。 いただきます。

Ａ ： どうそ。

N5-085. せんせい、いますか？　（先生、いますか？）：　Có thầy, cô giáo ở đó không?

ＭＬＣ ： はい、 ＭＬＣです。

フランソワ ： フランソワです。 こんにちは。

ＭＬＣ ： ああ、 フランソワさん、 こんにちは。

フランソワ ： あの、 おおきせんせい いますか。

ＭＬＣ ： はい、 しょうしょう おまちください。

ＭＬＣ ： すみません。 おおきせんせいは いま レッスンです。

フランソワ ： あ、 そうですか。

ＭＬＣ ： レッスンは ２じはんまでですから、 ２じはんに おおきせんせいから フランソワさんに でんわしますね。 いいですか。

フランソワ ： はい、 おねがいします。 （はい）わたしは いま、 うちに います。 （はい）でも、 ２じはんごろ たぶん かいしゃに いますから、 かいしゃに でんわを おねがいします。

ＭＬＣ ： はい、 わかりしました。 じゃ、 かいしゃに でんわしますね。

フランソワ ： はい、 おねがいします。 しつれいします。

ＭＬＣ ： しつれいします。

N5-086. おみやげ　（お土産）：　Quà lưu niệm

せいと ： こんばんは。

せんせい ： あっ。 こんばんは。

せいと ： せんせい、 せんしゅうは レッスンに きませんでした。 （ええ）すみませんでした。

せんせい ： いいえ。 せんしゅうの きんようびは きょうとに いきましたね。

せいと ： ええ、 きんようびから にちようびまで きょうとに いきました。 あ、 これ、 きょうとの おみやげです。 どうぞ。

せんせい ： ああ、 どうも ありがとうございます。

せいと ： せんしゅうの もくようびに オーストラリアから ともだちが きましたから、 ともだちと きょうとにいきました。 （はい）しんかんせんで。

せんせい ： ああ、 そうですか。 （はい）きょうとで なにを しましたか。

せいと ： た～くさん、 たくさん おてらを みました。

せんせい ： へぇ。

せいと ： きょうとは ひとが た～くさん いました。 びっっくりしました。

せんせい ： そうですか。 しゃしんを たくさん とりましたか。

せいと ： はい、 フィルム ６ぽんぐらい とりました。

せんせい ： そうですか。 にほんりょうりを たくさん たべましたか。

せいと ： はい、 たべましたよ。 た～くさん。

せんせい ： そうですか。

N5-087. るすばんでんわ　（留守番電話）：　Máy điện thoại trả lời tự động

Ａ ： はい、 ＭＬＣ Meguro Language Center です。 メッセージを どうぞ。 ピー

Ｂ ： おはようございます。 ８じからの プライベートレッスンの ベティーです。 すみませんが、 きょうは８じから かいぎが ありますから、 レッスンに いきません。 えーっと、 あさっては だいじょうぶです。 あさって、 ８じに いきます。 しつれいします。

N5-088. よくいらっしゃいました：　Chào mừng quý khách

あべ ： はい。

ロバート ： あっ こんにちは。 ロバートです。

あべ ： あっ。 ちょっと まってください。

あべ ： あっ。 こんにちは、 ロバートさん。

ロバート ： こんにちは。

あべ ： よく いらっしゃいました。 どうぞ。

ロバート ： はい、 しつれいします。

あべ ： どうぞ。 どうぞ。

ロバート ： あっ。 これ、 どうぞ。

あべ ： なんですか。 これ。

ロバート ： あっ ワインです。 あべさんは ワインを のみますか。

あべ ： ええ、 よく のみますよ。 ありがとうございます。

ロバート ： いいえ。 どういたしまして。

あべ ： あの、 しょうかいします。 わたしのしゅじん、 “husband” です。

ロバート ： はじめまして。 ロバートです。 どうぞよろしく。

ごしゅじん ： はじめまして。 ゆきおです。 どうぞよろしく。 ロバートさんは どちらからですか。

ロバート ： わたしは シンガポールからです。

ごしゅじん ： そうですか。 わたしたちは きょねん、 いっしゅうかん シンガポールに いきました。 ね。 あべ ： ええ。

ロバート ： そうですか。

ごしゅじん ： ロバートさん、 なにか のみますか。

ロバート ： ええ、 じゃあ・・・

ごしゅじん ： コーヒーか、 こうちゃか、 オレンジジュースか・・・

ロバート ： じゃ、 こうちゃを おねがいします。

あべ ： ホットですか？ アイスですか？

ロバート ： えっと・・・ ホット・・・。

あべ ： はい、 ホットですね。 わかりました。

ロバート ： すみません。

N5-089. シティーバンク (City Bank)

Ａ ： あの、 ちょっと すみません。 （はい）この ちかくに City Bank の ATM、 ありますか。

Ｂ ： あ～あ、 えっ～と、 ちょっと、 わたし わかりません。 あそこに こうばんが ありますよ。

Ａ ： ああ、 そうですか。 じゃ、 こうばんに いきます。 ありがとうございました。 （はい）

Ａ ： すみません。 この ちかくに City Bank の ATM、 ありますか。

おまわりさん ： City Bank ですか。 この ちかくには ありませんね。 え～、 しぶやに ありますけど・・・。

Ａ ： ああ、 そうですか。 すみませんが、 しぶやの ちず、 ありますか。

おまわりさん ： ごめんなさい。 ここには ありませんね。 しぶやの こうばんに ありますよ。

Ａ ： そうですか、 じゃ、 しぶやの こうばんに いきます。

おまわりさん ： あっ、 そうですね。 おねがいします。

A ： はい、 あー、 ・・・すみません。

おまわりさん ： はい。

A ： しぶやの こうばんは どこに ありますか。

おまわりさん ： しぶやの こうばん？ かいさつぐちの となりです。

Ａ ： あっ。 わかりました。 ありがとうございました。

おまわりさん ： いえ、 じゃ。 きをつけて。

Ａ ： はい。 ありがとうございます。

N5-090. かまくらにいきます　（鎌倉に行きます）：　Đi Kamakura

Ａ ： いいじまさん、 （はい）しゅうまつは どこに いきますか。

いいじま ： かまくらに いきます。

Ａ ： ああ、 そうですか。 （はい）なにで いきますか。 くるまですか。 でんしゃですか。

いいじま ： たぶん、 くるまで いきます。

Ａ ： ああ、 そうですか。 （はい）ひとりで いきますか。

いいじま ： いえ、 かぞくで。 かぞくで いきます。

Ａ ： いいじまさんの うちから かまくらまで くるまで なんじかんぐらいですか。

いいじま ： うん～。 １じかんはんぐらいですね。

Ａ ： そうですか。 （はい）

N5-091. いざかや　（居酒屋）：　Quán nhậu Izakaya

せんせい ： リンダさんは よく いざかやに いきますか。

リンダ ： えっ？ いざかやって なんですか。

せんせい ： いざかやは にほんの スタイルの パブですよ。

リンダ ： あっ、 そうですか。 ええ、 わたしは よく いざかやに いきますよ。

せんせい ： どこの いざかやに いきますか。

リンダ ： えーと、 あの、 えきの ちかくです。 えきの ちかくの いざかやに よく いきます。 かいしゃのひとと。

せんせい ： そうですか。

リンダ ： はい ときどき、 ともだちと しんじゅくや しぶやの いざかやにも いきます。

せんせい ： そうですか。 リンダさんは なにを のみますか。 にほんしゅですか？ ビールですか？ ワインですか？

リンダ ： ん～、 わたしは ビールを よく のみます。

せんせい ： ふうーん、 ビールを なんぼんぐらい のみますか。

リンダ ： え～、 ３ぼんぐらいですね。

せんせい ： そうですか。 たくさん、 のみますね。 リンダさんの ともだちも たくさん のみますか。

リンダ ： ええ、 わたしの ともだちは まいにち おさけを のみます。 だめですね。

せんせい ： そうですね。 あぶないですねえ。

リンダ ： そうですね。 まいにちは だめですね。

せんせい ： リンダさんは だいじょうぶですか。

リンダ ： はい、 だいじょうぶです。 わたしは まいにち のみません。 ときどきです。 でも、 せんせい。

わたしは まいにち、 にほんごを べんきょうします。

せんせい ： ええっ？

N5-092. マック：　Tiệm Mc Donald

Ａ ： あきたさんは よく マックで ひるごはんを たべますか。

あきた ： うん、 よく マックに きますよ。 しゅう３かいぐらい・・・・

Ａ ： へえ～。 そうですか。 （うん）わたしは あまり ファーストフードを たべません。 （ふうーん） たまにですね。

あきた ： ふーん、 じゃ、 きょうは どうして？

Ａ ： きょうは・・・ “payday” は にほんごで なんですか。

あきた ： うん、 “payday” は きゅうりょうびです。

Ａ ： あっ、 きゅうりょうび。 えっと、 きょうは きゅうりょうびまえですから、 おかねが ありません。

あきた ： ははは、 ああ、 そうですか。 じゃ、 きょうは わたしが はらいますよ。

Ａ ： いえいえ、 だいじょうぶです。 だいじょうぶです。

あきた ： えーいいですよ。 わたしが はらいますよ。

Ａ ： じゃあ、 あしたは わたしが はらいますね。

あきた ： そうですか。 ありがとうございます。 （はい）じゃ、 あしたは いいレストランに いきます。 だいじょうぶですか。

Ａ ： えっ？ はっ、 はい、 だいじょうぶです。

N5-093. でんきやさん　（電気屋さん）：　Cửa hàng bán đồ điện

でんきや ： いらっしゃいませ。 いらっしゃいませ。

おきゃく ： すみません。 えっと、 これは いくらですか。

でんきや ： 35,000 えんですね。

おきゃく ： 35,000 えん・・・。

でんきや ： でも、 ディスカウントしますよ。

おきゃく ： ああ、 そうですか。 え～、 いくらくらいですか。

でんきや ： ちょっと、 まってくださいね。 えっと、 29,800 えんですね。

おきゃく ： 29,800 えん。 そうですか。 いいですね。 あの、 これの パンフレット ありますか。

でんきや ： ちょっと まってくださいね。 こちらです。 はい、 ぞうぞ。

おきゃく ： どうも。 ん～、 29,800 えん。 じゃ、 わたし、 これを よみます。 そして、 また きます。

でんきや ： はい、 おねがいします。

おきゃく ： はい。

N5-094. ユニクロ：　Uniqlo

ＭＬＣ ： そのシャツ いいですね。

Ｂ ： ええ、 これ、 きのう かいました。

ＭＬＣ ： そうですか。 どこで。

ＭＬＣ ： ちょっと すみません。 はい、 ＭＬＣです。

ポール ： あ、 もしもし。 わたしは かようびと もくようびの ８じからの プライベートレッスンの ポールです。

ＭＬＣ ： あっ。 ポールさん、 こんにちは。

ポール ： こんにちは。 すみませんが、 あしたの レッスンの キャンセルを おねがいします。

ＭＬＣ ： あっ。 （はい）わかりました。 じゃ、 せんせいに いいますね。

ポール ： はい、 おねがいします。

ＭＬＣ ： あっ。 すみません。 もくようびは だいじょうぶですか。

ポール ： はい、 もくようびは きます。

ＭＬＣ ： えっ？

ポール ： あっ。 すみません。 もくようびは いきます。

ＭＬＣ ： ああ、 はいわかりました。 じゃ、 もくようびに。

ポール ： はい、 しつれいします。

ＭＬＣ ： しつれいします。

ＭＬＣ ： すみませんでした。 （いえいえ）その シャツは どこで かいましたか。

Ｂ ： えー、 これは ユニクロで かいました。 １５００えんでした。

ＭＬＣ ： ああ。 そうですか。 じゃ、 わたしも あした、 ユニクロに いきます。

N5-095. うち：　Nhà

かわかみ ： ながいさんの うちは どこですか。

ながい ： わたしの うちは よよぎです。

かわかみ ： ああ、 そうですか。 えきから なんぷんぐらいですか。

ながい ： ん～、 ２～３ぷんですね。

かわかみ ： そうですか。 いいですね。 （ええ）

ながい ： かわかみさんの うちは？

かわかみ ： わたしの うちは はらじゅくです。

ながい ： へぇ、 いいですね。

かわかみ ： ええ、 でも、 えきから ７～８ぷんです。

ながい ： ふ～ん。

N5-096. おさけ　（お酒）：　Rượu

ひがしやま ： にしやまさんは よく （はい）おさけを のみますか。

にしやま ： あ、ときどき のみます。

ひがしやま ： えっと、 なにを のみますか。

にしやま ： ビールですね。

ひがしやま ： そうですか。 （ええ）ビールを なんぼんぐらい のみますか。

にしやま ： ん～、 ５～６ぽんですね。 （へぇー）ひがしやまさんは？

ひがしやま ： わたしは おさけは だめです。

にしやま ： へえ～。

ひがしやま ： ぜんぜん のみません。

にしやま ： そうですか。

N5-097. ファクスがきました。 （ファクスが来ました）：　Fax đã đến

Ａ ： あっ。 はやしさん。

はやし ： はい。

Ａ ： ＦＡＸがきましたよ。 みますか。

はやし ： あっ、 はい、 どうも。 えっと、 これはインターワールドからですね。

Ａ ： そうですね。

はやし ： これはわたしにではありませんね。

Ａ ： あっ、 そうですか。 （うん）すみませんでした。 ああ、 これ、 森さんにですね。 （うん）

Ａ ： 森さん、 すみません。 これ、 インターワールドからＦＡＸですよ。

森 ： ああ、 どうも。 ありがとうございます。

Ａ ： いいえ。

N5-098. メニュー：　Thực đơn

てんいん ： いらっしゃいませ。

おきゃく ： あっ。 すみません。 えいごの メニュー、 ありますか。

てんいん ： あっ、 すみません。 えいごの メニューは ありませんが、 しゃしんが ありますから、 だいじょうぶですよ。

おきゃく ： ああ、 そうですか。

てんいん ： はい、 どうぞ。

おきゃく ： えーと、 すみません。 これは、 なんの にくですか。

てんいん ： これは ぶたにくです。

おきゃく ： あっ、 ぶたにくですか。 （はい）わたしは ぶたにくを たべません。

てんいん ： そうですか。

おきゃく ： ぎゅうにくの りょうり、 ありますか。

てんいん ： ええ、 ぎゅうにくの りょうりは つぎの ページです。 はい、 こちらです。

おきゃく ： そうですか。 えーと、 じゃ、 これ、 おねがいします。

てんいん ： はい、 スープと ライスは？

おきゃく ： えっと、 セットが ありますか。

てんいん ： はい、 スープと サラダと ライスの セットが ありますよ。

おきゃく ： あっ、 そうですか。 えーっと、 それは いくらですか。

てんいん ： え～、 プラス４００えんです。

おきゃく ： そうですか。 じゃ、 それを おねがいします。

てんいん ： はい、 ありがとうございます。 しょうしょう おまちください。

N5-099. 5じですね　（５時ですね）：　5 giờ nhỉ

Ａ ： ５じ１５ふんですねえ。 わたしは かえります。 よしださんも かえりますか。

よしだ ： いいえ、 わたしは きょう ５じはんから かいぎですから・・・

Ａ ： あっ。 そうですか。 じゃ、 がんばってくださいね。

よしだ ： ありがとうございま～す。

Ａ ： じゃ、 おさきに しつれいしま～す。

よしだ ： おつかれさまでした。

よしだ ： はい、 ESP ソフトです。

Ｃ ： あれ？ よしださん！

よしだ ： はい？

Ｃ ： かいぎは？

よしだ ： ええっ？

Ｃ ： かいぎは ５じからですよ。

よしだ ： ええっ。 そうですか？ ５じはんからじゃありませんか。

Ｃ ： いいえ、 ５じからですよ。

よしだ ： あっ、 そうですか。 すみません。 へやは どこですか。

Ｃ ： ５かいですよ。 ５かいの ５０２です。

よしだ ： あ、 わかりました。 いま、 いきます。

Ｃ ： はい、 おねがいします。

N5-100. はねだくうこう　（羽田空港）：　Sân bay Haneda

Ａ ： じゃあ、 サラさん、 おつかれさまでした。

サラ ： おつかれさまでした。

Ａ ： きょうは これから どこに いきますか。

サラ ： きょうは これから はねだに。 はねだくうこうに いきます。

Ａ ： あっ、 そうですか。 はねだくうこうで なにを？

サラ ： おおさかから ともだちが きますから。

Ａ ： ああ、 そうですか。 （はい）なにで いきますか。

サラ ： めぐろから はままつちょうまで やまてせんで いきます。 （ええ）それから、 はままつちょうから モノレールで はねだくうこうに いきます。

Ａ ： そうですか。

サラ ： せんせい、 めぐろから はねだくうこうまで なんぷんぐらいですか？ わかりますか？

Ａ ： うーん、 わかりませんね。 ちょっと まってください。 インターネットで チェックしますね。 （あ、 おねがいします）めぐろ。 はねだ。 ・・・ああ、 ４０ぷんですね。

サラ ： ああ、 ４０ぷん。 わかりました。 ありがとうございました。

Ａ ： いいえ。

N4-001. 行ったことがありますか: Bạn đã từng đi đến đó chưa?

金田 ： 今週末はどこに行きますか。

Ｂ ： そうですねぇー。たぶん友達と日光に行きます。

金田 ： そうですか！いいですねぇー。

Ｂ ： ええ、金田さんは日光に行ったことがありますか。

金田 ： ええ、ありますよ。

Ｂ ： 何で行きましたか。

金田 ： 私は車で行きました。（そうですか）でも、道が混んでいるし、（ええ）駐車場が少ないし、（ええ）電車で 行ったほうがいいですよ。

Ｂ ： ああ、そうですねぇー。

N4-002. 最近、どう？: Dạo này bạn thế nào?

吉田 ： 小川さん最近どう？

小川 ： うん、まあまあ。吉田さんは？

吉田 ： うーん。最近ちょっと忙しいねえ。

小川 ： そうか。大変だね。（うん）今度飲みに行かない？

吉田 ： ああ、いいねぇ。いつ暇？

小川 ： いつでもいいよ。

吉田 ： あっ、そう。じゃあ、あとでメールするね。

N4-003. 地震: Động đất

Ａ ： あっ！地震ですね。

Ｂ ： あっそうですねぇ。地震ですねぇ。

Ａ ： 長いですね。

B ： そうですねぇ。怖いですねぇ。

Ａ ： 外に出たほうがいいですか。

Ｂ ： いいえ。でないほうがいいですよ。危ないですから。

N4-004. すき焼き: Món lẩu ăn với thịt bò thái lát mỏng (Sukiyaki)

店員 ： いらっしゃいませ。メニューです。どうぞ。

島田 ： ありがとう。浜田さん、この店は肉料理がおいしいですよ。

浜田 ： そうですか。いいですねぇ。私、肉、大好きです。

島田 ： 私もです。いろいろありますねぇ。何にしますか。

浜田 ： ううん。島田さんと同じものにします。

島田 ： じゃあ．．．すき焼きはどうですか。

浜田 ： いいですねぇ。そうしましょう。

N4-005. 富士山: Núi phú sỹ

丸山 ： エリサさんは富士山を知っていますか？

エリサ ： いいえ、知りません。（えー？）富士さんって誰ですか？

丸山 ： へへ、人じゃなくて。山の名前です。（あー）富士山のさんは山です。

エリ サ ： あ、そうですか、有名な山ですか？

丸山 ： ええ、日本で一番高い山です。

エリサ ： そうですか、日本一ですか。（ええ）丸山さんは富士山に登ったことがありますか？

丸山 ： ありませんけど、一度登りたいですね。

エリサ ： 富士山って何メートルぐらいの山ですか？

丸山 ： 3776メートルですよ。

N4-006. ワイン: Rượu

Ａ ： 橋本さんはよくお酒を飲みますか。

橋本 ： ええ、大好きですよ～。よく飲みますよ～。

Ａ ： ああ、そうですか。お酒の中で何が一番好きですか？

橋本 ： ええと、そうですね～。ワインが一番好きですね。

Ａ ： 赤ワインですか？

橋本 ： いいえ、赤ワインより白ワインの方が好きです。

Ａ ： へぇー。どこのワインをよく飲みますか？

橋本 ： 一番はドイツのワインですねぇ。（へぇー）次はフランスのワインです。

N4-007. 私が・・・: Tôi ...

Ａ ： 私、納豆はきらいです。

Ｂ ： そうですか。じゃ、私がもらってもいいですか。

Ａ ： はい、どうぞ。

N4-008. 私が・・・: Tôi ...

Ａ ： コーヒー、持ってきますね。

Ｂ ： いいえ、私が持ってきます。座っていてください。

Ａ ： すみません。ありがとう。

N4-009. 今日の予定: Lịch trình ngày hôm nay

社長 ： 早川さん、今日の私の予定は？

早川 ： はい、社長。今日はお昼の前に（うん）タスク社の田中さんが来ます。（うん） それから田中さんが来る前に（うん）会議があります。（うん）

社長 ： 午後の予定は？

早川 ： 会議が二つあります。

社長 ： 時間は？

早川 ： ２時から３時半と３時半から５時の予定です。 （うん）

N4-010. 休みの日: Ngày nghỉ

長井 ： 小川さんは休みの日は何をしてますか？

小川 ： ええと、掃除、洗濯、それからテレビを見たり DVD をみたりしてゆっくりします。（ふうん）長井さんは？

長井 ： そうですねぇ。映画を観たりウィンドウショッピングをしたり、（うん）それから、自転車に乗ったりですねぇ。

小川 ： へぇー。

長井 ： うん、最近天気がいいですからねぇ。

小川 ： そうですねぇ。どこに行きますか？

長井 ： ん～、代々木公園に行ったり、（うん）新宿御苑に行ったりします。

小川 ： へえ、今度私も連れて行ってください。

長井 ： ええ是非今度一緒に。

N4-011. じょうずになりました: Đã giỏi hơn rồi đấy

先生 ： リサさん、最近、日本語が上手になりましたね。

リサ ： そうですか。ありがとうございます。

先生 ： リサさんは、前はよくレッスンで英語を使っていましたけど、いまは全部日本語ですね。すごいですね。

リサ ： でも、難しい日本語を使うことができませんから、ときどき大変です。

N4-012. 帰らないで: Đừng về vội

黒田 ： お先に失礼します。

Ｂ ： ああ、黒田さん。（はい）ちょっと待って。まだ帰らないで。

黒田 ： えっ？どうしてですか。

Ｂ ： これをコピーしてから帰って。

黒田 ： え～、でも今日は．．．

Ｂ ： でもこれは、明日朝一の会議で使うから。

黒田 ： でもー今日は友達に会いますから．．．

Ｂ ： 困ったなぁ．．．

関口 ： あっ、じゃあ、私がしましょうか？

Ｂ ： あーありがとう。

黒田 ： すみません、関口さん。よろしくお願いします。

関口 ： いえいえ大丈夫大丈夫。

N4-013. 結婚: Kết hôn

Ａ ： ジョンさん、実はね。（何ですか）私今度結婚します。

ジョン ： ええっ、そうですか！！（びっくりしないでくださいよ）ああ、おめでとうございます。（ありがとうございます）ご主人はどんな人ですか？

Ａ ： えー、普通のサラリーマンで、とても優しくていい人ですよ。

ジョン ： ああ、いいですねぇ。結婚式はいつですか？

Ａ ： ６月１日の予定です。（そうですかぁ）披露宴もありますから是非来てください。

ジョン ： 披露宴って何ですか。

Ａ ： 披露宴は結婚式の後のパーティーですよ。

N4-014. イタリア料理: Món ăn Ý

Ａ ： お昼一緒に食べない？

Ｂ ： いいね。何にする？

Ａ ： おすしは？

Ｂ ： おすしは昨日食べたから、パスタにしない。

Ａ ： いいよ。美味しい店知ってる？

Ｂ ： うん、駅前に有名なイタリア料理の店があるけど。

Ａ ： ああ、いいね。

Ａ ： あっ、斉藤さん。私達これからお昼を食べに行きますけど、一緒にいかがですか？

斉藤 ： あっ、いいですねえ。どこに食べに行きますか？

Ｂ ： 駅前のイタリア料理です。

斉藤 ： ああ、あそこですか。

N4-015. 寝坊しました: Tôi đã ngủ dậy muộn

Ａ ： おはようございます。

Ｂ ： おはようございます。

Ａ ： 遅くなってすみません。

Ｂ ： は～い。どうしましたか。

Ａ ： すみません。今日は 9 時におきました。

Ｂ ： あー、寝坊しましたね。

Ａ ： あっはい、寝坊しました。9時に起きて、9時10分にうちを出て、タクシーで来ました。

N4-016. 終わるまで: Cho đến lúc kết thúc

トーマス ： こんにちは。

Ｂ ： あっ、トーマスさん、こんにちは。お友達ですか。

トーマス ： はい、そうです。

デービット ： はじめまして、デービットです。

B ： あっ、はじめまして佐藤です。

トーマス ： 彼は、おとといニュージーランドから来たばかりです。

Ｂ ： ああ、そうですかぁ。(チャイムの音)レッスンですね。デービットさんはどうしますか。

デービット ： えーー。終わるまでここで待っていてもいいですか。

Ｂ ： えっ、終わるまで？（はい）一時間半ですよ。大丈夫ですか？

デービット ： はい、大丈夫です。ここで本を読んでいます。

N4-017. ジェットコースター: Trò chơi đu quay mạo hiểm

Ａ ： ところで阿部さん、ジェットコースターに乗ったことありますか？

阿部 ： いいえ、ありません。怖いですから。

Ａ ： ええ、そうですか。楽しいですよ。今度一緒に乗りに行きませんか。

阿部 ： うーーーん。

Ａ ： 行きましょうよ。

阿部 ： えーーーー。

Ａ ： いつがいいですか？今週末はどうですか？

阿部 ： いや、今週末は・・・。

Ａ ： じゃ、来週末にしましょう。

N4-018. 誰が一番: Ai là số một

佐々木 ： 遠藤さん、会社の中で誰が好きですか？

遠藤 ： えーそうですねぇ。田中さんが一番好きです。

佐々木 ： ええっ、田中さん？どうして？

遠藤 ： ハンサムですし、優しいから。佐々木さんは？

佐々木 ： 私は佐藤さんですね。

遠藤 ： ええー。なんで？

佐々木 ： 佐藤さん、ハンサムですよねぇ。

遠藤 ： えっ、でも田中さんのほうがハンサムですよ。清水さんはどうですか？

清水 ： 私？私は夫が一番です。

N4-019. 手伝いましょうか: Tôi giúp bạn nhé

Ｂ ： （ガラスの割れる音）あっ、大丈夫ですか。怪我しませんでしたか？

Ａ ： ええ、大丈夫です、すみません。

Ｂ ： ああ、ガラスは危ないですから、私が掃除しますよ。

Ａ ： いえいえ、大丈夫です。私がします。

Ｂ ： いえいえ、私がしますよ。

Ａ ： ああ、すみません、ありがとうございます。

N4-020. 世界で一番: Số 1 thế giới

Ａ ： 馬場さん、ちょっと見て見て。（何？）新しいカメラ買ったよ。

馬場 ： へーー、すごいねー。（手に持って）小さくて軽いねぇ。

Ａ ： うん。これ今、世界で一番小さいカメラ！

馬場 ： あっ、そー。いくら？

Ａ ： ４万３千円。

馬場 ： どこで？

Ａ ： えっと、渋谷のびっくりカメラで。

馬場 ： へぇー、びっくりー。

N4-021. 知っていますか: Bạn biết không?

Ａ ： 杉山さん水島さんを知ってますか？

杉山 ： 水島さんですか？ええと。ああー会ったことがあります。背が高くて髪が長い人ですよね。

Ａ ： ええ？背は高いけど髪は短いですよ。

杉山 ： えー、そうですかぁ？

Ａ ： 背が高くて髪が長い人は長田さんですよ。水島さんは、背が高くて髪が短い人ですよ。

杉山 ： ああっ、そうですか。目が大きくて口が小さい...

Ａ ： そうそう。その人ですよ。

N4-022. 禁煙: Cấm hút thuốc

Ａ ： ああ、ここは禁煙ですよ。

Ｂ ： 禁煙って何ですか？

Ａ ： 「タバコはだめです。」

Ｂ ： ああ、そうですか。

Ａ ： ええ、喫煙席はあちらです。喫煙席ではタバコを吸うことができますよ。

Ｂ ： あっ、そうですか。じゃあ、あっちの席に行ってもいいですか。

Ａ ： ええ、どうぞ。

N4-023. ファミリーレストラン: Nhà hàng Family (nhà hàng dành cho gia đình)

店員 ： いらっしゃいませ。何名様ですか。

お客 ： 2人です。

店員 ： 禁煙席と喫煙席、どちらがよろしいですか。

お客 ： 禁煙席お願いします。

店員 ： はい、少々お待ちください。。。すみません、禁煙席は今、いっぱいですが、１０分ぐらい待つことができますか。

お客 ： 喫煙席はすぐ入ることができますか。

店員 ： はい、すぐ案内することができます。

お客 ： そうですか。。。。 あっ、でも、やっぱり禁煙席がいいです。

N4-024. 電車: Tàu điện

Ａ ： あっ、電車がきましたよ。・・・・

Ｂ ： この電車、込んでますね。

Ａ ： そうですね。次の電車を待ちますか。

Ｂ ： いいですか？

Ａ ： 私はいいですよ。

Ｂ ： じゃ、そうしましょう。

N4-025. アポイント: Cuộc hẹn

ＥB ： はい、EB コミュニケーションズです。

ジョン ： ABC のジョンです。 いつもお世話になっています。

ＥB ： お世話になっています。

ジョン ： 田中さん、いらっしゃいますか。

ＥB ： はい、少々お待ちください。

田中 ： お電話変わりました。田中です。

ジョン ： ABC のジョンです。 こんにちは。

田中 ： あ、こんにちは！

ジョン ： ちょっとお願いがあります。

田中 ： はい、何ですか。

ジョン ： 来週の会議ですが、2 時からを 3 時からに変えることができますか。

田中 ： はい、今、確認しますね。え・・・っと、あ、ごめんなさい。3 時からアポイントメントがありますから、4 時はいかがですか。

ジョン ： はい、大丈夫です。ありがとうございます。

田中 ： では、来週の水曜日の 4 時に。

ジョン ： はい、よろしくお願いします。

田中 ： はい、失礼します。

ジョン ： 失礼します。

N4-026. 忘れ物: Đồ để quên

ＭＬＣ ： はい、MLC です。

チャールズ ： あ、もしもし、チャールズです。

ＭＬＣ ： あ、チャールズさん、こんにちは。

チャールズ ： こんにちは。あのーすみません、（はい）MLC に傘を忘れました。

ＭＬＣ ： どんな傘ですか。

チャールズ ： 黒くて大きい傘です。

ＭＬＣ ： ちょっと待ってくださいね。

ＭＬＣ ： もしもし。（はい）ありました。ありました。（あー、よかった）いつ取りに来ますか？

チャールズ ： えーっと．．．明日レッスンがありますから．．．

ＭＬＣ ： そうですか。じゃ、明日スタッフに言ってください。

チャールズ ： はい、わかりました。ありがとうございます。

ＭＬＣ ： はい。じゃ、また明日。

チャールズ ： 失礼します。

ＭＬＣ ： 失礼します。

N4-027. 久しぶりですね: Lâu rồi không gặp nhỉ

チャールズ ： こんにちは～。

Ｂ ： あ、チャールズさん、こんにちは。 久しぶりですね～。元気でしたか？

チャールズ ： はい、元気ですよ。実は、先月、引っ越しました。

Ｂ ： え！そうですか。どこに引っ越しましたか？

チャールズ ： 恵比寿です。

Ｂ ： あっすっごーい。いい所ですね。MLC に近くなりましたね。

チャールズ ： そうです。ですから、またレッスンをしたいです。スケジュールの相談してもいいですか？

Ｂ ： ええ。

N4-028. 韓国: Nước Hàn quốc

水野 ： アレックスさんは、ゴールデンウィークは何をしますか？

アレックス ： 韓国に旅行に行きます。

水野 ： えー！いいですね～。初めて？

アレックス ： そうです。水野さんは韓国に行ったことがありますか？

水野 ： いいえ、私もありません。（そうですか）韓国で何をしますか？

アレックス ： 友達に会ったり、マッサージに行ったり、買い物をしたりしたいです。

水野 ： いいですね～。韓国語を話すことができますか。

アレックス ： いいえ、できません。でも、友達がいますから大丈夫です。

N4-029. 携帯電話: Điện thoại di động

店員 ： いらっしゃいませ。

お客 ： こんにちは。新しい携帯電話を買いたいです。

店員 ： そうですか。こちらにどうぞ。

お客 ： ありがとう。 いろいろありますねぇ。どれがいいですかねえ。

店員 ： 今は、どちらの携帯電話を？

お客 ： D フォンです。でも、今度は C フォンにしたいです。

店員 ： C フォンは今、とても人気がありますよ。こちらはいかがですか。カメラもありますよ。それからディスプ レイが大きくなりました。

お客 ： 本当ですね！いいですね。これ、いくらですか。

店員 ： ５０００円です。（５０００円！！） 今週はセールをしていますからとても安くなっています。

お客 ： じゃ、これにします。

N4-030. 信号: Đèn giao thông

Ａ ： この信号、長いですね。

B ： そうですね。

Ａ ： あっ、青になりましたよ。渡りましょう。

B ： はい。

N4-031. 渋谷: Phố Shibuya

Ａ ： うわ～渋谷はたくさん人がいますね～。

Ｂ ： ええ、たぶんここは東京で一番こんでいますよ。（そうですねぇ）今日は日曜日ですしね・・渋谷は平日に来たほうがいいですね。

Ａ ： 平日？

Ｂ ： あっ平日は、月曜日から金曜日までですよ。

Ａ ： ああ、でも平日は仕事があるから来ることができませんね。

Ｂ ： まぁそうですけどね。

N4-032. 旅行の準備: Chuẩn bị cho chuyến du lịch

彼女 ： 来週から旅行ね。もうホテルは予約した？

彼 ： うん、もうしたよ。

彼女 ： よかった！じゃあ、飛行機は？

彼 ： あ！まだしてない！

彼女 ： えっー、成田エクスプレスの切符、もう買った？

彼 ： それも まだ買ってない。

彼女 ： えっー、じゃあ、スーツケースはもう買った？

彼 ： ・・・・・・あっ！それもまだ・・・

彼女 ： えーーーー！ちょっと大丈夫？

彼 ： ごめーん！明日全部やるよ！

N4-033. テレビのリモコン: Điều khiển Tivi

Ａ ： どうしました？

Ｂ ： このリモコン、テレビのボリュームを大きくすることができません。

Ａ ： 電池は？

Ｂ ： 換えたばかりです。チャンネルを変えることはできますけど。

Ａ ： そうですか、おかしいですね。

Ｂ ： 電気屋さんに持っていったほうがいいですかね。

Ａ ： いや、たぶん新しいのを買ったほうが安いですよ。

Ｂ ： へー、そうですかぁ。

N4-034. デジカメ: Máy ảnh kỹ thuật số

Ａ ： あれ？？ うわあっ！

Ｂ ： どうしましたか？

Ａ ： デジカメが 壊れました！買ったばっかりですよ。どうして・・・

Ｂ ： それじゃ、電気屋さんに電話した方がいいですよ。（そうですね）買ってから１年は、ただで直すことできますから。

N4-035. よいお年を: Chúc một năm mới tốt lành

ジョン ： じゃ、中野先生、明けましておめでとうございます。

中野先生 ： えっ、ああ、ジョンさん。「明けましておめでとうございます」は “A happy new year.”ですけど１月に言います。

ジョン ： ええ、じゃあ？

中野先生 ： 12 月は「よいお年を」です。“Have a happy new year.”の意味ですよ。

ジョン ： ふーん。もう一度言ってください。

中野先生 ： 「よいお年を。」

ジョン ： 「よいお年を。」

中野先生 ： そうそう。

ジョン ： じゃ、中野先生、よいお年を。

中野先生 ： ジョンさんもよいお年を。

N4-036. 明けましておめでとうございます: Chúc mừng năm mới

ジョン ： あっ中野先生、よいお年を。

中野先生 ： ジョンさん、もう 1 月ですから、（ああ）「明けましておめでとうございます」ですよ。

ジョン ： ああ、そうでしたね。明けましておめでとうございます。

中野先生 ： 明けましておめでとうございます。今年も宜しくお願いします。

ジョン ： えっ、何ですか？

中野先生 ： 今年も宜しくお願いします。

ジョン ： ああ！今年もよろしくお願いします。

N4-037. 食事中: Đang ăn

Ａ ： はい、もしもし。

Ｂ ： あ、もしもし紀子ですけど・・・、今、大丈夫？

Ａ ： うーん、ええと、あのねぇ、今、食事中。後でこっちから電話してもいい？

Ｂ ： あ、いいよ、ごめんね。

Ａ ： だいじょぶ、だいじょぶ。（うん）じゃ、また後で。

Ｂ ： じゃあね。

N4-038. 風邪: Cảm lạnh, sổ mũi

Ａ ： マイケルさん、風邪はどうですか。

マイケル ： あー（ゴホゴホ）、まだですね。良くなったり、悪くなったりです。

Ａ ： それは大変ですね。

マイケル ： のどが痛いし、頭も痛いし…。

Ａ ： 熱は？

マイケル ： 熱はありません。

Ａ ： 無理しないほうがいいですよ。

マイケル ： うん、ありがとう。

Ａ ： お大事にね。

N4-039. 誕生日: Sinh nhật

島崎 ： 来週の日曜日、私の誕生日です。

小林 ： そうですか。いくつになりますか。

島崎 ： え～っ！

C ： 小林さ～ん、女の人に年を聞かないほうがいいですよ。

小林 ： でも、島崎さんは大学をでたばかりですよね。

島崎 ： ええ、でも・・・もう２４です。

小林 ： まだ２４！若いですよねぇ。

C ： ねぇ。私たちの中では島崎さんが一番若いですよ。

N4-040. 音楽: Âm nhạc

Ａ ： 大木さん、ちょっと、ごめんなさい。

大木 ： はい？

Ａ ： 小島さんに電話をしますから、音楽を小さくしてください。

大木 ： あ、は～い。消したほうがいいですか？

Ａ ： いえ、大丈夫ですけど、小島さん、いつも声が小さいから・・。

大木 ： えっとー、これぐらい？

Ａ ： ああ、もうちょっと。

大木 ： じゃあ、これぐらい？

Ａ ： うん、それぐらいで大丈夫です。

N4-041. 取ってください: Hãy lấy hộ tôi

Ａ ： 木村さ～ん、すみません、ちょっといいですか。来てください。

木村 ： なんですか。

Ａ ： すみませんが、本棚の上のファイル、取ってください。

木村 ： あっ、いいですよ。これですか。（はい）

Ａ ： はい、ありがとうございました。

木村 ： ここは高くて不便ですねー。

Ａ ： 2 番目に入れてもいいですか。

木村 ： はい。そこのほうがいいですね。そうしましょう。

N4-042. 温泉: Suối nước nóng (Tắm Onsen)

Ａ ： 川崎さん、今週末、何か予定があります？

川崎 ： ええ、イギリスから友達がきます♪

Ａ ： そうですか、いいですねぇ！

川崎 ： それで、一緒に温泉に行きます。

Ａ ： へーいいですねぇ。どこに？

川崎 ： 箱根。箱根は近いし・・・。

Ａ ： そうですね～。電車で行きますか？

川崎 ： んー、電車と車、どっちがいいですかねぇ？

Ａ ： 週末は込んでいますから、たぶん電車の方が楽ですよ。

川崎 ： そうですね。

N4-043. 雷(かみなり): Sấm sét

Ａ ： （ゴロゴロゴロー）きゃー、雷です！怖いですね。雷は。

Ｂ ： そうですね。怖いですね。・・・あっ、ところで雷の音は日本語でなんですか？

Ａ ： ああ、ゴロゴロですよ。

Ｂ ： ああ、ゴロゴロですか。（ゴロゴロゴロー）おーー（キャー）

Ａ ： 雷が落ちましたね。

Ｂ ： 雷がおちました・・・？

Ａ ： そうです。雷が近くに落ちましたね。

N4-044. ジムで: Thể dục thẩm mỹ (Tập Gym)

Ａ ： 最近ジムに行ってますか？

Ｂ ： いや～、行ったり行かなかったりですね～。

Ａ ： 仕事が忙しいからですか？

Ｂ ： いや、そうじゃなくて、今のジム、家から遠くて不便ですから。

Ａ ： 家の近くにはジムは？

Ｂ ： ありますけど．．．スイミングプールがないし．．．

Ａ ： そうですかぁ、じゃあ会社の近くは？

Ｂ ： ありますけど、トレーニングバッグを持っていきたくないですからねぇ・・・。

Ａ ： そうですねぇ。

N4-045. 宅配便: Dịch vụ giao hàng tận nhà

Ａ ： はい。

宅配便 ： こんにちは、宅配便で～す。

Ａ ： はい、ちょっと待ってください。

宅配便 ： こんにちは。

Ａ ： あっどうも、ご苦労様です。

宅配便 ： ええと、印鑑ありますか？

Ａ ： 印鑑？印鑑ってなんですか？

宅配便 ： あっ、ええと、印鑑は、あの、名前があって、赤いインクで・・・。

Ａ ： あっあーーー、．．．印鑑はないです。

宅配便 ： じゃあサインでいいですよ。こちらにお願いします。

Ａ ： はい。これでいいですか。

宅配便 ： はい。ありがとうございます。

Ａ ： ご苦労様でした。

N4-046. 電話: Điện thoại

Ａ ： 多田さん、鈴木さんに電話をしましたか。

多田 ： あっ、まだです。このメールを書いてから、します。

Ａ ： すぐにしたほうがいいですよ。鈴木さん、急いでいましたよ。

多田 ： あ、そうですか。じゃ、今。 あれ、電話番号、電話番号

Ａ ： 私も電話したことがありますから、わかりますよ。えーと、０３の１２３４の５６７８。

多田 ： ありがとうございます。じゃあ今かけます。（ぴぴぴぴ）MＢK の多田ですが鈴木さんいらっしゃいますか？あっ、はいはいはい。遅くなってすみません。

N4-047. 辞書: Từ điển

Ａ ： 松本さん、電子辞書ありますか。

松本 ： ありますよ。

Ａ ： ああ、ちょっと貸してください。

松本 ： ああ、どうぞ。今使っていませんから。

Ａ ： 30分ぐらい借りてもいいですか？

松本 ： ええ、いいですよ。

（数分後）

Ａ ： ありがとうございました。いい辞書ですね。

松本 ： そうですか。

Ａ ： はい、速いですし、たくさん例がありますし、普通の辞書よりいいですねぇ。高かったですか。

松本 ： ええ。

Ａ ： いくらでしたか？

松本 ： 2万5千円くらいでしたよ。（へぇ）今はもっと安く買うことができますよ。

Ａ ： そうですか。私も買いたいです。

N4-048. 新聞: Báo, tờ báo

Ａ ： （ピンポーン）はい。

Ｂ ： どうも、毎朝新聞です。

Ａ ： はい？

Ｂ ： 新聞いかがですか？

Ａ ： えっ？新聞は読みません。

Ｂ ： そうですか。今とても安くなっていますし、サービスもたくさんありますよ。

Ａ ： ええ、でも新聞は読みませんから、いりません。

Ｂ ： 一ヶ月だけどうですか？

Ａ ： いりません。

Ｂ ： そうですか。

N4-049. 美容院: Thẩm mỹ viện

美容院 ： 今日はどうしますか？

Ｂ ： そうですね。ええと、今日はいつもより短くしてください。

美容院 ： はい、どれぐらいにしましょうか？

Ｂ ： いつもより１０ｃｍぐらい短く。それからパーマをかけてください。

美容院 ： はい。パーマをかけますね。

Ｂ ： それから髪の色を明るくしたいです。

美容院 ： はい、わかりました。

Ｂ ： 全部でいくらぐらいかかりますか？

美容院 ： そうですね。カットが８０００円で、パーマが５０００円、カラーリングも５０００円ですから全部で１８０００円ですね。

N4-050. パーティー: Bữa tiệc

Ａ ： 来週は加藤さんの誕生日パーティーですね。（そうですねぇ）アルバートさんも行きますか？

アルバート ： はい、もちろん。ケーキですけど、私が買っていきましょうか？

Ａ ： いや、ケーキは山下さんが家で作ってきます。

アルバート ： そうですか。じゃあ、プレゼントは持って行きますか。

Ａ ： そうですね。みんなで一つ買いましょう。

アルバート ： みんな一つですか？

Ａ ： いえいえ、みんなで一つです。

アルバート ： みんなで一つ．．．

Ａ ： そうです。一人1000円です。8人で行きますから、8000円のプレゼントを買うことができますよ。

アルバート ： ああ、8人で一つ買いますね。

Ａ ： そうです。

N4-051. ミーティング: Cuộc họp

石川 ： 佐々木さん、来週、プレゼンテーションがありますから、ちょっとミーティングをしたいです。

佐々木 ： そうですね。しましょう。いつがいいですか。

石川 ： 火曜日と金曜日、会議室が空いています。佐々木さんはどちらがいいですか。

佐々木 ： 私 は金曜日のほうがいいですが、どうですか。

石川： 大丈夫です。

佐々木 ： じゃ、金曜日、よろしくお願いします。

N4-052. 電話（社内） ・・・ 「２番に電話です」: Điện thoại (Nội bộ công ty) ...[Điện thoại đến máy 2]

田中 ： セールス部の田中ですけど。

菅原 ： あ、お疲れ様です。

田中 ： お疲れ様です。あの、 林 さんいますか。

菅原 ： はい、ちょっと待ってください。

林 さん、セールス部の田中さんから２番に電話です。

N4-053. 電話（社内） ... 「かけなおします」: Điện thoại (Nội bộ công ty) ...[Gọi điện lại]

田中 ： もしもし、セールス部の田中ですけど。

青木 ： あ、田中さん。青木です。こんにちは。

田中： こんにちは。すみませんが、 林 さんいますか。

青木 ： えっと、 林 さんは今会議 中 ですが。

田中： そうですか。何時頃終わりますか。

青木： 三時頃です。

田中： じゃあ、その頃かけなおします。( = もう一度かけます)

N4-054. 電話（社外） ・・・ 「お世話になっております」: Điện thoại (Ngoài công ty) ...[Cảm ơn vì đã luôn giúp đỡ tôi]

リンダ ： はい、日本スーパーチェーンでございます。

山田 ： お世話になっております。健康フーズの山田と申しますが。

リンダ ： あ、お世話になっております。

山田 ： 営業部の中野さん、いらっしゃいますか。

リンダ ： はい、少 々お待ちください。

N4-055. 電話（社外） ・・・「こちらこそ」: Điện thoại (Ngoài công ty) ...[Chúng tôi cũng vậy]

リンダ ： はい、日本スーパーチェーンでございます。

坂井 ： 富士システムズの坂井と申しますが、お世話になっております。

リンダ ： こちらこそお世話になっております。

坂井 ： 営業部の森さん、いらっしゃいますか。

リンダ ： はい、少 々お待ちください。

N4-056. 残業: Làm thêm

須田 ： 藤井さん、すみません。今、ちょっといいですか。

藤井： はい。大丈夫ですよ。

須田 ： 藤井さん、今日、残 業しますか。

須田： はい。少し。

須田 ： じゃあ、悪いんですけど、コピーをお願いしたいんですけど・・・。

藤井 ： あぁ・・・。すみません。今はちょっと・・・。明日でもいいですか。

須田 ： じゃ結構です。大丈夫です。心配しないでください。

N4-057. 電話（社内） ... 「伝言」: Điện thoại (Nội bộ công ty) ...[Lời nhắn]

青木 ： はい、人事部、青木です。

リンダ ： お疲れ様です。営 業部のリンダですが、 林 さんいますか。

青木 ： えっと、今、会議中 ですが。

リンダ ： そうですか。じゃあ、伝言をお願いしてもいいですか。

青木： はい、どうぞ。

N4-058. 電話（社内） ... 「伝言」: Điện thoại (Nội bộ công ty) ...[Lời nhắn]

草野： はい、営業部です。

青木 ： 人事部の青木ですけど、阿部さんお願いします。

草野 ： あ、今、電話中 ですが。

青木： そうですか。

草野： 何か伝えましょうか。

青木： ええ。じゃあ、お願いします。

N4-059. 電話（社外） ... 「伝言」: Điện thoại (Ngoài công ty) ...[Lời nhắn]

ニック ： はい、日本未来銀行でございます

川本 ： 東京ヒューマンの川本と申しますが、お世話になっております。

ニック ： こちらこそお世話になっております。

川本 ： 人事部の中野さんいらっしゃいますか。

ニック ： 申し訳ございません。中野はただいま席を外しております。

川本： そうですか。

ニック ： なにか伝えましょうか。

川本： お願いします。

N4-060. 電話（社外） ... 「伝言」: Điện thoại (Ngoài công ty) ...[Lời nhắn]

吉川： はい、日本未来銀行でございます。

長島 ： OK スポーツの長島と申しますが、お世話になっております。

吉川： こちらこそお世話になっております。

長島 ： すみませんが、営業部の田中さんお願いできますか。

吉川 ： 申し訳ございません。田中はただいま席を外しております。

長島 ： そうですか。では、伝言をお願いできますか。

吉川： はい、どうぞ。

N4-061. 人事部 : Phòng nhân sự

武田 ： ちょっと人事部に書類を取りに行って来ます。

長岡 ： あ、そうですか。じゃ、人事部の山田さんにこのメモを渡してください。

武田： 山田さん？

長岡 ： あの髪が長くて、背が高い男 の人ですよ。

武田： ああ、あの人ですか。わかりました。

N4-062. 電話（社内） ... 「プレゼンについて」: Điện thoại (Nội bộ công ty) ...[Về việc thuyết trình]

青木： はい、総務部です。

田中 ： あ、あの、セールス部の田中ですけど、青木さんお願いします。

青木： 青木ですが。

田中 ： あ、青木さん、お疲れ様です。

青木 ： お疲れ様です。

田中 ： 来月のプレゼンについてちょっと聞きたいんですが、今、大丈夫ですか。

青木： はい、大丈夫ですよ。

N4-063. 電話（社外） ... 「伝言」: Điện thoại (Ngoài công ty) ...[Lời nhắn]

リンダ： はい、秋葉原ベスト PC でございます。

加藤 ： 東京ヒューマンの加藤と申しますが、お世話になっております。

リンダ ： こちらこそお世話になっております。

加藤 ： 人事部の林 さん、いらっしゃいますか。

リンダ ： 申し訳ございません。 林 はただ今席を外しております。

加藤 ： そうですか。では、伝言をお願いしたいんですが。

リンダ ： わかりました。どうぞ。

N4-064. 会議室の予約: Đặt phòng họp

和田 ： あのう・・・、会議室の予約をしますけど、どの会議室にしましょうか。

部長 ： そうですねぇ。第3会議室がいいかな。広くて明るいから。

和田： はい。じゃ、第3会議室を予約します。何時に予約しましょうか。

部長 ： う～ん、じゃ3時に。

和田 ： はい。では、3時に第3会議室を予約します。

部長： ありがとう。

N4-065. 会議の資料: Tài liệu cho cuộc họp

部長： すみません。浜田さん、ちょっと。

浜田 ： はい、何でしょうか。

部長： 午前 中に会議の資料を作ることができますか。

浜田 ： 午前 中 ですか。この仕事も急ぎなんです。すみませんが、他の人にお願いすることができませんか。

部長： う～ん、そうですか。じゃあ、田中さんに頼んでみます。

浜田 ： すみません。

N4-066. 使ったことがありますか。 Bạn đã từng sử dụng chưa?

吉田 ： あの、高野さん、パワーポイントを使ったことがありますか。

高野 ： ええ、よく使っていますよ。パワーポイントでお客さんにプレゼンをしたり、新 入社員のトレーニングをしたりしていますよ。

吉田： 今度、使い方を教えてください。

高野 ： ええ、いいですよ。 喜 んで。

N4-067. 電話（社内） ... 「折り返してもいいですか」: Điện thoại (Nội bộ công ty) ...[Tôi sẽ gọi lại được không]

青木： はい、総務部です。

西山 ： あの、セールス部の西山ですけど、青木さんいますか。

青木： 青木です。

西山 ： あ、青木さん、お疲れ様です。

青木 ： お疲れ様です。

西山 ： 来月のプレゼンの件で確認したいんですが、今ちょっといいですか。

青木 ： あ、すみません。これから会議ですから、１時間後に折り返してもいいですか。

西山： あ、じゃあ、お願いします。

青木： はい。すみません。

西山： はい。失礼します。

青木： 失礼します。

N4-068. 電話（社外） ... 「伝言」: Điện thoại (Ngoài công ty) ...[Lời nhắn]

リンダ ： はい、IT証券、営業部でございます。

田中 ： ベターフーズの田中と申しますが。

リンダ ： あ、お世話になっております。

田中 ： こちらこそお世話になっております。木田さんいらっしゃいますか。

リンダ ： 申し訳ございません。木田はただ今会議 中 ですが。

田中 ： そうですか。では、伝言をお願いしたいんですが。

リンダ： はい。

田中 ： 「3時までにレポートをメールします」と伝えてください。

リンダ： わかりました。ベターフーズの田中様ですね。

田中 ： はい。そうです。では、宜しくお願いいたします。

リンダ ： 失礼いたします。

田中： 失礼いたします。

N4-069. 電話（社内） ... 「出張の件ですが」: Điện thoại (Nội bộ công ty) ...[Về việc đi công tác]

桜井： はい、総務部です。

岡田 ： もしもし、営 業部の岡田ですけど、桜井さんいますか。

桜井： 桜井です。

岡田 ： あ、桜井さん、お疲れ様です。

桜井 ： お疲れ様です。

岡田 ： 来月の出 張の件ですが、今話してもいいですか。

桜井： はい、いいですよ。

N4-070. 電話（社外） ・・・ 「会議中」: Điện thoại (Ngoài công ty) ...[Đang họp]

アリス ： はい、IT証券、人事部でございます。

田中 ： 青空保険の田中と申しますが。

アリス ： あ、お世話になっております。

田中 ： こちらこそお世話になっております。北山さんいらっしゃいますか。

アリス ： 申し訳ございません。北山はただいま会議 中 ですが。

田中 ： そうですか。何時ごろ終わりますか。

アリス ： ３時ごろ終わりますが。

田中 ： では、また３時ごろにお電話いたします。

アリス ： 宜しくお願いいたします。

田中： 失礼いたします。

アリス ： 失礼いたします。

N4-071. 助かります: Cảm ơn vì sự giúp đỡ

リンダ ： 佐々木さん、明日の会議の資料、もう作りましたか。

佐々木 ： あっ、すみません。まだ作っていないんですよ。

リンダ ： そうですか。今日中に作ったほうがいいんですよね。佐々木さん、 忙 しいんですか。

佐々木 ： ええ、ちょっと・・・。他の仕事があるんですよ。

リンダ ： じゃあ、手伝いましょうか。

佐々木： えっ、本当ですか。ありがとうございます。助かります。

N4-072. 電話（社内） ... 「電話に出る」: Điện thoại (Nội bộ công ty) ...[Nghe điện thoại]

（トゥルルルルルル・・・）

川田 ： あ、すみません。誰か電話に出ることができますか。

トム ： はい、 私 が出ます！ はい OK デパートでございます。

堀内 ： ベターホームズの堀内と申しますが、お世話になっております。

トム ： こちらこそお世話になっております。

堀内： 川田さんいらっしゃいますか。

トム ： はい、少 々お待ちください。

N4-073. ご苦労様でした: Anh đã vất vả rồi

宅配便の人 ： すみません。宅配便です。

ケイト ： あ、ご苦労様です。

宅配便の人 ： すみません。はんこ、お願いします。

ケイト ： はんこですね。はい。

宅配便の人 ： ありがとうございます。こちら領 収書です。

ケイト ： ご苦労様でした。

N4-074. 遅れます: Tôi đến muộn

奥田 ： はい、営業部です。

ジム ： 奥田さん？ ジムですけど。

奥田 ： あ、ジムさん、おはようございます。

ジム ： おはようございます。今横浜なんですが、会議に少し遅れると思います。

すみませんが、部長にそう伝えてください。

奥田 ： はい、わかりました。伝えます。気をつけて。

（会議室のドアをノックする）・・・トントン

奥田： 失礼します。

課長： どうぞ。

奥田 ： ジムさんから今電話があって、少し遅れると言ってました。

課長 ： そうですか。しょうがないですね。じゃあ、もう少しまちましょう。

N4-075. とりあえず: Trước hết

部長 ： 明日、会議室は何時から何時まで空いていますか。

青木 ： 2時から5時までです。

部長 ： そうですか。会議は何時間ぐらいかかりますか。

青木 ： たぶん１時間か2時間ぐらいだと思います。

部長 ： じゃあ、とりあえず2時から３時まで会議室を予約しましょう。

青木： わかりました。

N4-076. やっぱり: Quả đúng là

木田 ： かんぱい！

小野 ： かんぱい、お疲れ様でした。

木田 ： やっぱりビールはおいしいですね。

小野 ： そうですねぇ。仕事の後はやっぱりビールですね！

N4-077. とりあえず （居酒屋で） Trước tiên là (tại quán nhậu Izakaya)

ジョン ： みなさん、注文は決まりましたか。

青木： あ、まだです。何にしましょうか・・・。

ジョン ： 川口さんは決まりましたか。

川口 ： あ、 私 もまだです・・・。

青木： じゃあ、とりあえずビールを４本頼みましょう。

ジョン ： そうですね。すみません。とりあえずビール４本お願いします。

N4-078. 電話（社外） ・・・ 「先日は..」: Điện thoại (Ngoài công ty) ...[Hôm trước..]

大倉： はい、ベターフーズでございます。

森 ： マルサンの森と申しますが。

大倉： あ、お世話になっております。

森 ： こちらこそお世話になっております。

大倉 ： セールス部の大倉さんいらっしゃいますか。

森 ： はい。 私 です。

大倉 ： あ、大倉さん、先日はごちそうさまでした。

森 ： いいえ、こちらこそありがとうございました。

N4-079. 電話（社内） ... 「電波が悪いので」: Điện thoại (Nội bộ công ty) ...[Vì sóng điện thoại kém]

（ジムさんの携帯電話に電話がかかってきました）

高田： お疲れ様です。ジムさんですか。

ジム ： はい。

高田： 高田ですけど・・・。

ジム ： あ、高田さん、お疲れ様です。

高田： 今大丈夫ですか。あれ？ もしもーし・・・。

ジム ： あっ、すみません。今ちょっと電波が悪いので、５分後に折り返します。

高田： あ、そうですか。わかりました。お願いします。

ジム ： すみません。

N4-080. 電話（社内） ... 「出社は」: Điện thoại (Nội bộ công ty) ...[Đến công ty lúc]

野上： はい、セールス部です。

ヤン ： お疲れ様です。ヤンですけど、野上さんですか。

野上 ： あ、ヤンさん、お疲れ様です。野上です。

ヤン ： 部長はまだいますか。

野上 ： あ、部長はもう帰りましたよ。

ヤン ： 明日は東京フーズによってから会社に行こうと思っているので、出 社は11時ごろになるんですが・・。明日の朝、部長に伝えてください。

野上 ： はい、わかりました。じゃあ、お疲れ様でした。

ヤン ： はい。お疲れ様でした。

N4-081. プレゼン: Thuyết trình

中井： 林 田さんが今日プレゼンに行く会社はどんな会社なんですか。

林 田 ： コンサルタント会社ですよ。

中井 ： ああ、六本木にある会社ですよね。

林 田 ： そうです。

N4-082. 電話（社内） ... 「折り返します」: Điện thoại (Nội bộ công ty) ...[Tôi sẽ gọi lại]

（ケンさんの携帯電話に電話がかかってきました）

高田： お疲れ様です。ケンさん？ 高田ですけど・・。

ケン ： あ、高田さん、お疲れ様です。

高田： 今大丈夫ですか。

ケン ： あっ、すみません。今電車の中なので、５分後に折り返します。

高田 ： あ、そうですか。わかりました。お願いします。

ケン ： すみません。

N4-083. 実は・・・: Thật ra là

金子： すみません。部長、今お話 してもよろしいですか。

ケン ： うん、いいですよ。

金子： あの～、実は・・・。

N4-084. 今ちょっといいですか : Bây giờ tôi hỏi chút được không?

村井 ： 高橋さん、今ちょっといいですか。

高橋： はい、いいですよ。

村井 ： 今日ミーティングをする時間がありますか。

高橋： はい、大丈夫ですよ。いつでもいいですよ。

N4-085. キャンセル: Hủy đặt chỗ

お店の人： レストラン朝日でございます。

リン ： すみません。今夜5時に予約した東京ネットのリンと申しますが・・・。

お店の人： あ、お電話ありがとうございます。

リン ： 申し訳ありませんが、予約をキャンセルしたいんですが。

お店の人： あ、そうですか。東京ネットのリン様ですね。少 々お待ちください。・・・・・・お待たせしました。5時から5名様ですね。

リン ： はい。そうです。

お店の人： 承知いたしました。

リン ： すみません。よろしくお願いします。

お店の人： お電話ありがとうございました。またよろしくお願いいたします。

リン ： すみません。よろしくお願いします。

N4-086. また誘ってください: Lần sau lại mời tôi nhé

小 林 ： 清水さん、金曜の夜部のみんなで飲みに行くんですけど、清水さんも行きませんか。

清水 ： 今週の金曜ですか・・・。

小 林： 都合悪いですか。

清水 ： 来週月曜から出 張なので、週末はいろいろ出 張の準備をしなければならないんです。

小 林： そうですか。残念ですね。

清水 ： また誘ってください。楽しんでくださいね。

N4-087. お願い: Làm ơn

滝沢 ： お世話になっております。マルキタ電気の滝沢ですが。

古田 ： あ、滝沢さん、古田です。こちらこそお世話になっております。

滝沢 ： 申し訳ありませんが、来週木曜日のミーティングの時間なんですが。

古田 ： はい。

滝沢 ： もしできれば６時からに変更していただきたいんですが。

古田 ： えっと、ちょっと確認しますから、お待ちください。

滝沢 ： はい。すみません。

古田 ： はい。６時からに変更ですね。わかりました。大丈夫です。

滝沢 ： ありがとうございます。宜しくお願いいたします。

古田 ： こちらこそ宜しくお願いいたします。

滝沢 ： 失礼いたします。

古田 ： 失礼いたします。

N4-088. 遅れます: Tôi sẽ đến muộn

平山 ： はい、人事部の平山です。

高橋： あ、平山さん？高橋ですけど・・・。

平山： あ、おはようございます。

高橋： おはようございます。すみません、今品川で電車が止まってしまったので・・・。

平山： あ、そうですか。

高橋： すみませんが、課長に少し遅れると伝えてください。

平山： わかりました。どのぐらい遅くなりますか。

高橋： ちょっと分からないんですが、分かったらまた連絡します。

平山 ： わかりました。

高橋： すみません。じゃあ宜しくお願いします。

平山： はい。気をつけて。

N4-089. 悪いけど: Thật không phải nhưng

川内： ちょっとコンビニに行ってきます。

石井 ： あっ、じゃ、悪いけど、何か飲み物を買ってきてくれませんか。

川内： あ、いいですよ。何がいいですか。

石井 ： 何かお茶、お願いします。

川内： はい。

石井 ： それから、おにぎりがあったら、おにぎりもお願いします。

川内： 何おにぎりがいいですか。

石井 ： そうですねえ。シーチキンがいいです。

川内： なかったらどうしますか。

石井 ： なかったら梅干お願いします。

川内： はい。

N4-090. 留守電: Điện thoại trả lời tự động

「BB ハンズでございます。ピーという発信音の後にメッセージをお願いします。ピー」

市川 ： 吉田さん、こんにちは。市川です。すみません。明日の会議の件で確認したいことが

あるんですが、電話を下さい。宜しくお願いします。

N4-091. 残 業: Làm thêm

平井 ： あれ？ 藤井さん、今日も残 業ですか。

藤井 ： ええ、もう少し残業しようと思います。

平井 ： 大変ですね。

藤井 ： このレポート、明日までなんですけど、明日までに終わるかどうかわからないんです。

平井 ： 何か手伝いましょうか。

藤井 ： 大丈夫です。一人でやってみます。ありがとう。

平井 ： そうですか。すみませんが、じゃあ、お先に失礼します。

藤井 ： お疲れ様でした。

N4-092. おかげさまで: Nhờ trời

浜田 ： 石井さん、久しぶりですね。

石井 ： ああ、浜田さん。そうですね。久しぶりですね。

浜田 ： 元気でしたか。

石井 ： ええ、おかげさまで。

浜田 ： 最近会いませんでしたが、どこか行ってたんですか。

石井 ： 一週間ぐらいハワイに行ってたんですよ。

浜田 ： ハワイですか。いいですね。奥さん、お元気ですか。

石井 ： はい、おかげさまで元気です。

浜田 ： 奥さんに宜しくお伝えください。

石井 ： ええ、ありがとうございます。

N4-093. パソコン: Máy tính

中井 ： このパソコン、最近スピードが遅いですね。

森川 ： ああ、結構古いから、もうだめかもしれませんね。

中井 ： 新 しいのに変えたほうがいいですね。

森川 ： そうですね。

中井 ： 部長が出 張から戻ったら聞いてみましょう。

森川 ： そうしましょう。

N4-094. プレゼン: Thuyết trình

平山 ： 最近少し 忙 しくなってきましたね。

竹内 ： そうですね。でも、今度のプレゼンが成功したら、今よりもっと 忙 しくなりますよ。

平山 ： そうですね。ところで、今度のプレゼンは誰がするんですか。

竹内 ： 課長が、広田さんがするって言っていましたよ。

平山 ： あ、そうですか。広田さんだったら安心ですね。

竹内 ： そうですね。楽しみですね。

N4-095. 電話（社外） ... 「代わります」: Điện thoại (Ngoài công ty) ...[Thay đổi]

寺岡 ： もしもし、大阪フーズの寺岡と申しますが、お世話になっております。

伊藤 ： こちらこそお世話になっております。

寺岡 ： あの、先日 頂 いた請 求書の件で質問があるんですが・・・。

伊藤 ： 請求書の件ですね。

寺岡 ： はい。

伊藤 ： 今わかるものに代わります。少 々お待ちください。

田村さん、大阪フーズの寺岡さんから請 求書の件で２番に電話です。

田村 ： お電話変わりました。経理担当の田村と申します。

寺岡 ： お世話になっております。大阪フーズの寺岡と申します。

田村 ： こちらこそお世話になっております。

寺岡 ： 実は・・・。

N3-001. どの人形に決めましたか？ Quyết định chọn búp bê nào?

男の人と女の人が娘へのプレゼントにお店で人形を選んでいます。

どの人形に決めましたか？

女の人：どの人形にしましょう。

男の人：この大きいうさぎはどうかな？とても可愛いよ。

女の人：でも少し大きすぎない？こっちの小さいぶたがいいんじゃない。

男の人：うーん、そうだね…。でも、やっぱり、ぶたよりうさぎの方がいいなあ。

あ、こっちに花を持った小さいのもあるよ。

女の人：まあ、ほんとう。じゃあそっちにしましょう。

どの人形に決めましたか？

1．ぶた大

2．うさぎ大

3．ぶた小

4．うさぎ小

N3-002. 男の人は何で行きますか？ Người đàn ông sẽ đi bằng phương tiện gì?

男の人が駅員に秋葉原にどのように行くかを聞いています。男の人は何で行きますか？

男：すみません。秋葉原まで行きたいですが、どう行けばいいですか？

駅員：秋葉原ですか。

男：はい。

駅員：えーと、ここからだと歩いても行けますが、道順が複雑で、時間もかかります。大体20分くらい掛かると思います。

男：何か行きやすい方法はないですか

駅員：タクシーはどうですか？

男：タクシーはちょっと・・・

駅員：もし自転車があれば、すぐ行けますが・・・

男：いま電車できたんで・・・

駅員：それでは、バスはどうですか、二駅ですぐ行けますよ。

男：うん、バスなら・・・

男の人は何で行きますか？

1. 歩く

2. タクシー

3. 自転車

4. バス

N3-003. 男の人はどこでケーキを買いますか？Người đàn ông sẽ mua bánh kem ở đâu

男のひとが女の人に道を聞いています。男の人はどこでケーキを買いますか。

男： すみません。この辺にケーキ屋さんありませんか。

女： ケーキ屋さん。さあーーーあったかしら。いつもスーパーで買っちゃうから。

男: あ、スーパーでもいいですよ。

女： そう。じゃ、ここまっすぐ行って、三つ目の角を左に曲がってちょっと行ったところ。

男： 左ですね。どうも有難う。

女： いいえ、どういたしまして。

男の人はどこでケーキを買いますか。

N3-004. 女の人は何を頼むでしょう？ Người phụ nữ sẽ gọi gì?

男の人と女の人が喫茶店にきました。女の人は何を頼むでしょう。

女：なにを頼もうかなぁ。

男：これなんかどう？

女：うーん、私、おなかを壊しているから、冷たいものはだめなの。あなたは何にするの？

男：僕はコーヒーだけでいいよ。君もそうしたら？

女：そうねー、でもこれ、いちごが乗っていておいしそうだから、これを食べるわ。

女の人は何を頼むでしょう。

N3-005. 二人はお昼に何を食べることにしましたか？ Hai người sẽ quyết định ăn gì vào buổi trưa?

昼ごはんについての二人の会話です。二人はお昼に何を食べることにしましたか。

A：あー、お腹空いたなぁ。そろそろご飯にしない？

B：もう昼食の時間か。じゃあ、弁当でも買いに行く？

A：えー、面倒だなぁ。蕎麦でも注文しようよ。

B：確か、水曜日は蕎麦屋さん休みのはずだよ。

A：そうか…わかった。じゃあ、寿司なんかどう？

B：随分、気前がいいねぇ。まぁ、おごってくれるなら、構わないよ。

A：言ってみただけだよ。それなら、パンでも買いに行く？

B：嫌だよ。パンなら昨日食べたばかりじゃない。別のものにしようよ。

A：仕方ないなぁ。じゃあやっぱり弁当買いに行こうか？

B：……。そうだな、とりあえず弁当にするか。

二人はお昼に何を食べることにしましたか。

N3-006. 男の人は女の人にどのような本を貸しましたか。？Người đàn ông sẽ cho người phụ nữ mượn sách như thế nào?

女の人が男の人に本を借りようとしています。

男の人は女の人にどのような本を貸しましたか。

女：ねえ、なにかおもしろい本を貸してくれない？

男：そうだなあ、この「四人の小人」っていう本を貸そうか？

女：あ、それはもう読んだことあるからいいわ。

男：うん、それじゃあ、この「サッカーの見方」っていう本はどう？

女：そうねえ、それもいいけど、もっと今はやっている本がいいわね。

男：そうか、それなら、この「みんなの山登り」っていう本がいいよ。

女：じゃあ、それにするわ。あら、でもこの「おいしいくだもの」っていう本も読みたいわ。

男：ごめん、それは今ぼくが読んでいるところなんだ。

男の人は女の人にどのような本を貸しましたか。

N3-007. 本棚はどの部屋に置きますか。 Giá sách sẽ được để ở phòng nào?

ある家族が新しい家に住むことになったので、隣の人が荷物を運ぶのを手伝いに来ています。

本棚はどの部屋に置きますか。

Ａ：中村さん、このたんすはどこに置きますか？

Ｂ：私の部屋・・・１階の西側の、小さいほうの部屋にお願いします。

　　それから、そちらの机は娘の部屋に置いてください。一階の東側です。

Ａ：わかりました。

Ｂ：・・・あの、私の本が入った箱はどこにありますか？

Ａ：えーと、多分２階にあると思いますよ。・・・ところで、この本棚は中村さんのものですか？

Ｂ：はい。・・・でも娘も最近よく本を読むようになりましてね。本棚は私の部屋ではなく、

　　一階の一番広い部屋に置いてくれますか。ここが家族の集まる部屋なんです。

Ａ：娘さんの部屋にしたほうがいいのではありませんか？

Ｂ：いえ、家族みんなで使えるようにしたいので、こちらの広い部屋に置いてください。

本棚はどの部屋に置きますか。

N3-008. 女の人はどの靴を買いますか？Người phụ nữ sẽ mua đôi giầy nào?

男の人と女の人が靴売り場で会話をしています。

女の人はどの靴を買いますか。

A:どれにしようかしら。

B:何を探しているんだい。

A:妹にあげる靴を探しているのよ。

B:そうか。じゃあ、この赤い靴はどうかな。

A:うーん、少し色が明るすぎるわ。出来たら青か黒で、ヒモのついた靴がいいのだけれど。

B:それならこれがいいんじゃないかな。

A:あら、かわいいわね。これにするわ。有難う。

女の人はどの靴を買いましたか。

N3-009. 二人はどこに座りますか？2 người sẽ ngồi ở đâu?

男の人と女の人が公園で話をしています。二人はどこに座りますか。

男：よく晴れているね。公園で散歩をするのは楽しいね。

女：そうだね。でも、私、ちょっと疲れたわ。どこかで休まない？

男：うん。そうしようか。どこに座ろうか。あ、あの池の前なんてどう？

女：うーん。確かに池はきれいだけど、屋根がないから暑そうだよ。

男：じゃあ、あそこのイスは？涼しそうだよ。

女：トイレの近くじゃない。いやよ。

男：じゃあ、あの木の下の芝生は？

女：ええー、虫が落ちてきそうでいやだよ。

男：公園を出て、どこかの店に入るか。

女：やだよお。歩きたくないもの。

男：じゃあ、どこがいいんだよ。

女：うーん。どうしようか。じゃあ、暑くてもいいわ。

男の人と女の人はどこに座りますか。

1．池の前に座ります。

2．イスに座ります。

3．木の下の芝生に座ります。

4．店の中に座ります。

N3-010. 男の人が抱えているねこはどのねこですか？ Con mèo người đàn ông đang ôm là con nào?

男の人が、ねこについて話をしています。男の人が抱えているねこはどのねこですか。

Ａ：やあ、そのねこどうしたんだい？

Ｂ：このねこ、うちで飼い始めたんだけど、いたずらをしてさ。絵の具がついちゃったんだ。

Ａ：おやおや。足にかい？

Ｂ：いや、背中にべったり。

Ａ：それは大変だ。

Ｂ：これから洗うんだけど、ついでに首輪もつけようと思って。

Ａ：それはいいね。白いねこだからよく目立つだろう。

男の人が抱えているねこはどのねこですか。

N3-011. 女の人はどの靴を買いますか？Người phụ nữ sẽ mua đôi giầy nào?

男の人と女の人が靴売り場で会話をしています。

女の人はどの靴を買いますか。

A:どれにしようかしら。

B:何を探しているんだい。

A:妹にあげる靴を探しているのよ。

B:そうか。じゃあ、この赤い靴はどうかな。

A:うーん、少し色が明るすぎるわ。出来たら青か黒で、ヒモのついた靴がいいのだけれど。

B:それならこれがいいんじゃないかな。

A:あら、かわいいわね。これにするわ。有難う。

女の人はどの靴を買いましたか。

N3-012. 女の人はどこへ行きたいと思っていますか？Bạn nghĩ người phụ nữ muốn đi đâu?

駅で女の人が男の人に紙を見せながら道を尋ねています。女の人はどこへ行きたいと思っていますか。

女：あのう、すみません。

男：はい、何ですか。

女：ちょっと伺いたいですが。

男：はい。

女：私はここへ行きたいですが。道を教えていただけますか。

男：ああ、ここですか。まずこの道をまっすぐ行って、二番目の交差点のところを右に曲がってすこし歩くと本屋があります。

女：はい。

男：本屋の前を右に曲がって，あっ右じゃなくて、左に曲がってください。

女：はい。

男：それからもう少しあるくと交番があります。

女：はい。

男：そこは右に曲がると、レストランが見えます。その隣です。

女：はい、わかりました。ありがとうございます。

女の人はどこへ行きたいですか。

N3-013. 男の人はどこへいきますか？Người đàn ông sẽ đi đâu?

男の人と女の人が次の日曜日の予定を話しています。男の人はどこへいきますか？

男：君は今度の日曜日、予定はあるのかい？

女：私はたぶん友達と街へ買い物をしにいくわ。あなたはどうするの？

男：僕はひとりで釣りをしに行こうと思っているよ。

女：どこまで行くの？そういえば、あなたの家の近くに川があったわね。そこに行くの？

男：その川はほとんど魚がいないから、海まで行くよ。車で２時間くらいで行けるからね。

男の人はどこへ行きますか？

N3-014. 女の人は、何を買ったでしょうか？ Người phụ nữ đã mua cái gì?

おもちゃ売り場での会話です。女の人は、何を買ったでしょうか。

A:いらっしゃいませ。

B:あのう、子供に誕生日のプレゼントを買おうと思うんですが、今はどんなおもちゃが人気なんですか？

A:そうですね、男の子にはテレビゲームが人気です。

B:あ、うちの子は女の子なんです。

A:そうですか・・・ではこちらはどうでしょう。電池を入れれば本物そっくりに動くんですよ。今日発売されたばかりなんです。

B:へえ、かわいいですねえ。え、８０００円！ちょっと高いなあ・・。

A:後は・・そうですねえ、こちらの髪飾りも人気ですが。

B:うーん・・・。

　やっぱりさっきのにします。うちの子、動物が好きなので。

A:そうですか。ありがとうございます。

女の人は、何を買ったでしょうか。

N3-015. 二人はどんな服を買うことにしましたか？ Hai người đã quyết định mua bộ quần áo nào?

お母さんと娘が女の子を見ながら、着ている服について話しています。

二人はどんな服を買うことにしましたか。

娘：お母さん、私、新しい服がほしい。

母：どんな服がほしいの？

娘：見て、あの子。私もあんな服がほしいんだ。

母：あの子、おなかが見えてるわよ。やめてよ、あんな服。

娘：違うよ。その隣のスカートの子。

母：だめ。スカートが短すぎる。

娘：じゃあ、あれもだめね。帽子と合っててかわいいんだけどなあ。

母：あら、あれいいじゃない。あれなら買ってあげるわよ。

娘：はー、あんまり好きじゃないけど、買ってもらうから仕方ないか。

二人はどんな服を買うことにしましたか。

N3-016. 何を買うことにしましたか？Quyết định sẽ mua gì?

買い物にやってきました。洋服を選んでいます。

女の人は何を買うことにしましたか。

女１「私、Tシャツがほしい。」

女2「へえ、じゃあこんなのどう。星がついていてかわいいじゃない。」

女1「たくさん星がついているのね。うん、かわいいわ。色はどうしようかな。」

女２「白と黒があるのね。うーん、あなたには白が似合うと思うな。」

女１「じゃあそれにしようかな。すいません、これください。」

女の人は何を買うことにしましたか。

N3-017. 男の人は、どの授業に参加しますか？Người đàn ông sẽ tham gia lớp học nào?

男の人と女の人が話しています。男の人は、どの授業に参加しますか。

女：田中さんは、どの授業取る？

男：そうだね。ぼくは文を読むのはいいけど、書くのは苦手だからこれは取りたくないな・・。

　　鈴木さんは、何取るの？

女：そうね。私は話すのが上手になりたいから、これを取るわ。

男：そうだね。それもいいね。ぼくもそうしよう。

女：じゃ、一緒に取りましょう。

男：でも、ぼく、聞くのも上手になりたいな。

女：そうね、それも大切よね。

男：でもやっぱり、苦手なものが上手になるように、これ取ろう！

1．読む授業です。

2．書く授業です。

3．話す授業です。

4．聞く授業です。

N3-018. 二人の選んだケーキはどれでしょう？Bánh kem 2 người đã chọn là cái nào?

男の人と女の人が上司の誕生日ケーキを選んでいます。二人の選んだケーキはどれでしょう。

女の人：あのたくさん果物がのったケーキは、どうかな。

男の人：うん。でも、チョコレートのケーキのほうが、ちょっとおしゃれでいいと思うな。

女の人：だけど、チョコレートのクリームのほかに何も乗ってないじゃない。地味すぎないかな。

男の人：確かにね。じゃあ、しかくいケーキは？かたちも変わってて、いいと思わない？

女の人：確かに素敵ね。だけど、誕生日のケーキらしくないよ。

男の人：じゃあ、あのみかんがのったケーキは？おいしそう。

女の人：うーん、それもだめだよ。部長はみかん食べられないのよ。知らなかった？

男の人：ああ、そうなの？知らなかったよ。じゃあ仕方ないね。果物のケーキにしよう。

二人の選んだケーキはどれでしょう。

N3-019. 山本君と山本君の弟は今どんな状態ですか？Anh Yamamoto và em trai của anh Yamamoto bây giờ như thế nào?

男の人と女の人が話しています。山本君と山本君の弟は今どんな状態ですか？

女性：ねえ、この間、山本君が事故にあって、新しい車がめちゃくちゃに壊れたの知ってる？

男性：ほんとに？大丈夫なんだ？

女性：２，３日入院してたけど、もう退院したって。でも、目の前で見たからほんとうにびっくりしてさー。

　　　私は大通りを走っていたんだけど、相手の車が信号が赤なのにそれを無視して走ってきて、

　　　交差点で山本君の車にぶつかって。

男性：ふーん。でも、二人ともたいしたことなくて、よかったね。

女性：それが、山本君の弟はひどくて、もう３ヶ月入院するって。

男性：相手の運転手はどうなったの？

女性：山本君の弟と同じで、３ヶ月くらい入院だって。

山本君と山本君の弟は今どんな状態ですか？

1．山本君は入院していますが、弟は退院しました。

2．山本君は退院しましたが、弟は入院しています。

3．二人とも退院しました。

4．二人とも入院しています。

N3-020. 泥棒はどんな人ですか？ Kẻ trộm là người như thế nào?

男の人と女の人が話しています。泥棒はどんな人ですか。

Ａ：田中さんのうちに泥棒が入ったんだって？

Ｂ：そうなのよ。

Ａ：犯人はもう捕まったの？

Ｂ：それがまだで・・・。

Ａ：どんな人？

Ｂ：丸顔で帽子を深くがぶってて・・。

Ａ：うん。

Ｂ：それに首に何か巻いていた男性らしいのね・・。

Ｂ：あごあたりからひげが生えてて・・・。

Ａ：そうなんだ・・。早く犯人見つかるといいね。

泥棒はどんな人ですか。

N3-021. 女の人は男の人から何をもらいますか？ Người phụ nữ sẽ nhận gì từ người đàn ông?

男の人と女の人が話しています。女の人は男の人から何をもらいますか。

男の人：あ、小林さん。ちょっといいですか。寮を出てアパートに引っ越すって聞いたんですけど。

女の人：はい。

男の人：実は、僕も今度寮に引っ越すんですが、そこの寮、家具は全部部屋にあるんですよ。

　　　　だから、よかったら、テレビとか冷蔵庫とかもらってくれませんか？

女の人：え、本当ですか。いいんですか。

男の人：はい、じゃあ、何がいいですか。

女の人：じゃあ、とりあえずテレビが欲しいですね。

男の人：はい。冷蔵庫はどうですか。

女の人：冷蔵庫、あー、私、もう新しいの買っちゃったんですよ。

男の人：あ、そうですか。他に何かいりませんか。

女の人：んっとー。自転車ありますか。

男の人：あ、ごめんなさい。自転車もうあげちゃったんですよ。机もありますけど、どうですか。

女の人：あ、じゃあ、それもお願いしていいですか。

女の人は男の人から何をもらいますか。

N3-022.　男の人が座っているいすはどれですか？ Ghế người đàn ông đang ngồi là cái nào?

男の人と女の人が飛行機の中で話しています。

　男の人が座っているいすはどれですか。

男：ねえ、いすの背中を倒すのって　どれ？

女：それじゃない？ひじ掛けの横の。

男：ああ、この丸いのね。じゃ、これは何だろう。上の四角いの。

女：左が電気で、右側人を呼ぶボタンじゃないかな。

男：そう？じゃ、ちょっと電気をつけてみよう。

　　あれ、つかないな・・・　あ！これ、反対だよ！！

　男の人が座っているいすはどれですか

N3-023. 男の人は何をしますか？ Người đàn ông sẽ làm gì?

男の人と女の人が食事をしています。男の人は何をしますか。

女の人：ごちそうさま。おいしかったですね。

男の人：そうですね。コーヒーでも飲みますか。

女の人：その前にケーキを食べましょうよ。

男の人：ケーキ？ぼくは、もうお腹がいっぱいなんだけど．．．

女の人：ここのケーキはおいしいのよ。

　　　　せっかく来ているんだし．．．食べましょうよ。

男の人：ううん．．．

女の人：食べましょうよ。その後、コーヒーを飲みましょうよ。

男の人：ううん．．．

女の人：ね、いいでしょう。

男の人：分かったよ。そうしよう。

男の人は何をしますか。

1．コーヒーを飲んでからケーキを食べます。

2．ケーキを食べますが、コーヒーは飲みません。

3．ケーキを食べてから、コーヒーを飲みます。

4．コーヒーは飲みますが、ケーキは食べません。

N3-024. 二人はどうしますか？Hai người sẽ làm như thế nào?

会社で男の人と女の人が話しています。二人はどうしますか。

男：そろそろ、行かない？

女：え？もうそんな時間？

男：うん。8時の約束だからそろそろ出ないと。

女：えー。どうしよう。まだ仕事終わってないし・・・

　　もう少しやってから行くから、先に行ってて。

男：明日一緒にやるから、今日はもう行こうよ。

女：でも、急ぐのよ、これ。

　　明日の朝１０時までに部長に渡さないといけないの。

男：どれどれ？　あー、二人でやれば３０分くらいで終わるよ。

　 だから！（行くことを促す調子で）

女：そう？悪いわね。

二人はどうしますか。

1．すぐに出かけます

2．30分後に出かけます

3．8時に出かけます

4．10時に出かけます

N3-025. 女の人はどこにいますか？Người phụ nữ ở đâu?

男の人と女の人が話しています。女の人はどこにいますか。

男：いらっしゃいませ。あ、木村様ですね。お久しぶりです。

女：こんにちは！

男：今日はどうなさいますか。

女：えーと、今日はね、このモデルのようにしてほしいんですけど。

男：はい、ちょっとお見せください。この写真だと、長さがこのぐらいで、

　　ちょっと短めになりますが、大丈夫でしょうか。

女：うーん、ちょっと短すぎますね。このへんぐらいでいいかな。

男：はい、かしこまりました。それと、色はどうなさいますか。

女：いつもより少し明るいのがいいなぁ。

男：ええと、これなんかいかがでしょうか。お客様は肌が白いので、

　　きっとお似合いだと思いますよ。

女：じゃあ、これでお願いします。

男：はい、かしこまりました。では、こちらにおかけください。

女の人はどこにいますか。

1.　病院です。

2.　写真屋さんです。

3.　美容院です。

4.　洋服屋さんです。

N3-026. 映画が安く見られるのは、いつですか？ Khi nào có thể xem phim với giá rẻ?

学校の休み時間に学生が話しています。

映画が安く見られるのは、いつですか。

A：今度の金曜日、学校が終わったら、映画を見に行かない？

B：うーん･･･。今日は水曜だよね。明後日か。

A：いつもは１５００円だけど、金曜は女の人だけ、１０００円で見られるよ。

B：えっ、本当？

A：うん。一緒に行かない？

B：いいねー。木曜日だっけ？

A：土曜日。じゃない、金曜日。じゃあ、学校が終わったら電話するね。

映画が安く見られるのは、いつですか。

1．水曜日

2．木曜日

3．金曜日

4．土曜日

N3-027. 正しい時間はどれですか？ Giờ chính xác là cái nào?

男の人が、歯医者に電話をかけて、時間について聞いています。

正しい時間はどれですか。

A：はい、齋藤病院です。

B：すみません、そちらは何時からやっていますか。

A：あ、ええと、午前中は９時から１２時半までと、

B：はい。

A：午後が、２時半から６時までになります。

A：それと、日曜日は、午前中だけになりますので。

B：あ、お休みは何曜日ですか。

A：木曜日と祝日です。

B：そうですか。わかりました。

A：はーい。

正しい時間はどれですか。

N3-028. 男の人はこれから何をしますか？Người đàn ông sau đây sẽ làm gì?

男の人と女の人と、先生へのプレゼントについて相談しています。

男の人はこれから何をしますか？

女：ねえ、来月、先生の誕生日だって。みんなで、何かプレゼントをあげない？

男：あ、そうだね。今年先生の還暦だそうだし。

女：え？もう60歳なの？

男：うん。何がいいかな。

女：そうだ。先生はお酒が大好きだから、何か有名なお酒とかはわ？

男：うーん、酒はいいんだけど、飲みすぎると体によくないし、

　　持って帰るのも重くて面倒くさいんじゃない？

女：そういえばそうね。それじゃ、花はどう？パーティーの時、

　　先生にさしあげたら、きっと喜ぶんじゃない？

男：でも、もって帰るのは大変だよ？

女：大丈夫、先生は多分研究室に置いて帰るから。

男：そうだね。じゃ、私が花を予約してくるよ。その他に、カードもどう？

　　皆さんに先生のために一言ずつを書いてもらうのって、いいプレゼントじゃない？

女：そうね、じゃ、私が買ってくるわ。

男：じゃ、カードのことは頼むよ。早速みんなに書いてもらわなきゃ。

男の人はこれから何をしますか？

1．お酒を買いにいきます。

2．花を買いにいきます。

3．皆さんに言葉を書いてもらいます。

4．パーティーの会場を予約します。

N3-029. 二人は明日何をすることにしましたか？Hai người ngày mai quyết định sẽ làm gì?

男の人と女の人が話しています。二人は明日何をすることにしましたか。

女：ねぇ、ねぇ、明日は休みでしょう。何をしようか。

男：最近仕事で寝る時間がほとんどなくて、家で寝ようかな。

女：一日中？せっかくの休みだからどこかへ行こうよ。

男：せっかくの休みだからこそ家で寝たいんだ。

女：そうだ。来月は山田さんの誕生日だから、プレゼントを買わなきゃ。

　　買い物に行こう。

男：来月？ちょっと早すぎじゃない？週末あっちこっち込んでるし。

女：そうだよね。ちょっと早すぎだよね。じゃ、買い物は止めよう。

そうしたら、映画を見に行こうよ。

そういえば、映画も久しぶりだし。

男：久しぶり？先週見たばかりじゃん？

女：だって、新作が上映されているんだもん。

男：　ええ

女：　じゃ、運動してないから、プールに行こう。夏だし。

プールに行ったら涼しいでしょう。

男：それより家にいて、クーラーをつけたほうがずっと涼しいんじゃない。

女：何よ、その態度！休みだってば！休み！どこかへ行きたいんだもん。

　　家にいるのはいや！

男：はい、はい、はい、分かった、分かった！

　　あっちこっち歩いたり、運動したりするのはいやだから、また見に行くか。

二人は明日何をすることにしましたか。

1．家で寝ます

2．買い物に行きます

3．プールに行きます

4．映画を見に行きます

N3-030. 正しい地図はどれですか？Bản đồ đúng là cái nào?

女の人が交番で道を聞いています。正しい地図はどれですか？

女：あの、すみませんが、美術館に行きたいんですけど、どう行けばいいんでしょうか？

男：美術館ですか？ええと、このあたりには、二つの美術館があって、（女：はい）

西洋美術館と東洋美術館の、どちらでしょうか？

女：あ、そうですか？日本画を見たいんで、東洋美術館かな？

男：ええ、そうですね。東洋美術館なら、この交番を出て、左にまがっていって、二番目の交差点の

　　ところに西洋美術館があるんですね。その向こう側の斜めの道に沿っていくと、東洋美術館に出ます。

女：はい、わかりました。どうも、ありがとうございます。

正しい地図はどれですか？

N3-031. 二人はいつ映画を見ることにしましたか？Hai người quyết định khi nào sẽ đi xem phim?

男の人と女の人がカレンダーを見ながら話しています。

二人はいつ映画を見ることにしましたか。

男：ね、この人の映画すき？

女：うん、好きだよ。全部見た。

男：二十日に彼の最新作が上映されるらしいよ。

女：へぇ？二十日？今月の？

男：そう。よかったら、いっしょに見に行かない？

女：うん、行く、行く。ちなみに、今日は何日？

男：今日はね、あ、いけない、今日は１９日。明日だね。

女：間に合うのかなぁ。明日行く？

男：そうね。でも、チケットまだ予約してないし、明日込むかもなぁ。

　　来週の週末は？

女：そうね。そうしたほうがいいね。じゃ、来週の金曜日にしようか。

男：あ、ごめん。来週の金曜日はちょっと。。。

女：そう？じゃ、この日しかないね。

男：　うん、そうだね。

二人はいつ映画を見ることにしましたか。

N3-032. 男の人はどの順番にすると言っていますか？Người đàn ông nói theo thứ tự nào?

美容室で男の人と女の人が話しています。

男の人はどの順番にすると言っていますか。

男の人：今日はどうなさいますか。

女の人：えっと、パーマをかけたいんですが。

男の人：ええ。髪の長さはどうしますか。

女の人：そうですね。少し短くしてください。

男の人：はい、わかりました。髪を切るまえにパーマをかけます。

女の人：ええ、お願いします。

男の人：じゃ、まず、シャンプーをしてからパーマをかけますので、

　　　　こちらへどうぞ。

男の人はどの順番にすると言っていますか。

1．髪を切ってから、パーマをかけて、最後にシャンプーをします。

2．髪を切ってから、シャンプーをして、最後にパーマをかけます。

3．シャンプーをしてから、髪を切って、最後にパーマをかけます。

4．シャンプーをしてから、パーマをかけて、最後に髪を切ります。

N2-001. レポートの提出はいつまでですか。

教室で先生と学生が話をしています。

レポートの提出はいつまでですか。

先生：じゃ、これで授業終わりましょう。

　　　1学期が終わるまでに、レポートを出してください。

　　　1学期は7月22日までですよ。

学生：7月22日までですか。その日までには、ちょっとー。

　　　申し訳ないんですが、

　　　ほかの授業でもレポートが沢山あって、

　　　ちょっと遅くなってもいいでしょうか。

先生：遅くなるって、何日くらい。

学生：4～5日遅くなってもいいでしょうか。

先生：うーん、だめ、だめ。

学生：じゃ、2～3日はどうですか。

先生：成績をだす関係もあるから、うーん……わかった。三日なら待とう。

学生：あー、よかった。

レポートの提出はいつまでですか。

1. 22日です。

2. 25日です。

3. 27日です。

4. 29日です。

N2-002. 男の人はこれからどうしますか。

会社で、男の人と女の人が話をしています。男の人はこれからどうしますか。

男：ちょっと頭が痛いんだけど、何か薬をもってないかな。

女：大丈夫？家に帰った方がいいんじゃない？

男：うん、でも、まだ仕事が残っているから。レポートを終わらせなくちゃ

　　ならないし、会議の準備もしなくちゃならないから。

女：大変ね。これ、いつも私が使っているお薬よ。よかったら、どうぞ。

男：あ、ありがとう。

女：じゃ、お先に。

男の人は、これからどうしますか。

1. 薬を飲んで仕事をします。

2. 家に帰って薬を飲みます。

3. 家に帰って寝ます。

4. 薬を買いに行きます。

N2-003. 学生はこれからどうしますか。

学生は奨学金について学生係と話をしています。

学生はこの後すぐどうしますか。

　学生：すみませんが。

学生係：はい。何でしょうか。

　学生：奨学金がほしいんですが、どうすればいいですか。

学生係：奨学金ですか。

　学生：はい。

学生係：ええと、申込書と推薦状と成績証明書が必要となります。

　　　　成績証明書はこちらの事務所から出しますが、

　　　　推薦状を指導教授にお願いして下さい。

　　　　来週の月曜日までに　こちらへ持って来て下さい。

　学生：はい、分かりました。来週の月曜日までですね。

学生係：はい。じゃあ、今この申込書をだけ書いて、それから、

　　　　指導教授から印鑑をもらって来て下さい。

　学生：はい、分かりました。ありがとうございます。

学生はこれからどうしますか。

1. 指導教授に推薦状をお願いする。

2. 申込書を書く。

3. 成績証明書を貰う。

4. 申込書と推薦状を書く。

N2-004. お母さんは明日何時頃太郎君を起こしますか。

お母さんと太郎君が話をしています。

お母さんは明日何時頃太郎君を起こしますか。

お母さん：太郎、明日、朝８時に起こしたらいいよね？

　太郎　：あ、お母さん、実は予定が変わって、明日の朝８時に学校で

　　友たちと待ち合わせすることにしたんだよ。

お母さん：え？本当？それなら遅くとも７時には起きなきゃ。

　太郎　：顔洗って朝ごはん食べるのに３０分位はかかるから・・・

お母さん：まあ、ちょっと早く起きて出発した方がいいでしょう？

　太郎　：はい、お母さん、じゃ、明日お願いするよ。

お母さんは明日何時頃太郎君を起こしますか。

1. 朝７時です。

2. 朝７時半です。

3. 朝８時です。

4. 朝８時半です。

N2-005. この後、田中さんはどうしますか。

田中さんは本社に電話をしています。

電話の相手の加藤さんは、電話に出ることが出来ません。

この後、田中さんはどうしますか。

女の人：はい、日本商社営業部です。

男の人：あの、大阪支店の田中と申しますが、

加藤さんはいらっしゃいますか。

女の人：申し訳ありませんが、加藤は只今、席をはずしておりますが･･･。

男の人：ちょっと急ぎの用事なんですが･･････。

じゃ、戻られましたら、折り返し電話を下さるようにお伝えください。

女の人：はい、かしこまりました。

あ、あの、加藤、携帯がございますが・・・。

男の人：あ、そうですか。じゃ、お願いいたします。

女の人：はい、少々お待ちください。

よろしいですか。

男の人：はい。

女の人：090の5013の0035です。

男の人：はい、どうもありがとうございます。

この後、田中さんはどうしますか。

1. 後で電話をかけなおします。

2. 伝言を頼みます。

3. 別の電話にかけます。

4. 電話を待ちます。

N2-006. 学生のレポートはいつまでに提出しなければなりませんか？

学生が先生と話をしています。

学生はレポート、いつまでに提出しなければなりませんか？

学生：先生、レポートの締め切りを一週間延期していただけないでしょうか。

先生：それはだめです。2月8日の期限は変えられません。

学生：先生、私は少々事情がありまして。

先生：そう言われても困りますね。皆、期限は同じですから。

学生：実は、私の母が急に病気で倒れまして、

　　　看病のためなかなか時間がとれないんです。

先生：それは大変ですね。それでは二日だけ延期してあげましょう。

学生はレポート、いつまでに提出しなければなりませんか？

1.　2月6日です。

2.　2月8日です。

3.　2月10日です。

4.　2月15日です。

N2-007. 女の人が先に行くのはどうしてですか

男の人が女の人と学校の食堂で話しています。女の人が先に行くのはどうしてですか。

女：あ、もう12時57分なんだ。急がないと、授業が始まるよ。

男：おう、先に行って。このコーヒー、飲んでから行くから。

女：もう飲んでる時間なんかないわよ。持っていけば。

男：ええ？教室で食べたり飲んだりしちゃだめなんだよ。ちゃんと書いてあったじゃない。

女：ほんと？じゃ、捨てなさいよ。

男：そんなもったいないことできないよ。120円もしたんだよ。

女：あ、ベルが鳴ってる。お先に。

女の人が先に行くのはどうしてですか。

1. 男の人がコーヒーを飲んでいるからです。

2. 男の人がコーヒーを捨てに行くからです。

3. 男の人がコーヒーを教室に持っていくからです。

4. 男の人がコーヒーを買っているからです。

N2-008. おすしはいつ来ますか

男の人は店の人に電話をしています。おすしはいつ来ますか。

店の人：もしもし、太郎ずしです。

　男　：さっき、出前をお願いした田中ですが、おすしはいつ来るんですか。

店の人：いつごろ注文なさいましたか。

　男　：30分ほど前なんですけど。10分で着くと言ってましたよ。

店の人：どうも遅くなってすみません。あと20分ほど待っていただけませんか。

　男　：それは困るんですが。お客さんが帰るって言ってるんですよ。

　　　　今、すぐもって来てくれない。

店の人：そうですねえ。あと10分でお届けします。

おすしはいつ来ますか。

1． あと20分で来ます。

2． あと10分で来ます。

3． あと30分で来ます。

4． 今、すぐ来ます。

N2-009. 3人はバスに乗ってはじめに何をしますか

旅行の途中です。3人はバスに乗ってはじめに何をしますか。

Ａ：早く、早く、バス出ちゃうよ。

Ｂ：ごめん、山の紅葉がきれいで、みとれちゃって・・

Ａ：集合は１時って言ってたでしょ。温泉入れないよ。

Ｃ：僕は、さっきのリンゴ狩りで食べ過ぎちゃって、トイレ行ってたんだよ。

Ｂ：えー。このあとカニ食べ放題だよ・

Ｃ：そうそう、薬のんどこうっと。

Ａ：その前にお寺巡りでしょ。

Ｂ：あっそうか。温泉の前にまだ行くとこあったんだ。

Ｃ：寺より、カニがいいよ。

3人はバスに乗ってはじめに何をしますか。

1.リンゴ狩りです。

2.カニを食べます。

3.お寺を見ます。

4.温泉に入ります。

N2-010. 佐藤さんが会議に参加できる時間はいつですか。

　女の人が佐藤さんに会議のことについて、電話で話をしています。

佐藤さんが会議に参加できる時間はいつですか。

女：あ、もしもし、ええと、佐藤さんでいらっしゃいますか。あのう、どう も、あの先日伺った件なんですが、先生のほうに連絡して､会議の時間を決め ようとしたんですが、先生、ちょうどいらっしゃらないようで、連絡がつか なかったんです。それで、こちらとしては、先生の返事をお待ちしている と、他の方たちにご迷惑をかけると思いまして、他の方のご予定を伺って、 木曜日と金曜日にしようと思っておりますが、佐藤さんのご都合はいかがで しょうか。～あ、そうでございますか。木曜日の午前中はお仕事が入られ て、金曜日から名古屋へご出張なさるんですね。はい、わかりました。あり がとうございます。はい、また、先生と連絡つき次第、確認をとりますの で、最終的なことは改めてご連絡しますので、はい、では、よろしくお願い 致します。どうも、では、失礼致します。

佐藤さんが会議に参加できる時間はいつですか。

1. 木曜日の午前です。

2. 木曜日の午後です。

3. 金曜日の午前です。

4. 金曜日の午後です。

N2-011. 映画に行こうと言った人物が

相手の人を誘ったのはどうしてですか。

友だちどうしが話をしています。映画に行こうと言った人物が

相手の人を誘ったのはどうしてですか。

Ａ：こんどの金曜の夜、ひま？

Ｂ：えーっとね、いまのところ予定はないけど。どうして？

Ａ：面白そうな映画を見に行こうと思うんだけど、一人じゃつまらないから、誘ったわけ。

Ｂ：何の映画？

Ａ：行ってからのお楽しみ。でも、評判の映画だよ。　実はその映画の切符が 　　ただで手にはいったんだ。

Ｂ：君がすすめるなら行ってみようかな。それにただっていうのも悪くないね。

映画に行こうと言った人物が相手の人を誘ったのはどうしてですか。

1.　ただの切符が手に入ったからです。

2.　評判の映画だからです。

3.　一人で映画を見るのはつまらないからです。

4.今度の金曜の夜はひまだからです。

N2-012. 山田さんはこの電話のあと何をしますか。

山田さんがさくらデパートに電話で何かを問い合わせています。

山田さんはこの電話のあと何をしますか。

Ａ：もしもしさくらデパートですか。先日、そちらの食料品売り場から、 　　お友だちへの贈り物をお願いした者ですが。実は、先方にまだ届いて 　　いないようなんですが、調べていただけますか。

Ｂ：申し訳ございません。すぐお調べいたします。ご依頼時の領収書を 　　お持ちでしょうか。

Ａ：それが・・・、なくしてしまったんです。

Ｂ：では、お名前と電話番号、ご依頼の商品名をお聞かせ願えますか。

Ａ：山田といいます。電話は52-5963です。品物はワインです。

Ｂ：はい、承りました。すぐにお調べいたしますが、少々お時間が 　　かかりますので、分りしだいこちらからご連絡いたします。

Ａ：よろしく。

質問：山田さんはこの電話のあと何をしますか。

1.　領収書を探します。

2.　デパートからの電話を待ちます。

3.　デパートにでかけます。

4.　贈り物をした友だちに電話をします。

N2-013. 女の人が明日、コンサートに行けない理由は何ですか。

男の人と女の人が話しています。女の人が明日、コンサートに行けない理由は何ですか。

男：明日のコンサート。行かないんだって。

女：うん。ちょっと行けなくなったの。

男：そういえば、もともとアルバイトだったもんね。

女：うん・・・。でもそれより試験の準備のことでね。

男：試験って？

女：うっかりしていたけど、明後日、英語のクラスでテストがあるの。

男：あ、そうかあ。それは大変だね。

女の人が明日、コンサートに行けない理由は何ですか。

1． あした、アルバイトがあるからです。

2． あした、試験があるからです。

3． あさって、アルバイトがあるからです。

4． あさって、試験があるからです。

N2-014. 女の人は人と付き合う時に何が一番大切だと言っていますか

男の人が女の人にインタビューしています。女の人は人と付き合う時に何が一番大切だと言っていますか。

男：このごろ、周りの人とうまく付き合えずに悩んでいる人が多いようです。

　　今日はどうすれば他の人とうまくやっていけるのかについて、一言アドバイスを頂きたいんですが。

女：そうですねえ。人と付き合う時には、うまくいかなくて当然だと思ったほうが良いですね。

男：え、それじゃ、失敗してもいいんですか。

女：そうです。すべてうまくできる人なんていませんよ。

　　こうやってみてだめだったら、じゃ次はどうしようかと考え、工夫する。

男：はい。

女：その繰り返しの中で、相手と自分との距離のとり方、というか

　　バランスがわかってくるもんなんですよ。

女の人は人と付き合う時に何が一番大切だと言っていますか。

1．だれとでも同じように親しくすること。

2．自分の思っていることを繰り返し、正直に言うこと。

3．いろいろやってみてうまくいかなかったらやり方を変えること。

4．失敗してもすぐ新しい人と付き合うこと。

N2-015. 女の人が帰る理由は何ですか。

女の人が同じ会社の人とレストランで晩御飯を食べています。

女の人が帰る理由は何ですか。

女：あの、そろそろ失礼します。

男：ええ、もう帰るの。まだ９時ですよ。

　　今日はもっとゆっくりしてもいいでしょ。

女：ええ。でも、今日みんなで出した提案、

　　明日の会議で報告しなさいって部長に言われましたから、

　　これから、その準備をしなければなりませんから。

男：ああ、そうか。それじゃ。

女：はい。今日はお疲れ様でした。

　　それじゃ、失礼します。

女の人が帰る理由は何ですか。

1. 明日会議があるからです。

2. 明日会議の準備があるからです。

3. これから会議があるからです。

4. これから会議の準備があるからです。

N2-016. 女の人はこの後どうしますか。

女の人は男の人に道を聞いています。女の人はこの後どうしますか。

女の人：あのう･･･すみません。

男の人：あ、はい。

女の人：この近くに郵便局はないんでしょうか。

男の人：郵便局ですか。郵便局なら区役所の前にありますよ。

女の人：そうですか。あのう･･･実は、ここ初めてなので、道がよくわからなくて･･･

男の人：あ、そうですか。ううん･･･、やっぱり、ここから郵便局までは

　　　　歩いていくと、ずいぶん時間がかかるんで、バスに乗ったほうが

　　　　いいと思いますよ。

女の人：バスですか。

男の人：ええ。あそこのコンビニの前のバス停から。

　　　　あ、でも何番のバスだったけ･･･。

　　　（男、２秒ほど考える）あ、中６番のバスです。

女の人：中６ですか。ありがとうございました。

男の人：いいえ。

女の人はこの後どうしますか。

1. 区役所までバスで行きます。

2. 郵便局までバスで行きます。

3. コンビにまでバスで行きます。

4. 郵便局まで歩いて行きます。

N2-017. 男の人の領収書はどこにありましたか？

男の人と女の人が教室で話をしています。

男の人の領収書はどこにありましたか？

男の人：あれー、どこやっちゃったんだろう。

　　　　領収書が見当たらないんだよ。

女の人：えっ、何の領収書？

男の人：さっき、文房具屋さんでフロッピーディスクを買ったときの 　　　　なんだけど・・・。

女の人：どっかに落っことしちゃったんじゃない？

男の人：それはないんだ。さっき、フロッピーがいくらしたか

　　　　先輩に聞かれて、領収書を見せたばかりだから。

女の人：じゃあ、近くにあるんだ。机の上のこれは違うの？

男の人：あ、違う。それはさっき食堂で買ったサンドイッチ代。

女の人：もう一度よく考えてみて。どこかに入れたんじゃない？

男の人：えーっと、そうだ。お金を払ったときに、

　　　　お財布の中に入れちゃったんだ。

男の人の領収書はどこにありましたか？

1． 文房具屋さんです。

2． お財布の中です。

3． 机の上です。

4． 食堂です。

N2-018. 3階にいる人はどこへどのように逃げますか？。

避難訓練の放送が流れます。3階にいる人はどこへどのように逃げますか？

放送：ただ今より、避難訓練を開始します。今回は、６階、南エレベーター 付近で火災が起きたと仮定します。６階にいるみなさんは、屋外非常階段 を使って至急、屋上へ逃げてください。１階から３階までのみなさんは屋外 非常階段を使って、４階と５階のみなさんは中央階段を使って、至急、会社 の玄関前の駐車場へ逃げてください。なお、エレベーターは使用禁止です。

3階にいる人はどこへどのように避難しますか。

1．エレベーターで屋上へ逃げる。

2．エレベーターで駐車場へ逃げる。

3．屋外非常階段で駐車場へ逃げる。

4．中央階段で屋上へ逃げる。

N2-019. この人たちはどこで話をしていますか。

男の人は、日本語大辞典を探しています。

この人たちはどこで話をしていますか。

男：すみません。「日本語大辞典」を探しているんですけど・・・。

女：あ、「日本語大辞典」ですね。それなら、1階の辞典コーナーにあります。

男：辞典のコーナーって、どこですか。

女：エレベーターのすぐ裏ですよ。

男：分かりました。あ、あと、ここは何日くらい借りられるんですか。

女：あー、辞典のコーナーの本はすべて貸し出し禁止になっているんですよ。

男：そうですか・・・。

女：この建物の中で見てください。

男：分かりました。ありがとうございます。

この人たちは、どこで話をしていますか。

1． 教室です。

2． 本屋さんです。

3． 図書館です。

4． デパートの受付です。

N2-020. 女の人はどうして冷たい飲み物を飲みませんか。

男の人と女の人が、喫茶店で話をしています。

女の人はどうして冷たい飲み物を飲みませんか。

男：あー、暑い、暑い。すみません、アイスコーヒーお願いします。

女：私は、ホットコーヒーとケーキをお願いします。

男：ホット？この暑いのに、熱いコーヒー飲むんだ？

女：暑いのは今のうちだけよ。喫茶店って、クーラー

　　ガンガン効いているじゃない。

　　10分もすれば、逆に寒くなっちゃうわよ。

男：そっかー、僕はとにかく冷たいものを一気に飲みたいよ。

女：暑いからって、冷たいものばかり飲んでいると、胃に悪いわよ。

　　お腹を壊さないように気をつけてね。

女の人はどうして冷たい物を飲みませんか。

1. 今、寒いからです。

2. 後で寒くなるからです。

3. 今、お腹が痛いからです。

4. ケーキを食べるからです。

N2-021. 二人はどの乗り物を使いますか。

男の人と女の人が旅行の話をしています。二人はどの乗り物を使いますか。

男：そろそろ旅行の計画を立てなくちゃ。

女：そうね。早くしないと東京からの切符が取れないわね。

男：広島までどうやって行く？僕は車の運転得意だよ！

女：そうね。でも広島までだったら時間かかるでしょ。

　　私は飛行機でも新幹線でもいいわよ。

男：そうだけど、予算オーバーしちゃうよ。お金足りないよ。

　　今回は時間があるんだからさ。

女：うーん、安く行くなら、車だけど。あ、高速バスもあるわよ。

男：今回は、時間があるんだから、ゆっくり行こうよ！僕に任せてよ。

女：そうね、じゃ、安全運転してね。

二人はどの乗り物を使いますか。

1. 新幹線です。

2. 飛行機です。

3. 車です。

4. 高速バスです。

N2-022. 山本さんはいつ歯医者に行くことにしましたか？

山本さんは歯医者に電話で予約をしています。

山本さんはいつ歯医者に行くことにしましたか？

受付：田中医院です。おはようございます。

山本：予約をお願いしたいんですが。

受付：いつがよろしいですか。

山本：できるだけ早くお願いしたいんですけど。

　　　できれば、今日の午後空いてませんか。

受付：少々お待ちください。（…）もしもし。

山本：はい。

受付：今日の予約はもういっぱいですね。

　　　ほかに予約できる時間は、明日の10時と午後3時、

　　　あさっての12時以降でしたら、空いていますけど。

山本：じゃ、一番早いところでお願いします。

受付：はい、分かりました。お名前をお願いします。

山本：山本です。

受付：山本さんですね。はい、分かりました。では、お待ちしています。

山本さんはいつ歯医者に行くことにしましたか？

1．今日の午後です。

2．明日の午前10時です。

3．明日の午後3時です。

4．あさっての12時です。

N2-023. 男の人は、このスポーツクラブで、いつから、何をしたいと思っていますか。

男の人がスポーツクラブの受付に来ました。

男の人は、このスポーツクラブで、いつから、何をしたいと思っていますか。

　受付：いらっしゃいませ。

男の人：あのーちょっと伺いますが。

　受付：はい、何でしょう。

男の人：来週から、こちらのクラブに入りたいと思っているんですが、

　　　　いろいろ教えてもらえますか。

　受付：はい、こちらには25mプールや、テニスコートがございます。

男の人：あーそうですか。プールはいつでも使えるんですか。

　受付：はい、月曜日は休みですが、ほかの日はいつでもお使いいただけます。

男の人：そうですか。私は来週から泳ぎたいと思っているんです。

　受付：はい、来週からですね。それではこちらの申し込み書に

　　　　お名前などを書いて、今週中に持ってきていただけますか。

男の人：はい、分かりました。今週中ですね。

　受付：はい、そうしていただければ、

　　　　来週からプールをお使いいただけます。

男の人：あー、分かりました。

　受付：お待ちしております。

男の人は、このスポーツクラブで、

いつから、何をしたいと思っていますか。

1. 今週から泳ぎたいです。

2. 来週から泳ぎたいです。

3. 今週からテニスをしたいです。

4. 来週からテニスをしたいです。

N2-024. 男の人が一緒にいた人は誰でしたか。

男の人と女の人が話をしています。男の人が一緒にいた人は誰でしたか。

女：ねえ、この前一緒にいた女の人だあれ？

男：え、女の人？ああ、家内のことかな？

女：違うわ、あなたの奥さんなら見たことあるもん。駅で一緒にいた人よ。

男：駅で？同僚とこの前食事をしたけど、駅には行ってないし…

女：なんだかすごく仲が良さそうに歩いてたわ。奥さんに言っちゃおうかな。

男：ちょっと待ってよ！　えーと、妹には最近会ってないし…

女：信じられない。宮崎さん、真面目な人だと思っていたのに。

男：あ、わかった。ねえ、女の顔をはっきり見たわけじゃないんだろう？

　　最近、家内は長かった髪をばっさり切ったからね。気がつかなかった

　　のも無理はないね。

男の人が一緒にいた人は誰でしたか。

1.　妻です。

2.　同僚です。

3.　妹です。

4.　恋人です。

N2-025. 山田さんは何時に先生の研究室へ行けばいいですか。

山田さんと先生が話しています。

山田さんは何時に先生の研究室へ行けばいいですか。

先生：山田さん、頼まれてた書類が出来たから、

　　　あとで、研究室に取りに来てください。

山田：はい、ありがとうございます。でも今から2時半まで授業なので…。

　　　先生、今日の午後はずっと研究室にいらっしゃいますか。

先生：3時から会議があるから、その間2時間ぐらいいないけど。

山田：そうですか。では、授業が終わってからすぐ伺います。

　　　あっ、でも今日は授業の後、奨学金の手続きで事務所の人と約束があるんだ…。

先生：会議の後、6時ぐらいまで研究室にいるから、

　　　時間が空いたときに来てください。

山田：すみません、ありがとうございました。

山田さんは何時に先生の研究室へ行けばいいですか。

1. 2時です。

2. 2時半です。

3. 3時です。

4. 5時です。

N2-026. 男の人が予約したチケットはいつの物でしょう。

男の人が電話で歌舞伎のチケットの予約をしています。

男の人が予約したチケットはいつの物でしょう。

（登場人物：男、女―チケットセンターの受付嬢）

（効果音：電話のリーンと鳴る音２回）

女：もしもし、こちら帝都劇場のチケットセンターでございます。

男：あのぉ、明日11月29日の歌舞伎のチケットを２枚欲しいんですけど...

女：午前の部でしょうか、午後の部でしょうか？

男：えーと、午後の部です。

女：お客様、大変申し訳ございません。

　　午後の部の座席はすべて予約済みでございますので、

　　午前しか空いておりません。

男：えーと、午前はちょっと無理だなぁ・・・

　　あさってなら時間があるけど、チケットに空きはありますか？

女：はい、その日の午前は予約でいっぱいですけども、

　　午後ならすこし座席が残っています。

男：じゃぁ、それに決めます。

男の人が予約したチケットはいつの物でしょう。

1． 11月29日の午前のチケット

2． 11月29日の午後のチケット

3． 11月30日の午前のチケット

4． 11月30日の午後のチケット

N2-027. 女の人はいつ旅行に行きますか。

男の人と女の人が会社で旅行について話しています。

女の人はいつ旅行に行きますか。

男の人：あれ、佐藤さん、どうして今日会社に来ているの。

　　　　オーストラリアへ旅行に行くんじゃなかったの。

女の人：そうなの、今日シドニーへ行くはずだったんだけれど、

　　　　一緒に行く友達の都合が急に悪くなって。

男の人：じゃ､旅行にいくのは止めたの。

女の人：ううん。延期したの。あさって行くことにしたの。

男の人：そうか。あさってか。今日は10月30日だから、

　　　　えーっと、11月2日にいくのか。

女の人：11月2日?　何言ってるの。10月は31日まであるのよ。

男の人：あ、そうか。じゃ､気を付けて行って来てね。

女の人はいつ旅行に行きますか。

1．10月31日です。

2．11月1日です。

3．11月2日です。

4．11月3日です。

N2-028. 女の人は書類をどうしますか。

会社で女の人が課長に相談しています。女の人は書類をどうしますか。

女の人：課長、すみません。今日、急に来客があったりしたもので

　　　　この書類出すの、すっかり忘れてました。

課長　：えーっ！君、それ、朝、あれほど言っといたのに。

　　　　あしたの朝までに本社に届かないと大変なことになるんだよ。

女の人：あの･･･、わたし、今から本社に届けてきます。

課長　：そんな、君、これから電車で行くっていうの？

　　　　もう遅いし、無理だろう？

女の人：でも･･･。

課長　：どうするかなあ。ぼくが車で持って行くこともできるんだけど･･･。

　　　　今晩、会合あるしなあ。

女の人：あのう、前に営業の松本さんが、24時間、オートバイで届ける

　　　　サービスをしている会社があるって言ってたと思うんですけど。

課長　：そうか、それが確実だな。深夜でも届けてくれるだろうし･･･。

女の人：ええ。じゃ、すぐその会社に電話します。

女の人は書類をどうしますか。

1.　女の人がこれから電車で届けに行きます。

2.　課長に車で届けてもらいます。

3.　松本さんにオートバイで届けてもらいます。

4. オートバイで届けるサービスをしている会社に頼みます。

N2-029. 男の人は明日のパーティーに何を持っていくことになりましたか。

　にほんしゅ（日本酒）= にほんの　おさけ

男の人と女の人が明日のパーティーのことについて相談しています。

男の人は明日のパーティーに何を持っていくことになりましたか。

女：ね、明日のパーティーに持っていくものを決めときたいんですけど。

男：あ、そうだね､何を食べるか、決まったの？

女：うん、みんな焼き肉がいいって言っているんですけど、いいかしら？

男：いいんじゃない？じゃ、僕は肉を用意して持っていこうか。

女：肉は、田中さんがみんなの全部用意して持ってきてくれると言って

　　いるから、大きい鍋を持ってきてくれる？重くて悪いけど。

男：オーケー。飲み物は？この前、美味しい日本酒をもらったから、

　　日本酒だったらあるよ。

女：日本酒は女性たちが飲めないから、もったいないわよ。

　　ワインとビールは私と鈴木さんが持っていこうと思っているんだけど、

　　それでどう？

男：わかった。じゃ、そうしよう。

男の人は明日のパーティーに何を持っていくことになりましたか。

1. 肉です。

2. 鍋です。

3. 日本酒です。

4. ワインとビールです。

N2-030. クラスのサッカー大会は何曜日ですか？

教室で先生が生徒に話をしています。

クラスのサッカー大会は何曜日ですか？

先生：みんな今週、サッカー大会をやろうか？

（子供全員で）賛成！やった！

子供：今週のいつですか？

先生：それがね、水曜日テストがあるから、

　　木曜日か金曜日がいいと思うんだけど、みんなはどう思う？

子供：でも、全然練習もしてないし、土曜日はダメですか？

先生：うーん、みんなもそれがいい？

(全員で）はい。

先生：じゃ、そうしよう。テストもサッカーも頑張ろう。

クラスのサッカー大会は何曜日ですか？

1．水曜日です。

2．木曜日です。

3．金曜日です。

4．土曜日です。

N2-031. 加藤さんが1時までにしておかなければならない仕事は何ですか。

加藤(カトウ)さんは会社の上司と話をしています。

加藤さんが1時までにしておかなければならない仕事は何ですか。

上司：加藤さん、会議室の片付けは終わりましたか。

加藤：すみません。まだです。朝からいろいろ忙しくて･･･。

　　　明日までに研修報告書も提出しなければいけないし、会議の書類も

　　　コピーするようにと言われたもんで･･･。

上司：午後、大切なお客さんが来ますから

１時までに必ずやっておいてくださいよ。

加藤：はい、分かりました。

加藤さんが1時までにしておかなければならない仕事は何ですか。

1. 会議室の片付けです。

2. 研修報告書の提出です。

3. 会議書類のコピーです。

4. お客さんの案内です。

N2-032. 2人は何時に会いますか。

男の人と女の人が話をしています。2人は何時に会いますか。

男：コンサートが始まるのは7時半だから、いつもと同じ時間でいいよね。

女：うん。じゃあ、7時に改札ね。

あ、でも、コンサートが終わるの9時すぎだから、

　　その前にご飯を食べない？

男：そうだね。じゃあ、6時にしようか。

女：じゃあ、6時に改札ね。

男：あ、だめだ。その日は6時半まで会議があるんだった。

女：そうか、じゃあ、先に食事をするのは無理ね。

男：悪い。コンサートの後においしい物をごちそうするからさ。

女：OK。じゃあ、いつも通りね。

2人は何時に会いますか。

1.　6時に会います。

2.　6時半に会います。

3.　7時に会います。

4.　7時半に会います。

N2-033. 女の人は何で東京駅まで行きますか

女の人は東京駅への行き方を、交番で聞いています。

女の人は何で東京駅まで行きますか。

　女の人　：すみません。東京駅へ行きたいんですが、

ここから歩いて行けますか。

お巡りさん：歩いて？歩いてはちょっと遠いですよ。

　女の人　：そうですか。

お巡りさん：ほら、あそこにバス停があるでしょ。

　女の人　：はい。

お巡りさん：あそこから東京駅へ行くバスがあるから

それで行った方がいいと思うよ。

　　　　　　確かもうすぐ出発するのがありますよ。

　女の人　：あっ、そうですか。

お巡りさん：で、もし急ぐなら、そこの角を曲がったところに駅があるから、

そこから電車で行くとバスより早く着くけどね。

　女の人　：あっ、そうなんですか。じゃあ、急ぐのでそうします。

ありがとうございました。

女の人は何で東京駅まで行きますか。

1. 歩いて行きます。

2. バスで行きます。

3. 電車で行きます。

4. バスと電車で行きます。

N2-034. お客さんは何を買いますか。

時計屋さんで店員とお客さんが話しています。お客さんは何を買いますか。

店員：何かお探しでしょうか？

お客：今度友だちが結婚するので、

　　　そのプレゼントに置き時計を見たいのですが・・・

店員：ご予算はどのくらいで、どういったものをお探しですか？

お客：そうねえ、予算は１万５千円ぐらいで・・・彼女おシャレ好きだから。

　　　あ、それに彼女、色は白が大好きなんですよ。

店員：それでしたら、こちらはいかがですか？色も白ですし、

　　　四角い形がとってもおしゃれですよ。金額も１万２千円とお手頃です。

お客：素敵ですね。でも、四角いのがちょっと・・・

お客：白いので他の形はないですか？

店員：あ、この丸い形のでしたら、白もあるし、

　　　他に黒と赤もございます。

　　　でもお値段の方が１万８千円とちょっと高めになりますが。

お客：うーん、１万千円ね・・・。

　　　でも、とっても可愛いから友だちも好きだと思うので、

　　　これの白をください。

お客さんは何を買いますか。

N2-035. 学生の探している本はどこにありますか。

教授と学生の会話です。学生の探している本はどこにありますか。

（ノック２回）

教授：はい。

（ドアを開ける音）

学生：あ、先生。こんにちは。

教授：あ、山田君。こんにちは。

学生：あの･･･先生、ちょっとよろしいでしょうか。

教授：ああ、いいよ。何ですか。

学生：先生、先週の授業で、先生が紹介してくださった本を貸していただき

　　たいんですが･･･

教授：ああ、あれですか。いいですよ。あれならそこの本棚にありますよ。

学生：えっ－と、右側でしょうか。

教授：いや、左側ですよ。上から二段目ですよ。そう、そう。

学生：ああ、ありました。英和辞典の隣ですね。

教授：ええ。

学生の探している本はどこにありますか。

N2-036. 女の人は、なぜ遅刻しましたか。

女の人が会社の人に遅刻の理由を説明しています。

女の人は、なぜ遅刻しましたか。

　女の人：あのう、遅くなってすみません。

会社の人：君、また遅刻か。今日は電車が止まったのかい、

　　　　　それともバスが遅れたのかい。

　女の人：それが…、あのう、目覚まし時計が壊れて、うっかり…。

会社の人：じゃあ、ぐっすり寝て疲れも取れたはずだから、その分、仕事だな。

　女の人：はーはい。分かりました。

女の人は、なぜ遅刻しましたか。

1． 寝坊したからです。

2． 電車が止まったからです。

3． 時計が無いからです。

4． バスが遅れたからです。

N2-037. 女の人は、これから何をしますか。

男の人と女の人は、試験を終えたところです。

女の人は、これから何をしますか。

男：終わったー。しばらく、勉強したくないな。

女：あー疲れた。徹夜しちゃったから。家に帰って、昼寝しようっと。

男：えっ、せっかく試験が終わったんだから、ぱーっと遊ぼうよ。カラオケ、行かない？

女：カラオケか、あんまり好きじゃないの。

男：じゃ、ボーリングはどう？

女：あー、ごめん。やっぱり、今日は帰るね。

女の人は、これから何をしますか。

1．カラオケに行く

2．ボーリングに行く

3．家で勉強する

4．家で寝る

N2-038. 山本さんは後何冊借りられますか？ 。

山本さんは図書館で本を借りました。山本さんは後何冊借りられますか？

山本：すみません。

受付：はい。

山本：この３冊お願いします。

受付：分かりました。学生証をお願いします。（…）

　　　えーと、すでに４冊借りていますね。

山本：はい、そうです。

受付：すみません。借りられるのは５冊までですので。

山本：あの、私大学院生なんですけど。

受付：あっ、すみません。大学院の方は10冊までですので。

山本：じゃ、この３冊お願いします。

受付：すみません。 この白いカバーの図書は館内のみになりますので

　　　貸し出しはできないんですけれども。

山本：そうですか。じゃこの２冊お願いします。

受付：はい、分かりました。（…）どうぞ。

山本：はい、どうもありがとうございました。

山本さんは後何冊借りられますか？

1．2冊です。

2．3冊です。

3．6冊です。

4．7冊です。

N2-039. 女の人はこの後どうしますか。

女の人が会社で先輩と話をしています。女の人はこの後どうしますか。

男の人：田中さん、確か中国語、得意だよね。

女の人：はい。

男の人：実は翻訳してほしい資料があるんだ。

女の人：あの、それ、急ぎますか。

男の人：うん、できれば、土曜日までにやってほしいんだよ。

女の人：今週はちょっと。来週までに書かなければならない書類があるんです。

男の人：うーん。誰か他に中国語の分かる人はいないかな。

女の人：あのう、中国人の友人だったら、紹介できますが。日本語もできるし。

男の人：あ、本当？じゃ、頼むよ。

女の人：はい。連絡してみます。

女の人はこの後どうしますか。

1． 書類が書き終わってから翻訳を始めます。

2． 書類を書くのをやめて翻訳を始めます。

3． 日本語の分かる中国人に連絡をします。

4． 中国語の分かる日本人に連絡をします。

N2-040. 男の人はどうしてお酒を飲みに行かないのですか。

男の人と女の人が会社で話しています。男の人はどうしてお酒を飲みに行かないのですか。

女の人：あの、もしよかったらみんなで飲みに行きませんか。金曜日だし。

男の人：うーん、今日はちょっとやめておくよ。

女の人：あっ、デートですか。

男の人：違う違う。ちょっとかぜをひいたみたいなんだ。来週から出張だし、

　　　　早めに治さないといけないから、今日は帰るよ。

女の人：そうですか。じゃあ、お大事に。

男の人はどうしてお酒を飲みに行かないのですか。

1．デートだからです。

2．出張の準備があるからです。

3．体の調子が悪いからです。

4．出張に行くからです。

N2-041. このあと二人はどうしますか。

男の人と女の人が電話をしています。このあと二人はどうしますか。

藤原：はい、藤原です。どちらさまですか。

紀香：紀香です。今朝、何度も電話したのにどうしたの。

藤原：あぁ、ごめん、ごめん。昨日仕事で遅かったんで、

　　　電話に気がつかなかったんだ。それで、何。

紀香：うん。今夜の映画のチケットがあるんだけど、一緒に行かない。

藤原：あぁ、いいけど。でも、雨が降ってるよ。

紀香：雨でもいいじゃない。それに天気予報で、夕方までには止むって。

藤原：そう。じゃぁ、夕方にちょっと用事があるから、8時位でもいい。

　　　先月行った映画館でしょ。

紀香：うん、そうそう。それじゃ先に行ってるね。

藤原：わかった、じゃぁまたね。

このあと二人はどうしますか。

1． 雨が降っているので、どこへも行きません。

2． 一緒に映画を見ます。

3．男の人はもう映画を見たので、女の人だけ映画に行きます。

4．男の人は用事があるので、女の人だけ映画に行きます。

N2-042. 女の人は何番目の駅で降りますか。

女の人が駅の人に質問しています。女の人は何番目の駅で降りますか。

女の人：すみません。

駅の人：はい。なんでしょうか。

女の人：あの、さくら駅に行きたいんですが、何番目の駅でおりますか。

駅の人：あー。さくら駅ですね。

女の人：ええー。

駅の人：えーと、ここから四番目の駅ですが、特急なら二つ目と三つ目の駅は

　　　　とまりませんから、二番目にとまります。

　　　　あー、一番ホームにとまっているのが特急です。

　　　　あの電車なら早く着きますよ。

女の人：あー、そうですか。どうもありがとうございます。（走る音）

女の人は何番目の駅で降りますか。

1. 一番目です。

2. 二番目です。

3. 三番目です。

4. 四番目です。

N2-043. 花子さんはなぜ遅刻したのでしょうか？

花子さんは学校に遅刻した理由を先生に説明しています。

花子さんはなぜ遅刻したのでしょうか？

先生：花子さん、今日はどうして１時間目の授業に遅刻したんですか？

花子：先生、実は学校に来る途中に忘れ物を思い出して、

　　　一度、家に戻ったんです。

　　　それで遅れてしまったんです。

先生：でも、時間に余裕をもって、

　　　朝早く家をでていれば遅刻しないでしょ。

花子：そうなんですけれども…

先生：もしかして、電車の中で居眠りでもしてたんですか？

花子：先生、すみません。実は朝寝坊もしてしまったんです。

花子さんはなぜ遅刻したのでしょうか？

1． 通学途中で家に引き返したうえ、電車の中で居眠 りしてしまったからです。

2． 家を出るのが遅かったうえ、電車の中で居眠りしてしまったからです。

3． 家を出るのが遅かったうえ、途中で家に引き返したからです。

4． 朝寝坊したうえ、途中で家に引き返したからです。

N2-044. 部長の明日のスケジュールはどうなりますか？

部長と秘書は明日のスケジュールについて話し合っています。

部長の明日のスケジュールはどうなりますか？

男：田中さん、私の明日のスケジュールはどうなっていますか？

女：明日は10時から営業部の上田さんとの打ち合わせで、

午後1時からは展示会の視察となっております。

男：そう。

女：ただ先ほど上田さんからお電話がありまして、

打ち合わせを夕方４時からに変更していただきたいとのことですが、

よろしいでしょうか？

男：最近胃の調子が悪くて、時間があれば病院に行きたいと思っていたので、

それならちょうどよい。

部長の明日のスケジュールはどうなっていますか？

1.　病院→展示会→打ち合わせ

2.　打ち合わせ→病院→展示会

3.　打ち合わせ→展示会→病院

4.　展示会→打ち合わせ→病院

N2-045. 男の人はどうして顔色が悪いのですか。

男の人は一人で暮らし始めたばかりです。

男の人はどうして顔色が悪いのですか。

女の人：新生活はどう？寂しいんじゃないの？

男の人：まさか。一人は最高だよ。

女の人：でも、顔色悪いよ。仕事、忙しいの？

男の人：ううん。たっぷり寝る時もあるし。ただ食事がね。

女の人：ちゃんと作っているの？

男の人：作っているよ。でも、好きなものしか食べなくてさ。

女の人：駄目だよ。気をつけなきゃ。

男の人はどうして顔色が悪いのですか。

1． 寂しいからです。

2． 仕事が忙しいからです。

3． 睡眠不足だからです。

4． 食事のバランスが悪いからです。

N2-046. 男の人はどうして頭が痛いのですか？

男の人と女の人が会社で話をしています。

男の人はどうして頭が痛いのですか？

男の人：あーあー、頭が痛い。

女の人：ううん、そういえば、顔色も悪いし、最近仕事しすぎてるんじゃない？

男の人：いや、いつものことだし、仕事に負けるもんか。

女の人：あ、わかったわ。きっと、かぜだ。ほら、昨日寒かったから。

男の人：違う。

女の人：じゃ、何？

男の人：昨日、みんなと野球やって。

女の人：野球？

男の人：ううん、その後で飲み会があってさ。

女の人：あ、飲んだんだ！

男の人はどうして頭が痛いのですか？

1．かぜをひいたからです。

2．仕事をしすぎたからです。

3．スポーツをしすぎたからです。

4．お酒を飲んだからです。

N2-047. 男の人は選挙についてどうしてほしいと思っていますか。。

　男の人がインタビューに答えています。

男の人は選挙についてどうしてほしいと思っていますか。

女：あ、ちょっとすみません。

男：はあい。

女：今度の選挙についてなんですけど、

　　何か意見がありましたら、聞かせて下さい。

男：ええ・・・。別にありませんが。

女：日本では選挙に行く人が少ないことや、選挙に出ている人の相手に関す

　　る非難や悪口を言いすぎることなどが、よく問題点になっていますが、

　　どう思われますか。

男：そうですね。ある程度は、しょうがないと思いますが。

　　日本だけの話ではないと思うし。

女：ああ、そうですか。ご自分は今度の選挙に行きますか。

男：そうですね。行くことは行きますが、今回は候補者が五人もいて、

　　誰がどういう意見を持っているのかいまだによくわからなくて。

女：そうですか。

男：そうですね。

　　それぞれの候補者の意見をまとめた資料があれば助かりますね。

男の人は選挙についてどうしてほしいと思っていますか。

1. 若い人が選挙に出てほしいです。

2. 若い人が選挙に関心を持ってほしいです。

3. 選挙に出ている人の意見をまとめた資料がほしいです。

4. 選挙に出ている人が相手を非難するのをやめてほしいです。

N2-048. パーティーはどこでしますか

男の人と女の人が教室で話しています。パーティーはどこでしますか。

男：明日試験が終わったら、勉強のことなんか忘れて、みんなで楽しみたいね。

女：そうね。自分の得意な料理を作って、持ちよるのはどう。

男：いいね。でも場所は。

女：寮の部屋じゃせまいし。

男：それじゃ、教室でもいいんじゃないかな。

女：うーん。でも・・・。

男：じゃ、寮の前のしばふで野外パーティーというのはどうかな。

女：それがいいわね。

どこでパーティーをしますか。

1．寮の大きい部屋です。

2．教室です。

3．寮の前のしばふです。

N2-049. 女の人はなぜ怒ったのですか。

男の人と女の人が話をしています。女の人はなぜ怒ったのですか。

女：どう？　私の服。見て。昨日買ったの。似合ってる？

男：ああ、いいんじゃない。（投げやりな感じで）

女：え？　なによ、その言い方！なんか変？

男：イヤ。全然。

女：全然？

男：だからさ、いいんじゃないって言ったんだよ。

女：いっつもそう。私がなんか聞いても、ちゃんと答えてくれないのよね！

男：だって、どうせ僕のカードで買ったんでしょ？

女の人はなぜ怒ったのですか。

1． 女の人は男の人に服が高いと言われたから。

2． 男の人は女の人の新しい服が好きではなかったから。

3． 女の人は男の人にカードを使われてしまったから。

4． 男の人が女の人の話に乗らなかったから。

N2-050. お見舞いに何を持っていきますか？

3人は知り合いの先生のお見舞いに何を持っていくか相談しています。

お見舞いに何を持っていきますか？

Ａ：田中先生のお見舞いどうする？

Ｂ：普通はお花ですよね。

Ｃ：そうだなぁ、食べ物はどう？果物とか、先生お好きじゃない？

Ａ：でも、いちいち剥いて食べるのは病気の人には気の毒よ。

　　あっそうだケーキは？

Ｃ：それこそ病人は食べられないじゃない。

　　あー、でも看病しているご家族の方にいいかもね。

Ｂ：でも、先生へのお見舞いなんだし・・

Ａ：そっか・・お金は・・かえって失礼になるかな。

Ｃ：それは失礼だよ。あっそうだ、小説とか、どう？入院中は退屈だろうし。

Ｂ：そうですね。先生がお好きな作家の新作がでましたから、

　　それにしましょうか。

Ａ：じゃ、私、買っとく。

お見舞いに何を持っていきますか？

1. お花です

2. 食べ物です

3. お金です

4. 本です

N2-051. 男の人が忘れていたことは何ですか。

男の人が銀行に行きました。男の人が忘れていたことは何ですか。

女：いらっしゃいませ。

男：振り込みをしたいんですけど。

女：振り込みですね。では、振り込み用紙のほう、お預かりします。

（間をあけて）あ、すみません。電話番号のご記入をお願いします。

男：えっ、書いてませんでした？

女：はい。ご住所の下にお願いします。

男：あ、はい。

女：手数料を含め、6315円になります。

男：じゃ、１万円で。

女：１万円お預かりします。少々お待ちください。

男の人が忘れていたことは何ですか。

1．振り込みをすることです。

2．住所を書くことです。

3．電話番号を書くことです。

4．手数料を払うことです。

N2-052. 女の人はどうしますか。

女の人が時計屋で話しています。女の人はどうしますか。

女：すみません。この時計、電池を換えたばかりなのに

1ヶ月ぐらいで止まっちゃったんですけど。修理できるでしょうか。

男：あー、ちょっと、中を開けて見てみないと…。

女：いくらぐらい、かかるでしょうか。

男：うーん、それも中を見ないと何とも言えないんですが…。

場合によっては1万円ぐらいかかっちゃうかもしれません。

女：えーっ！1万円ですかー。1万円出せば、新しい時計が買えますよねえ。

男：ええ、だから最近は、修理するお客様が少ないんですよ。

女：どうしよう、新しいのを買おうかしら。

でも、これプレゼントでもらった時計で、大切にしていたものだから。

男：そうですか。それでは、とりあえず、見積もりを出してみましょう。

　　もしかしたら、中が汚れているだけかもしれません。

女：はあ。

男：その場合は、きれいにするだけだから、もっと安くてすみますよ。

　　値段を見てから決めては、いかがですか。

女：ええ、それじゃあ、そうします。

女の人はどうしますか。

1. 新しい時計を買います。

2. 時計を修理します。

3. プレゼントを買います。

4. 修理代を調べてもらいます。

N2-053. 男の人はこの後何をしますか。

男の人と女の人が会社で話をしています。男の人はこの後何をしますか。

男の人：あれ、まだいるんですか。

女の人：ええ、まだこの仕事が終わらないんですよ。

男の人：私に出来ることがあったら言って下さい。

女の人：ん。大丈夫です。ありがとうございます。

男の人：そうですか。ではお先に。

男の人はこの後、何をしますか。

1. 女の人の仕事を手伝います。

2. 自分の仕事を続けます。

3. 一人で家に帰ります。

4. 女の人と一緒に帰ります。

N2-054. 女の人は、今日、本を何冊借りられますか。

女の人が図書館に本を借りに来ました。

女の人は、今日、本を何冊借りられますか。

女性：あのう、すみません。この本を借りたいんですけど・・・。

司書：この３冊ですね。貸し出しカードを見せてください。

女性：はい。

司書：もうすでに本を４冊借りていますね。本は６冊までなので、

あと２冊しか借りられないんですよ。

女性：あっ、そうですか。じゃ、この一冊はやめます。

女の人は、今日、本を何冊借りられますか。

1. 1冊です。

2. 2冊です。

3. 3冊です。

4. 4冊です。

N2-055. 二人は今度、いつ、どこで会いますか。

男の人と女の人が電話で話しています。二人は今度、いつ、どこで会いますか。

男の人：じゃあ、１０日の１０時に、図書館の前にしようか。

女の人：うん、わかった。土曜日の１０時ね。

男の人：えっ、１０日は日曜日だよ。

女の人：あっ、ごめんなさい。日曜日は、２時までお花の稽古なんだけど。

男の人：そうか。じゃあ駅のほうがいいね。

女の人：そうね。じゃあ３時に。

男の人：うん、わかった。

二人は今度、いつ、どこで会いますか。

1．土曜日の１０時に、図書館の前で会います。

2．日曜日の３時に、駅で会います。

3．土曜日の３時に、駅で会います。

4．日曜日の２時に、図書館の前で会います。

N2-056. 女の人はどんな水着を買いますか。

男の人と女の人が水着を買いに来ました。女の人はどんな水着を買いますか。

男の人：じゃ、これはどう？水着ならやっぱりお腹が見えるのがいいだろう。

女の人：それはむりだよ、私みたいな人にはお腹が見える水着は。

男の人：うん・・・じゃ、あそこにあるお腹が見えないのは？

女の人：それはいいんだけど、花の模様はちょっと太って見えるから・・・

男の人：じゃ、あれはいいだろう？何も描いてないから。

女の人：あ、あそこにあるシンプルなの？あ、いいね、あれにしよう！

女の人はどんな水着を買いますか。（絵で書いてある）

1. ビキニ水着

2. 三角模様があるワンピース水着

3. 花模様があるワンピース水着

4. 何も描いてないワンピース水着

N2-057. 女の人は、男の人の何が悪いと言っていますか。

男の人と女の人がアルバイトの面接について話をしています。

女の人は、男の人の何が悪いと言っていますか。

女の人：アルバイト、見つかった？

男の人：それが…先週行ったところも、おととい行ったところも

　　　　連絡がないんだ。合格者には次の日電話するって言ってたのに。

　　　　どうしてだめなのかなあ。

女の人：遅刻したんじゃないの？

男の人：まさか！遅刻なんてするわけないじゃないか。

女の人：そう。髪も切ったし、髭も剃ったし。

　　　　あ、普段着で行ったんじゃない？

男の人：え？だめなの？

女の人：そりゃそうよ。

　　　　いちおう面接なんだから、きちんとした格好で行かなきゃ。

男の人：そっか。じゃ、明日はジーンズはやめるよ。

女の人は男の人の何が悪いと言っていますか。

1. 男の人がちこくをしたことです。

2. 男の人が髪を切ったり、髭を剃ったりしたことです。

3. 男の人がきちんとした格好で行かなかったことです。

4. 男の人がジーンズをやめたことです。

N2-058. 初めて日本に来た男性の留学生はいくら払いますか。

新入生のためにパーティーがありました。

初めて日本に来た男性の留学生はいくら払いますか。

はーい。それでは集金します。会費は2000円です。

えー、お酒を飲んだ人は500円多く、つまり2500円払ってください。

男性も女性も同じです。飲んだ人は2500円。飲まなかった人は2000円です。

あ、今年始めてきた留学生の皆さんはお酒を飲んだ・飲まなかったにかかわらず1000円です。

去年からいる留学生の皆さんはちゃんと払ってくださいよー。

ではお願いしまーす。

初めて日本に来た男性の留学生はいくら払いますか。

1. 2000円払います。

2. 2500円払います。

3. 1000円払います。

4. 1500円払います。

N2-059. 男の人はどうして眠れないと言っていますか。

男の人と女の人が話しています。男の人はどうして眠れないと言っていますか。

男：新しいアパートに移ってから、眠れない日が多いんだけど・・・。

女：家の周りがうるさいの？

男：住宅街だから、そんなにうるさくはないけど、アパートの前の道は、

　　夜中でも結構車がたくさん通るんだよね。

女：それが原因じゃない？

男：車の音は問題ないはずなんだ。都会に住むのは慣れてるから。

女：じゃ、何かほかに問題でもあるの？

男：うーん、特に何も・・・。いい部屋なんだけど・・・やっぱり引っ越した

　　ばかりだから、まだ落ち着かないのが原因だと思う。

女：ああ。私もその気持ち分かる。

男の人はどうして眠れないと言っていますか。

1． 新しい部屋が気に入らないからです。

2． 新しい部屋に慣れていないからです。

3． 車の音がうるさいからです。

4． 悩んでいることがあるからです。

N2-060. これから夫婦はどうしますか。

夫婦はフランス料理レストランに着いたところです。

これから夫婦はどうしますか。

婦人：今晩は。食事をしたいんですが。

レストランアテンダー：お二人様でよろしいですか。

婦人：はい。

レストランアテンダー：おタバコお吸いになりますか。

婦人：はい。主人は吸います。

レストランアテンダー：喫煙席でよろしいですね。

夫：はい。窓側、眺めがいいところの席をお願いします。

レストランアテンダー：申し訳ございませんが、

　　本日、窓側の喫煙席は予約で満席になっておりますが、

　　禁煙席ならご用意できますが。

夫：あ、そうですか。じゃあ、それでいいです。

レストランアテンダー：はい、かしこまりました。

これから夫婦はどうしますか？

1． 帰ります。

2． 窓側の喫煙席に座ります。

3． 窓側の禁煙席に座ります。

4． 他の席に座ります。

N2-061. 男の人はこのあとすぐ、どうしますか。

道で男の人と女の人が話しています。男の人はこのあとすぐ、どうしますか。

男：あれ、おかしいなあ、財布がない！どこかで落としたのかなあ。

女：えーっ！大変。さっき入った店に戻ってみる？

男：いや、店出るときは持ってたから、途中で落としちゃったんだよ、

　　たぶん。

女：そうか。で、いくら入ってたの？

男：現金は5千円ぐらいだから大したことないんだけど、

　　それよりカードが…。

女：ああ、銀行のカードね…。じゃ、銀行に連絡しなきゃ。

男：いや、それもあるけど、心配なのはクレジットカードのほうだよ。

女：ああ、そうか。拾った人に使われちゃったら大変だもんね。

　　じゃ、カード会社に連絡するのが先ね。それから交番に届けたら？

男：そうだね。そうするよ。

男の人はこのあとすぐ、どうしますか。

1. さっき入った店に戻ります。

2. 銀行に連絡します。

3. カード会社に連絡します。

4. 交番に届けます。

N2-062. 女の人は何を食べますか。

男の人と女の人が会社で話をしています。

男の人は出張に行ってお土産を二つ買ってきました。

女の人は何を食べますか。

男の人：出張のおみやげがあるんだけど、お茶にしようか。

女の人：いいですね。そうしましょう。

男の人：ケーキはどう。これ、おいしいんだよ。

　　　　おいしいって聞いたから昨日食べてみたんだよ。

女の人：甘いものはちょっと。ダイエットをしているんで。

男の人：じゃ、みかんは。

女の人：ええ、果物には目がないんで。

女の人は何を食べますか。

1．ケーキだけ食べます。

2．みかんだけ食べます。

3．ケーキとみかんを食べます。

4．ケーキもみかんも食べません。